

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-MARKETING



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(GIAI ĐOẠN 2014 – 2018)

(Theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư 04/2016 ngày 14/3/2016)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2019

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-MARKETING



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(GIAI ĐOẠN 2014 – 2018)

(Theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDDH của Bộ Giáo dục và
Đào tạo ban hành tại Thông tư 04/2016 ngày 14/3/2016)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2019



DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
Thành viên Hội đồng tư vấn đánh giá chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học
(Kèm theo Quyết định số 890/QĐ-ĐHTCM 29/5/18, Quyết định số 1949/QĐ-ĐHTCM ngày 22/10/18, Quyết định số 804/QĐ-ĐHTCM ngày 25/4/19 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Hoàng Đức Long	Tiến sĩ, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Nguyễn Văn Hiến	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
3	Huỳnh Thị Thu Sương	Tiến sĩ, Trưởng khoa QTKD	Phó chủ tịch	
4	Phạm Thế Vinh	Thạc sĩ, Trưởng phòng KT-QLCL	Thành viên, thư ký HĐ	
5	Trần Quốc Tuấn	Thạc sĩ, Phó trưởng Khoa QTKD	Thành viên	
6	Nguyễn Thanh Lâm	Thạc sĩ, Phó trưởng bộ môn QT chuyên ngành tổng hợp	Thành viên	
7	Nguyễn Thị Minh Trâm	Thạc sĩ, Phó trưởng bộ môn QT cơ sở	Thành viên	
8	Hứa Minh Tuấn	Thạc sĩ, Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
9	Lê Trung Đạo	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
10	Đặng Thị Ngọc Lan	Tiến sĩ, PHT-Trưởng P. QLĐT	Thành viên	
11	Nguyễn Thanh Hải	Thạc sĩ, Trưởng phòng CTSV	Thành viên	
12	Nguyễn Tấn Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng TCHC	Thành viên	
13	Bảo Trung	Tiến sĩ, Trưởng phòng QLKH	Thành viên	
14	Nguyễn Hồng Thanh	Thạc sĩ, Trưởng phòng QTTB	Thành viên	
15	Nguyễn Phan Tấn Minh	Sinh viên lớp CLC15DQT	Thành viên	

Danh sách gồm có: 15 người

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC CÁC HÌNH	vi
DANH MỤC CÁC BẢNG	vii
PHẦN I: KHÁI QUÁT	1
1.1. Đặt vấn đề.....	1
1.2. Tổng quan chung	6
1.2.1. <i>Khái quát về Trường Đại học Tài chính-Marketing</i>	6
1.2.2. <i>Giới thiệu về Khoa Quản trị Kinh doanh</i>	10
PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	14
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	14
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo.	20
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.	26
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	32
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá Kết quả học tập của người học.	38
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	47
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên.....	61
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	70
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	79
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng.....	86
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	97
PHẦN III: KẾT LUẬN	106
3.1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy:	106
3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng:	108
3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo:.....	110
3.4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo:.....	111
PHẦN IV: PHỤ LỤC	116
Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT	116

Phụ lục 2: Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá	143
Phụ lục 3: Quyết định thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá.....	147
Phụ lục 4: Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo.....	155

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT TẮT	CHÚ THÍCH
1	AUN-QA	Hệ thống đảm bảo chất lượng mạng lưới các trường Đại học Đông Nam Á
2	Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	CB-GV	Cán bộ - giảng viên
4	CBVC	Cán bộ viên chức
5	CĐR	Chuẩn đầu ra
6	CLB	Câu lạc bộ
7	CLC	Chất lượng cao
8	CNTT	Công nghệ thông tin
9	CSDL	Cơ sở dữ liệu
10	CSGD	Cơ sở giáo dục
11	CSVC	Cơ sở vật chất
12	CTDH	Chương trình dạy học
13	CTĐT	Chương trình đào tạo
14	CVHT	Cố vấn học tập
15	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
16	ĐCCT	Đề cương chi tiết
17	ĐGCL	Đánh giá chất lượng
18	ĐH	Đại học
19	DN	Doanh nghiệp
20	ĐTSDH	Đào tạo Sau đại học
21	GDDH	Giáo dục đại học
22	GS	Giáo sư
23	GV	Giảng viên
24	GVHD	Giảng viên hướng dẫn
25	HĐKH	Hội đồng khoa học
26	HTQT	Hợp tác quốc tế

27	HV	Học viên
28	KH&ĐT	Khoa học và Đào tạo
29	Khoa QTKD	Khoa Quản trị kinh doanh
30	Khoa TCNH	Khoa Tài chính - Ngân hàng
31	KTX	Ký túc xá
32	KQHT	Kết quả học tập
33	MC	Minh chứng
34	NCKH	Nghiên cứu khoa học
35	NCS	Nghiên cứu sinh
36	NV	Nhân viên
37	PGS	Phó giáo sư
38	Phòng CTSV	Phòng Công tác sinh viên
39	Phòng KT – QLCL	Phòng Khảo thí - Quản lý chất lượng
40	Phòng QLĐT	Phòng Quản lý đào tạo
41	Phòng QLKH	Phòng Quản lý khoa học
42	Phòng QTTB	Phòng Quản trị thiết bị
43	Phòng TC – HC	Phòng Tổ chức - Hành chính
44	QTKD	Quản trị kinh doanh
45	QTKDTH	Quản trị kinh doanh tổng hợp
46	SV	Sinh viên
47	TĐG	Tự đánh giá
48	ThS	Thạc sĩ
49	TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh
50	Trung tâm BDVTCHQ	Trung tâm Bồi dưỡng Tư vấn Tài chính - Hải quan
51	Trung tâm TS&QHDN	Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp
52	Trung tâm TT&QLDL	Trung tâm Thông tin và Quản lý dữ liệu

53	Trường ĐHTCM	Trường Đại học Tài chính - Marketing
54	TS	Tiến sĩ
55	TSKH	Tiến sĩ khoa học
56	UIS	Công thông tin điện tử

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1: Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Tài chính – Marketing.....	8
Hình 1.2: Cơ cấu tổ chức của Khoa Quản trị Kinh doanh	11
Hình 10.1: Quy trình thiết kế và phát triển CTDH Khoa QTKD	88

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 6.1.1. Tăng trưởng giảng viên theo quy mô đào tạo	49
Bảng 6.1. Thống kê số lượng giảng viên khoa Quản trị kinh doanh năm 2018	50
Bảng 6.2: Số lượng sinh viên/ giảng viên tính theo chương trình đào tạo	51
Bảng 11.1 Bảng thống kê tỷ lệ SV nhập học và tốt nghiệp năm 2014-2018.....	97
Bảng 3.1: Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT CLC chuyên ngành QTKDTH	111

PHẦN I: KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

Trường ĐHTCM được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo trình độ cử nhân chuyên ngành QTKDTH CLC từ năm 2012. Trong giai đoạn 2012-2018, Trường đã tuyển sinh được 6 khóa, trong đó có 3 khóa đã tốt nghiệp (từ khóa 12 đến khóa 14). Thông qua CTĐT này, Trường đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực CLC cho xã hội. Trong xu thế tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình trước xã hội, Trường triển khai tự đánh giá các CTĐT, trong đó có CTĐT trình độ cử nhân chuyên ngành QTKDTH CLC. Báo cáo TĐG CTĐT với kết cấu gồm 04 phần: Phần I. Khái quát, nêu tóm tắt về Trường, về Khoa QTKD, về báo cáo TĐG; Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục (1) Mô tả, (2) Điểm mạnh, (3) Điểm tồn tại, (4) Kế hoạch hành động, (5) Tự đánh giá; Phần III: Kết luận, tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại, kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT và tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT; Phần IV: Phụ lục.

Nội dung của báo cáo tập trung tự đánh giá 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí, được khái quát như sau:

- Về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT: Mục tiêu của CTĐT CLC chuyên ngành QTKDTH của Khoa QTKD được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHTCM, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

- Về bản mô tả CTĐT: Bản mô tả CTĐT CLC chuyên ngành QTKDTH được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành từ năm 2012, điều chỉnh năm 2015 theo các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường, của Khoa, được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu nhân lực cho các tổ chức. Bản mô tả chuyên ngành QTKDTH CLC cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CĐR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học

phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá học phần.

- Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học: Chương trình dạy học chuyên ngành QTKDTH CLC được cấu trúc hợp lý và hệ thống; tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, chuẩn kỹ năng, chuẩn thái độ; đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá SV được sử dụng nhằm đảm bảo đạt các CDR chung của CTDH và các CDR của từng học phần. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTDH của chuyên ngành QTKDTH CLC liên tục được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể và ở CTDH tổng thể.

- Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học: Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Trường ĐHTCM và của chuyên ngành QTKDTH CLC được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

- Về đánh giá KQHT của người học: Đánh giá KQHT của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong GDĐH. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Trường và Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá KQHT của người học của chuyên ngành QTKDTH CLC được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được CDR, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Các quy định về đánh giá KQHT của người học đều được thông báo công khai tới người học thông qua Sổ tay SV lúc mới nhập học. Trước khi bắt đầu học mỗi học phần, người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. KQDG được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT.

- Về đội ngũ giảng viên: Đội ngũ GV của Khoa QTKD được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV của Khoa có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình NCKH khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Quá trình tuyển dụng, đề bạt cán bộ GV được thực hiện công khai, đúng quy định; dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Bên cạnh đó, công tác quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV được triển khai đồng bộ nhằm tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng. GV tham gia giảng dạy, nghiên cứu các CTĐT bao gồm 37 GV cơ hữu của Khoa QTKD, GV các khoa khác của Trường và đội ngũ GV thỉnh giảng. Chất lượng của đội ngũ GV được đánh giá thông qua chất lượng của công tác quy hoạch GV, tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV, các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV, năng lực của đội ngũ GV, kế hoạch phát triển chuyên môn cho đội ngũ GV, đánh giá kết quả công việc của GV, kết quả các hoạt động nghiên cứu của GV.

- Về đội ngũ nhân viên: Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, Trường ĐHTCM luôn xác định xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Trường đã thực hiện tốt công tác phát triển đội ngũ nhân viên. Chất lượng của đội ngũ nhân viên được đánh giá thông qua chất lượng của công tác quy hoạch nhân viên; qua quá trình tuyển dụng nhân viên với các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn rõ ràng, minh bạch; qua năng lực của đội ngũ nhân viên; qua các kế hoạch đào tạo phát triển chuyên môn cho đội ngũ nhân viên và qua quá trình đánh giá kết quả công việc của đội ngũ nhân viên.

- Về người học và hoạt động hỗ trợ người học: Tất cả các hoạt động của Trường đều hướng đến mục tiêu hỗ trợ người học phát huy tối đa năng lực bản thân trong học tập và NCKH. Để giúp người học tham gia quá trình đào tạo, Khoa QTKD và Trường đã phát triển trung tâm hỗ trợ SV, phòng quản lý SV CLC, đội ngũ hỗ trợ, các CLB, tổ chức hội nghị trao đổi giữa SV và Trường. Trong 6 năm qua, Khoa QTKD, ĐHTCM đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ và rèn luyện của người học một cách minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời, thường xuyên; môi trường

tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh tiện ích, từ đó nâng chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo chung của Trường.

- Trường ĐHTCM đã đầu tư xây dựng được hệ thống CSVC, trang thiết bị khá đầy đủ, sử dụng có hiệu quả, phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu bao gồm: (1) Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng phù hợp với các trang thiết bị đảm bảo cho việc dạy và học; (2) Hệ thống thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật; (3) Hệ thống phòng thực hành và trang thiết bị phù hợp và sử dụng hiệu quả; (4) Hệ thống công nghệ thông tin ngày càng được nâng cấp; (5) Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai hợp lý. Qua đó, tạo điều kiện cho Trường và Khoa QTKD luôn đảm bảo các mục tiêu đề ra và ngày càng phát triển.

- Về nâng cao chất lượng: Trường ĐHTCM và Khoa QTKD đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng đào tạo trình độ ĐH với loại hình CLC. Cụ thể, triển khai đào tạo chuyên ngành QTKDTH CLC từ 2012, Khoa QTKD đã không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo đối với chuyên ngành này. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan gồm GV, người học, cựu SV và nhà tuyển dụng, qua đó giúp Khoa có cơ sở thiết kế và phát triển CTDH hiệu quả. Hoạt động này được thực hiện định kỳ hằng năm và luôn được đánh giá và cải tiến trong quá trình thực hiện. Trong quá trình triển khai giảng dạy, học tập, các kết quả từ việc dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan thúc đẩy việc cải tiến chất lượng đào tạo.

- Về kết quả đầu ra: Nhằm ĐBCL của các CTĐT, việc định kỳ đánh giá kết quả đầu ra được xem là một trong số những cách thức quan trọng của Khoa QTKD và Trường nhằm thực hiện nhiệm vụ nêu trên. Những vấn đề mà Khoa và Trường quan tâm khi tiến hành đánh giá về kết quả đầu ra bao gồm tỉ lệ thi học, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, NCKH của SV và mức độ hài lòng của các bên liên quan.

Mã hóa minh chứng: Đối với từng tiêu chí trong tiêu chuẩn, nội dung mô tả có MC kèm theo. MC được mã hóa theo cách thức Hn.ab.cd.ef, trong đó: H là hộp MC, n

là số thứ tự hộp MC, ab là số thứ tự tiêu chuẩn, cd là số thứ tự tiêu chí, ef là số thứ tự của MC trong tiêu chí.

Mục đích tự đánh giá: giúp Khoa, Trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo hiệu quả hơn; thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Khoa và Trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã xác định; tạo điều kiện cần thiết để Trường đăng ký đánh giá ngoài.

Quy trình tự đánh giá: Bước 1. Thành lập Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT CLC chuyên ngành QTKDTH CLC trình độ ĐH; Bước 2. Lập kế hoạch TĐG; Bước 3. Họp Hội đồng TĐG, ban thư ký, nhóm công tác để triển khai và phân công; Bước 4. Triển khai viết báo cáo TĐG (phân tích nội hàm yêu cầu tiêu chí, thu thập số liệu thông tin MC, viết phiếu đánh giá tiêu chí, tổng hợp báo cáo TĐG); Bước 5. Họp Hội đồng thông qua báo cáo TĐG và công bố toàn trường.

Phương pháp tự đánh giá: dùng phương pháp SWOT, mô tả phân tích thực trạng, đánh giá điểm mạnh, điểm tồn tại từ đó đưa ra kế hoạch hành động phù hợp và khả thi.

Công cụ tự đánh giá: Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH của Bộ GD&ĐT ban hành tại Thông tư 04/2016 ngày 14/3/2016 và các văn bản hướng dẫn khác của Cục Quản lý chất lượng.

Trường đã ban hành Kế hoạch số 744/KH-ĐHTCM-HĐTĐG-CTĐT ngày 29/5/2018 về TĐG chương trình CLC chuyên ngành QTKDTH trình độ ĐH và Quyết định số 890/QĐ-ĐHTCM ngày 29/5/2018 thành lập Hội đồng TĐG. Ban thư ký thuộc Hội đồng TĐG đã tập huấn, hướng dẫn chi tiết quy trình TĐG và viết báo cáo; các nhóm công tác chịu trách nhiệm một số tiêu chuẩn được phân công. Khoa QTKD huy động toàn bộ nguồn lực GV, Thư ký khoa, SV để hỗ trợ thực hiện các bước quy trình TĐG trong đó giao nhiệm vụ cho 01 cán bộ thuộc Tổ ĐBCL của Khoa làm đầu mối xử lý thông tin và giúp Trưởng khoa cập nhật tình hình TĐG. Để triển khai TĐG, Trưởng khoa tiến hành họp Khoa phổ biến kế hoạch tiến độ chi tiết và phân công rõ ràng từng mảng công việc như: khảo sát các bên liên quan; thu thập, phân loại, mã hóa MC; viết báo cáo tiêu chí; dự thảo báo cáo TĐG; sắp xếp MC. Ngoài ra, các đơn vị thuộc Trường cung cấp số liệu thông tin MC cần thiết cho Khoa.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Khái quát về Trường Đại học Tài chính-Marketing

Tiền thân là Trường cán bộ vật giá trung ương miền Nam, trải qua các giai đoạn phát triển, đến năm 2004 Trường được nâng cấp thành Trường ĐH bán công Marketing; năm 2009 đổi tên thành Trường ĐH Tài chính – Marketing. Năm 2015, Trường được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động giai đoạn 2015-2017; đến nay Trường là 1 trong những trường ĐH công lập được giao thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ.

Sứ mạng: Trường ĐHTCM đào tạo nguồn nhân lực theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực, nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học về kinh doanh và quản lý, tham gia hoạch định chiến lược và chính sách cho ngành Tài chính, các DN và tổ chức xã hội.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường ĐHTCM trở thành một trường ĐH đa ngành, đa cấp độ và là một trung tâm nghiên cứu - tư vấn về kinh doanh và quản lý đạt đẳng cấp quốc gia và khu vực.

Các giá trị cốt lõi:

(1) *Trọng giá trị tri thức và thượng tôn đạo đức nghề nghiệp*: Xây dựng môi trường giáo dục, khoa học - công nghệ sáng tạo, biết phát huy giá trị tri thức phục vụ đào tạo những con người vừa có năng lực chuyên môn cao, vừa là công dân có trách nhiệm.

(2) *Khuyến khích sáng tạo và nuôi dưỡng sự say mê*: Trường ĐHTCM là một môi trường khuyến khích sáng tạo và đổi mới; là nơi nuôi dưỡng niềm say mê của các thế hệ GV, cán bộ, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh. Đó là nền tảng đổi mới và tạo ra tạo những đột phá để khẳng định thương hiệu của Trường.

(3) *Tôn trọng sự khác biệt và coi trọng hợp tác*: Sự cộng hưởng của sức mạnh hợp tác với sự khác biệt giúp Trường ĐHTCM gắn kết mọi thành viên theo mục tiêu chung, tạo nên hợp lực mạnh mẽ nhất. Trường đề cao và tôn trọng tính tự chủ học thuật.

(4) *Coi trọng chất lượng và hiệu quả*: Chất lượng - hiệu quả vừa là con đường, vừa là mục tiêu phấn đấu để trường ĐHTCM đạt đến tầm quốc gia và khu vực. Chất lượng và hiệu quả được thể hiện trong mọi mặt hoạt động của Trường, trong mọi đơn vị của Trường.

Mục tiêu chung: Đến năm 2020, Trường Đại học Tài chính-Marketing trở thành một trường ĐH định hướng ứng dụng, đạt chuẩn chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó có ít nhất 02 chương trình đạt chuẩn đảm bảo chất lượng của mạng lưới các trường đại học ASEAN (AUN-QA). Đến năm 2030, Trường đạt đẳng cấp một trường ĐH tiên tiến của khu vực Đông Nam Á.

Mục tiêu về đảm bảo chất lượng: Đến năm 2020, Trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó có ít nhất có 02 chương trình đào tạo đạt chuẩn AUN-QA. Đến năm 2030, 50% chương trình đào tạo đạt chuẩn AUN-QA và Trường đạt đẳng cấp một trường đại học tiên tiến của khu vực Đông Nam Á.

Chiến lược tổng thể của Trường Đại học Tài chính – Marketing đến năm 2030:

(1) *Tập trung nguồn lực phát triển các hoạt động quan trọng là đào tạo đại học, sau đại học và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học (NCKH) đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Tập trung đầu tư cho 06 chương trình đào tạo (Quản trị kinh doanh tổng hợp, Quản trị Marketing, Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Thương mại quốc tế, Kế toán doanh nghiệp) để nhóm này sớm đạt chuẩn AUN-QA vào năm 2020.*

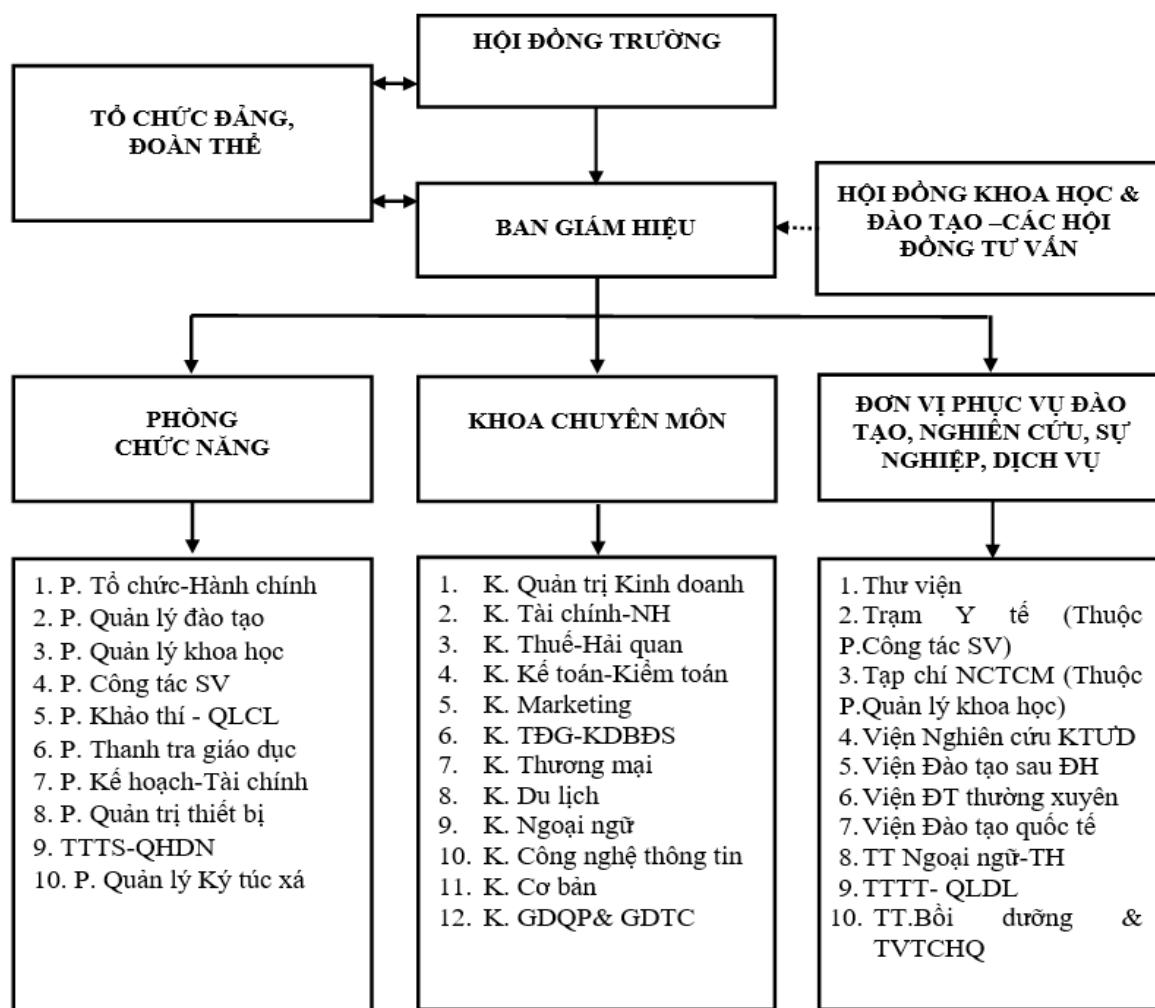
(2) *Thực hiện sự khác biệt hóa một cách sâu rộng trong các hoạt động của Trường. Trong đào tạo, Trường phát triển những chuyên ngành khác biệt với nhiều trường thuộc khối ngành kinh doanh và quản lý. Trong NCKH, Trường đẩy mạnh hoạt động tư vấn cho các tổ chức và doanh nghiệp. Trường tiên hành xây dựng văn hóa tổ chức với những nét đặc trưng, độc đáo.*

(3) *Tập trung nguồn lực phát triển các hoạt động tại địa bàn trọng tâm. Địa bàn hoạt động trọng tâm đối với NCKH, đào tạo đại học và sau đại học của Trường là các tỉnh Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.*

(4) *Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo mô hình trường đại học. Phát triển các đơn vị hoạt động trong những lĩnh vực mà Trường có thế mạnh, một số lĩnh vực hoạt động mang bản sắc của Trường như: marketing, thẩm định giá, kinh doanh bất động sản, hải quan, quản trị bán hàng, chính sách tài chính công.*

(5) *Hoàn thiện công tác quản lý theo hướng hiện đại hóa, phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Áp dụng các mô hình quản trị hiện đại trong giáo dục - đào tạo, triển khai hệ thống quản trị chất lượng giáo dục tiên tiến.*

Cơ cấu tổ chức trường ĐHTCM gồm Hội đồng trường, Đảng ủy và các đoàn thể, Ban giám hiệu (01 Hiệu trưởng, 05 Phó hiệu trưởng), các phòng ban chức năng, Khoa chuyên môn, đơn vị phục vụ đào tạo, nghiên cứu, (xem hình 1.1).



Hình 1.1: Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Tài chính – Marketing

Về nhân lực, tính đến 30/12/2018 tổng số cán bộ, GV, viên chức hiện đang làm việc tại trường là 597 người, trong đó có 564 cán bộ viên chức trong biên chế và 33 người hợp đồng dài hạn. Đội ngũ GV toàn trường là 356 người, trong đó có 6 PGS.TS, 1 TSKH, 32 TS; 289 ThS và 28 cử nhân.

Về đào tạo, Trường đào tạo đa ngành, đa cấp độ. Đào tạo đại học gồm 11 ngành với 28 chuyên ngành, trong 28 chuyên ngành đào tạo có 7 chuyên ngành đào tạo chất lượng cao và 4 chuyên ngành đào tạo quốc tế. Đào tạo cao đẳng 15 ngành; Đào tạo liên thông đại học 4 ngành; Đào tạo thạc sĩ 2 chuyên ngành (Quản trị kinh doanh và Tài chính-Ngân hàng); Đào tạo tiến sĩ 2 chuyên ngành (Quản trị kinh doanh và Tài chính-Ngân hàng). Công tác quản lý đào tạo các bậc hệ của Trường được giao cho 4 đơn vị

đầu mối là Phòng QLĐT, Viện đào tạo sau ĐH, Viện đào tạo thường xuyên, Trung tâm Hợp tác quốc tế.

Về CSVC, Trường có 1 trụ sở chính tại quận 7 và 5 cơ sở tại các khu vực khác; có đủ giảng đường, phòng học, phòng thực hành máy tính, trang thiết bị và phương tiện phục vụ giảng dạy; có bộ phận y tế chăm sóc sức khỏe; thư viện phục vụ nhu cầu của người học, GV.

Về tài chính, Trường là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Bộ Tài chính được giao tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính được thực hiện theo quy định. Các nguồn thu hợp pháp của Trường đều tuân thủ theo đúng quy định tại các văn bản của Bộ Tài chính và các quy định của Hiệu trưởng về mức thu và đối tượng thu.

Về NCKH, Trường đầu tư cấp kinh phí cho hoạt động NCKH theo quy định; có chế độ khuyến khích cán bộ, GV NCKH; hằng năm tham gia đấu thầu và thực hiện các đề tài cấp Bộ, Sở ban ngành, địa phương; các sản phẩm NCKH của GV phục vụ tốt cho quá trình giảng dạy như giáo trình, tài liệu.

Về hợp tác quốc tế, Trường ký kết hợp tác với Trường ĐH Help – Malaysia đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh; Ngoài ra Trường còn có mối liên kết hợp tác với nhiều cơ sở giáo dục nước ngoài khác như: Trường Đại học Northwestern Polytechnic (Hoa Kỳ), chương trình chuyển tiếp du học sang Newcastle College và Teesside University. Hợp tác, hỗ trợ đào tạo, trao đổi lưu học sinh với Lào, Campuchia.

Về hợp tác trong nước: xây dựng mối quan hệ mật thiết với Sở Giao dịch chứng khoán Sài Gòn, Ngân hàng BIDV, Vietinbank, Sacombank, Lotte Mark, Hiệp hội Marketing, Hiệp hội Thẩm định giá và nhiều doanh nghiệp khác.

Về ĐBCL, Trường có mạng lưới Tổ ĐBCL tất cả các đơn vị thuộc Trường và bước đầu hình thành mô hình ĐBCL bên trong; tháng 11/2017 được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐH quốc gia TP. HCM cấp giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục, đến nay Trường tiếp tục xây dựng và thực hiện các chương trình cải tiến hệ thống chất lượng giáo dục, đổi mới CTĐT và phương pháp dạy học, thu thập thông tin phản hồi.

1.2.2. Giới thiệu về Khoa Quản trị Kinh doanh

Khoa QTKD được thành lập theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHMKT ngày 27/5/2004 của Hiệu trưởng Trường ĐH bán công Marketing (nay là trường ĐHTCM), tiền thân là Khoa QTKD thuộc Trường Cao đẳng bán công Marketing – thành lập năm 1996.

Sứ mạng của Khoa QTKD: Phân đầu kiến tạo những trải nghiệm thực tiễn cho SV trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý với các chuyên ngành như QTKD tổng hợp, Quản trị bán hàng, Quản trị dự án, Quản lý kinh tế và hướng đến là Quản trị nguồn nhân lực; có sứ mạng cung cấp cho xã hội các sản phẩm đào tạo, NCKH, tư vấn, ứng dụng về lĩnh vực kinh doanh và quản lý, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới. Chương trình giảng dạy của Khoa cung cấp cho SV một nền tảng kiến thức vững chắc về kinh doanh hiện đại, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng lãnh đạo và kinh nghiệm thực tế cần thiết để thành công trong môi trường làm việc toàn cầu, góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và sự phát triển của cộng đồng.

Tầm nhìn của Khoa QTKD: Phân đầu phát triển trở thành một trong số những đơn vị đào tạo, nghiên cứu hàng đầu về kinh doanh và quản lý ở khu vực phía Nam, cả nước và khu vực Đông Nam Á với các CTĐT có CLC nhất theo định hướng ứng dụng đáp ứng nhu cầu của các DN và tổ chức trong môi trường kinh doanh toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng, đặc biệt cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra.

Các giá trị cốt lõi của chương trình dạy học của Khoa QTKD:

(1) **Cam kết về chất lượng:** Tiếp cận Phương pháp giảng dạy và nghiên cứu hiện đại giúp SV đạt được thành công cá nhân và đóng góp cho xã hội;

(2) **Trách nhiệm xã hội:** Đào tạo, bồi dưỡng những nhà kinh doanh có trách nhiệm và đạo đức trong nghề nghiệp cũng như có trách nhiệm đối với xã hội;

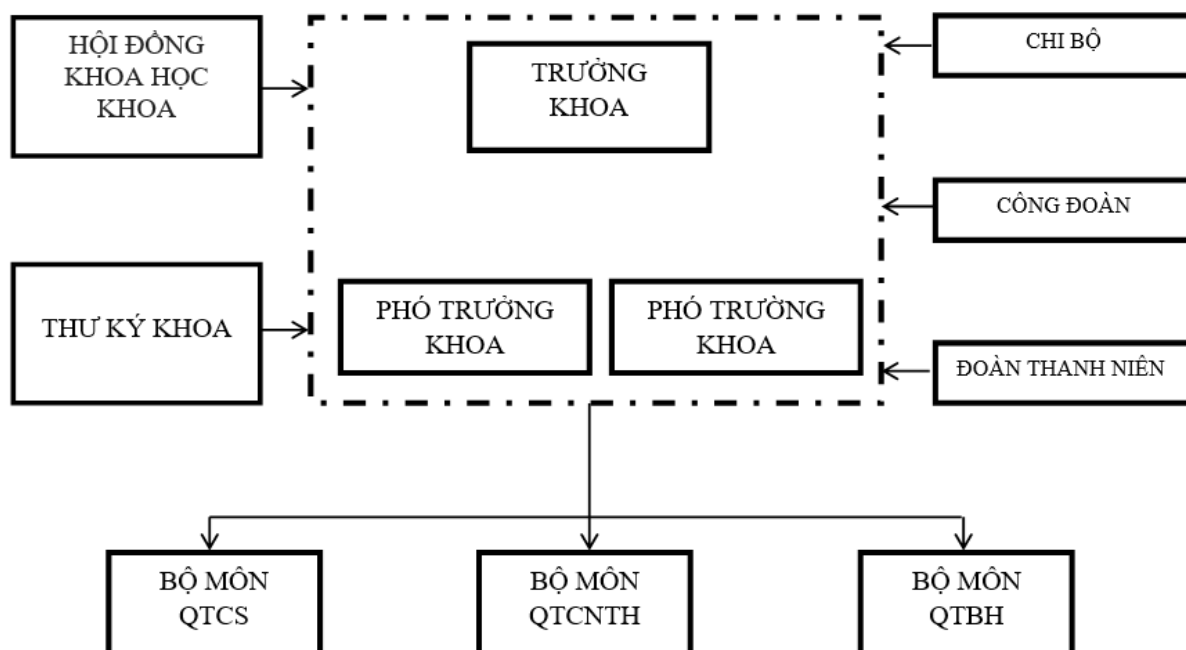
(3) **Tư duy độc lập:** Tạo cơ hội cho SV suy nghĩ phân tích và tư duy độc lập trong việc đưa ra quyết định và xây dựng lòng tin;

(4) **Sáng tạo:** Khuyến khích, hỗ trợ và khen thưởng cho các nỗ lực liên tục tìm kiếm tri thức và các giá trị tinh thần;

(5) **Tính chính trực:** Đào tạo những nhà kinh doanh, nhà quản lý trung thực và đáng tin cậy trong tất cả các hoạt động;

(6) *Tôn trọng sự khác biệt*: Giúp SV biết tôn trọng sự khác biệt để nhận ra giá trị của sự đa dạng.

Cơ cấu tổ chức của Khoa QTKD: gồm có 01 trưởng khoa, 02 phó khoa, 03 trưởng/phó bộ môn, 02 giáo vụ, Hội đồng khoa học khoa và các tổ chức Đảng, đoàn thể như chi bộ, tổ công đoàn, đoàn thanh niên. Sơ đồ tổ chức Khoa QTKD như sau:



Hình 1.2: Cơ cấu tổ chức của Khoa Quản trị Kinh doanh

Nhân sự của Khoa QTKD: Khoa QTKD có đội ngũ gồm 37 GV gồm 01 PGS, 01 viện sĩ đồng thời là TSKH, 04 TS, 11 nghiên cứu sinh, 3 GV chính, 20 ThS; đội ngũ GV của Khoa giàu kinh nghiệm quản lý và kinh doanh thực tế; có trình độ chuyên môn, trình độ kỹ năng sư phạm, khả năng ngoại ngữ-tin học, nhiệt tình trong công tác giảng dạy, tư vấn và hướng dẫn SV; tham gia giảng dạy từ bậc ĐH đến TS của Trường. Đội ngũ NV hỗ trợ có 02 giáo vụ (01 chuyên trách và 01 kiêm nhiệm) được phân công công việc cụ thể là: 01 giáo vụ phụ trách công tác đào tạo bậc ĐH và liên thông ĐH hệ chính quy, 01 giáo vụ phụ trách công tác đào tạo bậc CĐ hệ chính quy, ĐH hệ vừa làm vừa học và các công tác hành chính khác.

Công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm của Khoa QTKD: được chú trọng thực hiện thường xuyên nhằm đảm bảo đủ số lượng và chất lượng đội ngũ GV- viên chức cho Khoa QTKD. Đội ngũ GV của Khoa QTKD được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Công tác tuyển dụng

với tiêu chuẩn tuyển dụng rõ ràng, công khai cũng góp phần quan trọng cho chiến lược phát triển đội ngũ GV của Khoa và Trường.

NCKH của khoa QTKD: Khoa QTKD tổ chức các Hội thảo cấp Trường hằng năm. GV Khoa QTKD tham gia đề tài NCKH cấp Bộ, Sở ban ngành và đề tài nhánh cấp nhà nước; chủ biên giáo trình và bài giảng về lĩnh vực quản trị; có bài báo, kỷ yếu đăng trên tạp chí trong và ngoài trường; tham gia viết sách tham khảo, chuyên khảo. Ngoài ra, SV của Khoa cũng tham gia NCKH và đạt giải thưởng SV NCKH (thống kê ở Bảng cơ sở dữ liệu đính kèm).

Hoạt động đào tạo của Khoa QTKD: Khoa và các Bộ môn xây dựng và phát triển CTĐT cho từng khóa học; triển khai rà soát định kỳ, thường xuyên nội dung CTĐT, đề cương, bài giảng, giáo trình; chú trọng đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá năng lực SV; chú trọng công tác CVHT. Khoa đào tạo chính quy trình độ CĐ ngành QTKD, trình độ ĐH chuyên ngành QTKDTH, Quản trị Bán hàng và Quản trị Dự án. Tính đến nay Khoa đào tạo 14 khóa tuyển sinh; tổ chức đào tạo các lớp bồi dưỡng kỹ năng quản trị, kinh doanh ngắn hạn; thực hiện các dự án tư vấn kinh doanh và tư vấn quản lý nhằm đáp ứng nhu cầu của cá nhân, DN và các tổ chức xã hội.

Hoạt động kết nối DN: được chú trọng thường xuyên, Khoa QTKD có mối liên hệ với nhiều DN như AEON, Savimex, Sagonap, Tôn Hoa Sen, Misa ... qua đó tạo điều kiện cho SV được tham quan DN, trao đổi các vấn đề thực tiễn nghề nghiệp, kỹ năng cần thiết cho SV và kinh nghiệm khởi nghiệp; hỗ trợ cung cấp thông tin về nhu cầu của xã hội và thị trường lao động, tham gia đóng góp ý kiến về CTĐT của Khoa.

Quy mô SV: Khoa tuyển SV đầu vào với số điểm tương đối cao; hiện nay Khoa QTKD có quy mô SV là khoảng 4.500 SV Cao đẳng-ĐH chính quy và hơn 1.000 SV ĐH văn bằng 2, liên thông. Đa số SV tốt nghiệp đều có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo và thu nhập tương đối tốt. Nhiều cựu SV của Khoa hiện đang nắm giữ những vị trí chủ chốt trong các DN và tổ chức chính trị, xã hội.

Hoạt động CLB đội nhóm SV: Khoa QTKD vẫn đang duy trì hoạt động của các CLB: CLB sự kiện; CLB NCKH; CLB khởi nghiệp, CLB nhà lãnh đạo trẻ, CLB tình nguyện. Đây là môi trường tốt để SV rèn luyện, trau dồi kỹ năng, áp dụng kiến thức sách vở vào thực tiễn.

Công tác Đảng, đoàn thể: Chi bộ Khoa QTKD, tổ công đoàn, đoàn thanh niên khoa đã phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo khoa, xây dựng tập thể Khoa QTKD đoàn kết, tạo động lực to lớn thực hiện chiến lược và mục tiêu của Khoa, Trường đề ra.

Công tác ĐBCL: Tổ ĐBCL Khoa QTKD gồm 22 người, thực hiện công tác liên quan đến chất lượng giáo dục do Trường quy định; hệ thống hóa văn bản chứng từ của Khoa và lưu trữ dưới dạng số hóa bằng công cụ dropbox. Thường xuyên khảo sát hoạt động giảng dạy của Khoa thông qua SV, cựu SV và DN.

CSVC, trang thiết bị: Khoa QTKD có 01 văn phòng khoa tại Trụ sở chính 2/4 Trần Xuân Soạn, phường Tân Thuận Tây, quận 7. Tại văn phòng Khoa có bố trí phòng làm việc riêng cho Trưởng khoa, khu vực làm việc của bộ phận giáo vụ, khu vực làm việc của GV, khu vực tiếp SV, khu vực họp khoa, bộ môn. Khoa được trang bị đầy đủ dụng cụ, máy móc, trang thiết bị để thực hiện công tác quản lý đào tạo. Khoa có trang thông tin điện tử là www.khoaqtgd.edu.vn cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết như: nội dung CTĐT, CĐR, đội ngũ GV, các hoạt động của Khoa cho tất cả mọi đối tượng từ GV, SV, phụ huynh và xã hội.

Khoa đã xây dựng và đào tạo 3 chuyên ngành bậc ĐH: QTKDTH, Quản trị Bán hàng, Quản trị Dự án; đào tạo nguồn nhân lực CLC đáp ứng nhu cầu trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh. Riêng chuyên ngành QTKDTH CLC được Khoa xây dựng chương trình và tuyển sinh đào tạo khóa đầu tiên năm 2012, đến nay đã có 03 khóa tốt nghiệp CTĐT và trải qua 03 lần điều chỉnh, rà soát tổng thể CTĐT để hoàn thiện, cải tiến CTĐT hơn.

Với thời gian gần 22 năm thành lập và phát triển, Khoa QTKD đã xác lập được uy tín đào tạo trên địa bàn phía Nam, miền Tây và Đông Nam Bộ, đồng thời là một trong những khoa có nhiều thành tích nổi bật của Trường. Khoa luôn phấn đấu không ngừng để tạo lập môi trường đào tạo CLC, là sự lựa chọn lý tưởng cho SV tại Trường và cả nước. Trong những năm sắp tới, Khoa QTKD sẽ tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ nội dung CTĐT tiệm cận với chuẩn khu vực châu Á; phát triển hơn nữa đội ngũ GV có trình độ TS, có khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh các chương trình của Khoa và Trường.

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Mở đầu:

Mục tiêu của CTĐT chuyên ngành QTKDTH CLC của Khoa QTKD được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHTCM, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả:

Mục tiêu của CTĐT chuyên ngành QTKDTH CLC được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ DH [H01.01.01.01], cụ thể là: Chương trình này đào tạo ra những cử nhân QTKD có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, sức khỏe tốt, và có tinh thần trách nhiệm cao. Người học xong chương trình sẽ có khả năng tác nghiệp, kinh doanh, phân tích, đánh giá, nghiên cứu, giảng dạy về QTKD tại các DN trong và ngoài nước, các cơ sở GDĐH, các viện nghiên cứu và các tổ chức khác; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành doanh nhân, lãnh đạo, chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực QTKD. Người tốt nghiệp còn có khả năng hoạch định chính sách, kế hoạch kinh doanh, quản trị và xử lý các xung đột trong tổ chức, xây dựng văn hóa DN và bảo đảm đạo đức trong kinh doanh; biết tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập DN, dám nghĩ, dám làm, dám đối mặt với thách thức và biết tận dụng cơ hội. Mục tiêu của CTĐT được quy định cụ thể trong các quyết định ban hành CTĐT năm 2012, 2013, 2015, 2017 [H01.01.01.02].

Mục tiêu của CTĐT chuyên ngành QTKDTH CLC được xác định phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHTCM [H01.01.01.03], và sứ mạng tầm nhìn của khoa QTKD [H01.01.01.04], nằm trong định hướng chiến lược phát triển của Trường giai

đoạn 2013-2020 và định hướng đến năm 2030 [H01.01.01.05]. Các tuyên bố về sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHTCM đề cập tới việc đào tạo nguồn nhân lực theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực, chuyển giao những thành tựu khoa học về kinh doanh và quản lý; tham gia hoạch định chiến lược và chính sách cho ngành Tài chính, các DN và tổ chức xã hội.

Mục tiêu của CTĐT chuyên ngành QTKDTH CLC phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật GDDH năm 2012 [H01.01.01.06] và Luật giáo dục năm 2005 [H01.01.01.07] đó là hướng đến mục tiêu đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân. Mục tiêu của CTĐT được xây dựng theo các quy định của Trường về xây dựng, rà soát CTĐT [H01.01.01.08]; cụ thể hoá theo quy định về CDR, khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực của người học cần đạt sau khi tốt nghiệp [H01.01.01.09-10].

Mục tiêu của CTĐT chuyên ngành QTKDTH CLC phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động. CTĐT được áp dụng từ khoá tuyển sinh năm 2012 đến nay trải qua 06 khoá đào tạo; được điều chỉnh, cải tiến để phù hợp hơn với nhu cầu của thị trường lao động. Việc xây dựng và hoàn thiện mục tiêu của CTĐT được tiến hành thông qua các cuộc họp cấp khoa [H01.01.01.11], cấp trường [H01.01.01.12] cũng như xem xét tham khảo các chương trình tiên tiến khác [H01.01.01.13]. Mục tiêu CTĐT được điều chỉnh trên cơ sở đóng góp ý kiến của các bên liên quan: Hội đồng KH&ĐT, các doanh nghiệp, cán bộ giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên; Khảo sát về nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp [H01.01.01.14-19].

2. Điểm mạnh:

Mục tiêu đào tạo chuyên ngành QTKDTH CLC được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của trường ĐHTCM và sứ mạng tầm nhìn của khoa QTKD.

3. Điểm tồn tại:

Việc lấy ý kiến nhận xét về mục tiêu của CTĐT của cựu SV và nhà tuyển dụng chưa thực hiện thường xuyên. Nguyên nhân do Trường chưa hoàn thiện quy trình khảo

sát, công cụ khảo sát, hướng dẫn khảo sát ý kiến các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục truyền thông đến các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT thông qua các kênh website, ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Định kỳ 1 năm/lần lấy ý kiến phản hồi của người học đã tốt nghiệp và các nhà tuyển dụng về mục tiêu của CTĐT để điều chỉnh nội dung mục tiêu CTĐT cho phù hợp với nhu cầu thị trường lao động thông qua gửi phiếu khảo sát trực tiếp, gặp gỡ cựu sinh viên và nhà tuyển dụng trong ngày hội của Khoa hàng năm. Đơn vị thực hiện: Phòng KT-QLCL hoàn thiện quy trình khảo sát và khoa QTKD thực hiện. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7)

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả:

CĐR của CTĐT chuyên ngành QTKDTH CLC được xác định rõ ràng trong khung CTĐT ban hành năm 2012 và năm 2015 [H01.01.02.01-02]. CĐR được xây dựng và công bố theo quy định của Thông tư số 2196/BGDĐT-GDĐT, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT [H01.01.02.03-04]. CĐR phù hợp với mục tiêu của CTĐT được thể hiện thông qua các yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cũng như triển vọng việc làm trong tương lai. Theo đó, CĐR của CTĐT đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho người học và người dạy dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình giảng dạy và học tập và các kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập và giảng dạy. Các mức độ yêu cầu cụ thể về mặt kiến thức yêu cầu người học phải đạt mức độ tiếp nhận theo thang Bloom từ mức độ 3 trở lên (mức độ vận dụng); về mặt kỹ năng chuyên môn yêu cầu người học phải đạt mức độ tiếp nhận theo thang Bloom từ mức độ 4 trở lên (mức độ phân tích) [H01.01.01.01].

CĐR của CTĐT chuyên ngành QTKDTH CLC bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể là: (1) Về mặt kiến thức: SV hiểu biết về kinh tế xã hội, luật kinh tế, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước; các kiến thức cơ bản về thống kê kinh doanh, tin học quản lý, kinh tế học; các kiến thức chuyên ngành về QTKD: quản trị sản xuất, quản trị nguồn nhân lực, quản trị chiến lược, quản trị tài chính và rủi ro, quản trị chuỗi cung ứng, QTKD quốc tế, quản trị bán hàng, quản trị chất lượng, khởi sự doanh nghiệp. (2) Về mặt kỹ năng: Các kỹ năng nghề nghiệp bao gồm: thu thập thông tin, phân tích dự báo phục vụ công tác quản trị, tổ chức nghiên cứu thị trường, lập kế hoạch sản xuất, thiết kế mô hình cơ cấu tổ chức, lãnh đạo điều hành và kiểm soát hoạt động sản xuất. Các kỹ năng mềm bao gồm: vận dụng thành thạo các kỹ năng thuyết trình hiệu quả, tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. (3) Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm: người học có thái độ đúng đắn về nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong chuyên nghiệp, có tinh thần cầu tiến, thích nghi với môi trường làm việc; (4) Về triển vọng việc làm trong tương lai: người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc trong tất cả các loại hình DN; có thể đảm đương các vị trí quản trị các cấp trong các tổ chức kinh tế và xã hội; ngoài ra có thể đảm nhận vị trí giảng dạy tại các trường đại học và cao đẳng khối ngành QTKD, nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu kinh tế và quản trị [H01.01.02.02].

CĐR của CTĐT chuyên ngành QTKDTH CLC được đo lường và đánh giá về các mặt kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm của người học thông qua năng lực của SV khi giải quyết các bài tập tình huống trên lớp, giải quyết các bài tập nhóm, bài tiểu luận, bài thực hành nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp và viết khoá luận tốt nghiệp trong suốt quá trình đào tạo. Mức độ yêu cầu cần đạt được của người học về từng mặt được chi tiết thông qua ma trận đóng góp của từng phương pháp giảng dạy các học phần trong CTĐT nhằm đáp ứng CĐR [H01.01.01.09-10].

Kết quả khảo sát giảng viên Trường về CĐR ra chương trình QTKDTH CLC năm 2018, điểm đánh giá CĐR được truyền tải đầy đủ vào CTĐT là 3.9 [H01.01.01.17]. Kết quả khảo sát sinh viên Khoa QTKD về CĐR chương trình QTKDTH CLC năm 2018, điểm đánh giá nội dung CTĐT phù hợp với CĐR là 3,62 [H01.01.01.18].

2. Điểm mạnh:

CĐR của CTĐT đảm bảo được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt trong đào tạo đó là trang bị cho người học chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp, giúp người học có triển vọng nghề nghiệp tốt trong tương lai.

3. Điểm tồn tại:

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp, GV, các nhà khoa học là chuyên gia đầu ngành và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý cho CĐR chưa được thường xuyên. Nguyên nhân do Trường chưa hoàn thiện quy trình khảo sát, công cụ khảo sát, hướng dẫn khảo sát ý kiến các bên liên quan về CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Thực hiện đúng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cho người học theo CĐR đã xây dựng. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Định kỳ 1 năm/ lần lấy ý kiến phản hồi của người học đã tốt nghiệp, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT để điều chỉnh nội dung CĐR cho phù hợp với nhu cầu thị trường lao động thông qua gửi phiếu khảo sát trực tiếp, hội thảo khoa học. Đơn vị thực hiện: Phòng KT-QLCL hoàn thiện quy trình khảo sát và khoa QTKD thực hiện. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7)

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả:

CĐR của CTĐT chuyên ngành QTKDTH CLC phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan. Từ năm 2012 đến nay, CĐR của chương trình đã được xây dựng, chỉnh sửa, hoàn thiện nhiều lần sau khi tiếp thu các ý kiến của các bên liên quan và CĐR ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp các SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình [H01.01.02.01-02]. CĐR được xây dựng với các yêu cầu về kiến thức; kỹ năng; thái độ đạo đức nghề nghiệp; khả năng công tác sau khi tốt nghiệp. Qua kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan Trường phối hợp cùng Khoa QTKD thực hiện rà soát điều chỉnh CĐR năm 2015, với các học phần/ môn học được yêu cầu, áp dụng thống nhất CĐR ngoại ngữ từ khóa 15 hệ chính quy.

CĐR của CTĐT chuyên ngành QTKDTH CLC được định kỳ rà soát điều chỉnh. Thực hiện theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT [H01.01.02.04], Trường phối hợp cùng Khoa QTKD và các phòng ban chuyên môn rà soát lại CĐR từ năm 2012 đến năm 2014 [H01.01.01.11], [H01.01.03.01]. Hàng năm khi kết thúc năm học Khoa QTKD luôn có các báo cáo tổng kết hoạt động giảng dạy, những sáng kiến cải tiến, những đề xuất góp ý nhằm hoàn thiện hơn kiến thức và kỹ năng cho người học. Năm 2015, CĐR được đề xuất điều chỉnh các học phần kỹ năm mềm cũng như CĐR ngoại ngữ áp dụng từ khoá 15 đại học chính quy [H01.01.03.02-03]. Tháng 12/2015 Trường ban hành quyết định CĐR CTĐT chuyên ngành QTKDTH CLC [H01.01.02.02].

CĐR của CTĐT chuyên ngành QTKDTH CLC được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau. Qua những lần chỉnh sửa hoàn thiện CTĐT và CĐR các quyết định đều được thông báo trên trang website Trường, Khoa QTKD. Điều này giúp cho người học và các bên liên quan tiếp cận được dễ dàng hơn [H01.01.03.04-05].

2. Điểm mạnh:

CĐR của chuyên ngành QTKD CLC được kịp thời bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các tài liệu, chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục. CĐR của CTĐT được công bố công khai rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Điểm tồn tại:

Các hoạt động lấy ý kiến của người học và nhà tuyển dụng, cũng như việc rà soát điều chỉnh CĐR của CTĐT chưa được làm thường xuyên. Nguyên nhân do Trường chưa hoàn thiện quy trình khảo sát, công cụ khảo sát, hướng dẫn khảo sát ý kiến các bên liên quan về điều chỉnh CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục truyền thông đến các bên liên quan về nội dung của CĐR thông qua các kênh website, ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại** Định kỳ 1 năm/lần lấy ý kiến phản hồi của người học đã tốt nghiệp và các nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT để điều chỉnh nội dung CĐR cho phù

hợp với nhu cầu thị trường lao động thông qua gửi phiếu khảo sát trực tiếp, gặp gỡ cựu SV và nhà tuyển dụng trong ngày hội tuyển dụng, ngày hội khoa hàng năm. Đơn vị thực hiện: Phòng KT-QLCL hoàn thiện quy trình khảo sát và khoa QTKD thực hiện. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019..

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

CĐR của chuyên ngành QTKDTH CLC được xây dựng rõ ràng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường. CĐR được xác định rõ ràng, đáp ứng được yêu cầu chung, yêu cầu chuyên biệt của người học, đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng. CĐR được định kỳ rà soát điều chỉnh, được công bố công khai trên website và thông tin đào tạo.

Điểm mạnh nổi bật: Mục tiêu CTĐT và CĐR được xác định rõ ràng, phù hợp với yêu cầu của các bên liên quan.

Điểm tồn tại cơ bản: Các hoạt động lấy ý kiến từ phía người học và nhà tuyển dụng chưa được thực hiện thường xuyên.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 1:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 1		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 1.1					x			5,00	3	100%
Tiêu chí 1.2					x					
Tiêu chí 1.3					x					

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo.

Mở đầu:

Bản mô tả CTĐT CLC chuyên ngành Quản trị KDTH CLC trình độ ĐH bao hàm đầy đủ các nội dung của bản mô tả CTĐT theo quy định tại thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ ĐH. Bản mô tả CTĐT chuyên ngành QTKDTH CLC được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành từ năm 2012, được rà soát, cập nhật và điều chỉnh qua các năm 2015, 2016 và 2017 theo các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường, của Khoa. Bản mô tả CTĐT xây dựng dựa trên nhu cầu của người học, nhu cầu nhân lực của xã hội và công bố công khai, giúp các bên liên quan dễ tiếp cận. Bản mô tả chuyên ngành QTKDTH CLC là tài liệu cung cấp các thông tin về cơ sở đào tạo, CTĐT; mã ngành đào tạo; thời gian đào tạo; cơ sở pháp lý và thực tiễn về chương trình; mục tiêu; CDR; điều kiện tốt nghiệp; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; Cấu trúc chương trình; nội dung, kế hoạch giảng dạy; ma trận thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần; các đề cương tóm tắt học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần, và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá học phần.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả:

Căn cứ Quyết định số 1428/QĐ-ĐHTCM-QLĐT ngày 28/08/2012 của Trường ĐHTCM về việc ban hành CTĐT trình độ đại học hệ chính quy CLC năm 2012 [H01.01.01.02]; căn cứ thông báo 1014/TB-ĐHTCM-QLĐT ngày 12/06/2012 [H01.01.01.08], Khoa QTKD đã thiết kế bản mô tả CTĐT chuyên ngành QTKDTH CLC đầy đủ nội dung, bao hàm đầy đủ thông tin và luôn được cập nhật và điều chỉnh theo qui chế đào tạo ĐH của Bộ GD&ĐT ban hành năm 2012 [H01.01.01.01].

Bản mô tả CTĐT chuyên ngành QTKDTH CLC của Khoa QTKD có đầy đủ nội dung và thông tin gồm: tên cơ sở đào tạo; tên CTĐT; mã ngành đào tạo; thời gian đào tạo; cơ sở pháp lý và thực tiễn của CTĐT; mục tiêu và CDR; đối tượng tuyển sinh; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; cấu trúc CTĐT; phương pháp giảng dạy và học tập; tiến trình đào tạo; qui trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; nội dung chương trình; số lượng tín chỉ từng học phần và toàn bộ CTĐT; thời điểm ban hành, được đối sánh với các

CTĐT cùng trình độ [H01.01.01.01], [H01.01.01.10]; mô tả chi tiết các học phần có trong CTĐT qua các năm 2012, 2013, 2015, 2017 [H01.01.01.09]; ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CDR của chương trình [H01.01.01.10]. Tính đầy đủ thông tin trong CTĐT được các bên liên đánh giá khá tốt: người học đánh giá tính đầy đủ thông tin trong bản mô tả CTĐT ở mức 4,1; nhà tuyển dụng đánh giá tính đầy đủ thông tin trong bản mô tả CTĐT ở mức 3,67 [H01.01.01.16]. Mặc dù vậy, để đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của các bên liên quan về thông tin trong bản mô tả CTĐT, Khoa QTKD cũng đã rà soát, cập nhật và chỉnh sửa bản mô tả CTĐT vào các năm 2015, 2016 và 2017 theo thông báo 417/TB-ĐHTCM ngày 13/5/15, số 889/ĐHTCM-QLKH ngày 16/9/15 trên cơ sở đối sánh các phiên bản CTĐT chuyên ngành QTKDTH CLC của trường ĐHTCM với CTĐT cùng chuyên ngành với trường khác và lấy ý kiến của các bên liên quan (DN, GV và SV) trong xây dựng CTĐT của khoa QTKD [H01.01.01.11-13], [H01.01.01.15].

2. Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT được bố cục rõ ràng, đầy đủ thông tin, và thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào CDR rất rõ ràng. Bản mô tả CTĐT luôn được rà soát, cập nhật và điều chỉnh theo định kỳ đáp ứng tốt nhất nhu cầu người học và xu hướng phát triển của xã hội.

3. Điểm tồn tại:

Quá trình cập nhật điều chỉnh thông tin trong bản mô tả CTĐT được triển khai một cách khoa học, tuy nhiên để bảo đảm nguồn thông tin đa chiều, Khoa QTKD cần cải tiến hình thức khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục cập nhật thông tin mới và hữu dụng vào bản mô tả CTĐT nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của các bên liên quan. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Đa dạng hình thức lấy ý kiến các bên liên quan phục vụ cho việc cập nhật những vấn đề mới trong bản mô tả CTĐT. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD phối hợp với Phòng QLĐT, Trung tâm TS&QHDN. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả:

Trên cơ sở bản mô tả CTĐT được Trường phê duyệt theo quyết định số 1428/QĐ-ĐHTCM-QLĐT ban hành ngày 28/08/2012; quyết định số 1027/QĐ-ĐHTCM ban hành 10/09/2013; quyết định số 1597/QĐ-ĐHTCM ban hành 19/10/2015; quyết định số 1253/QĐ-ĐHTCM ban hành 15/09/2017 [H01.01.01.02], Khoa QTKD đã tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần theo các chuẩn mẫu do Phòng QLKH ban hành và liên tục được cập nhật [H02.02.02.01].

Đề cương học phần cung cấp đầy đủ thông tin: tên đơn vị quản lý học phần; tên gọi học phần; tên GV đảm nhận giảng dạy; số tín chỉ; CDR của học phần; ma trận liên kết nội dung chương mục của học phần với CDR về: kiến thức, năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, các kỹ năng bổ trợ, và phẩm chất đạo đức; các yêu cầu của học phần; điều kiện tiên quyết của học phần; mục tiêu học phần; nội dung chi tiết của học phần và hướng dẫn thực hiện nội dung; các thông tin về nguồn học liệu (gồm các giáo trình và tài liệu tham khảo đa dạng); các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học; kiểm tra, đánh giá người học giúp người học đạt được CDR trong từng học phần và đạt được CDR của CTĐT [H01.01.01.09]. Kết quả khảo sát về tính đầy đủ thông tin trong đề cương chi tiết các học phần giúp người học đạt được CDR được các bên liên quan đánh giá ở mức khá khả quan: 4,05 [H01.01.01.16].

Khoa QTKD tiến hành triển khai rà soát, cập nhật đề cương học phần theo định kỳ dựa trên kế hoạch số 887/KH-ĐHTCM, 31/08/2016 của trường ĐHTCM về rà soát đề cương học phần [H01.01.03.01]. Hoạt động rà soát được tiến hành từ hình thức, nội dung, cách sắp xếp từng nội dung, cập nhật tài liệu tham khảo cho từng học phần trong đề cương học phần dựa trên biên bản đóng góp ý kiến các bên liên quan về nội dung môn học và hoạt động rà soát đề cương chi tiết của Khoa [H02.02.02.02], [H02.02.02.03].

2. Điểm mạnh:

Đề cương của các học phần được chuẩn hóa, liên tục được cập nhật và điều chỉnh theo qui định của Trường và cung cấp đầy đủ thông tin cho người học và các bên liên quan, đáp ứng tốt yêu cầu người học và các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại:

Triển khai hoạt động rà soát, cập nhật từng phần thông tin trong bản đề cương chi tiết học phần được tiến hành thường xuyên và quy cũ, tuy nhiên công tác ghi nhận việc triển khai hoạt động này chưa được kịp thời.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục cải tiến viết đề cương học phần giảng dạy cả về nội dung lẫn hình thức nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019

- **Khắc phục tồn tại:** Cập nhật chi tiết hơn hoạt động rà soát, điều chỉnh ĐCCT học phần. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả:

Bản mô tả CTĐT được nhà trường phê duyệt chính thức theo quyết định số 1428/QĐ-ĐHTCM-QLĐT ban hành ngày 28/08/2012; QĐ Số 1027/QĐ-ĐHTCM ban hành 10/09/2013; QĐ Số 1597/QĐ-ĐHTCM ban hành 19/10/2015; QĐ Số 1253/QĐ-ĐHTCM ban hành 15/09/2017 được công khai trên Website trường [H01.01.03.04], brochure trường, hình ảnh giới thiệu CTĐT trong các buổi tư vấn tuyển sinh [H02.02.03.01]. Bản mô tả đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT sau khi được phê duyệt chính thức, Khoa QTKD đã công bố công khai cho người học và dưới nhiều hình thức khác nhau: công khai CTĐT trên website của Khoa [H01.01.03.05]. Kết quả khảo sát về mức độ công khai phổ biến bản mô tả CTĐT được các bên liên quan đánh giá khá cao: 4,1 [H01.01.01.16]. Các điều chỉnh đều được cập nhật trên website của Trường, của khoa để CB-GV, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về chuyên ngành học biết và thực hiện. Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học.

2. Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau. Tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và DN trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Mọi thông tin trong bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần (mục tiêu, CDR, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá ...) đều được công bố công khai và dễ tiếp cận.

3. Điểm tồn tại:

Việc tiếp cận thông tin trong bản mô tả CTĐT của các bên liên quan chưa được khai thác hiệu quả. Khoa chưa thiết kế kênh phản hồi tự động (khảo sát tự động) các bên liên quan về mục đích sử dụng thông tin trong bản mô tả CTĐT và thông tin nào được các bên liên quan quan tâm nhiều. Hoạt động này giúp Khoa QTKD có nhiều kênh thông tin hơn cho việc rà soát, đánh giá CTĐT.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Nâng cao chất lượng công khai thông tin bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đến các bên liên quan theo hướng ngày càng tốt hơn. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD kết hợp với Trung tâm TT&QLDL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Thiết kế kênh khảo sát tự động khi các bên liên quan sử dụng thông tin bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần, giúp hiểu rõ nhu cầu của các bên liên quan cũng như đáp ứng theo hướng ngày càng tốt hơn nhu cầu các bên liên quan. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD kết hợp với Trung tâm TT&QLDL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7 điểm).

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Bản mô tả CTĐT CLC chuyên ngành QTKDTH và ĐCCT của các học phần bảo đảm đầy đủ thông tin và thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh, được công bố rõ ràng, đầy đủ và chuẩn xác để các bên liên quan biết và SV có thể chủ động hoạch định kế hoạch và lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân một cách hợp lý theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa. Quá trình bổ sung, điều chỉnh bản mô tả CTĐT CLC chuyên ngành QTKDTH được dựa trên nhiều nguồn thông tin khác từ đóng góp, xây

dựng của Hội đồng KHĐT khoa, cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn trên cơ sở tiếp thu ý kiến các bên liên quan, đối sánh với các CTĐT trong nước và quốc tế. Tuy vậy, việc khảo sát để đánh giá mục đích và mức độ tiếp cận bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần của các bên có liên quan vẫn còn chưa được thực hiện theo tiếp cận hệ thống.

Điểm mạnh nổi bật: Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật; đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật; bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Điểm tồn tại cơ bản: Hình thức khảo sát ý kiến của các bên liên quan chưa được đa dạng.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 2:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 2		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 2.1					x			5,00	3	100%
Tiêu chí 2.2					x					
Tiêu chí 2.3					x					

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.

Mở đầu:

Chương trình dạy học chuyên ngành QTKDTH CLC được cấu trúc hợp lý và hệ thống; tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, chuẩn kỹ năng, chuẩn thái độ; đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá SV được sử dụng hợp lý trong từng học phần và trong cả CTDH giúp bảo đảm đạt các CDR của từng học phần và CDR chung của tổng thể CTDH. Mỗi học phần đều thiết kế CTDH với cấu trúc logic, theo trình tự

và mang tính linh hoạt, tích hợp, thể hiện tính khoa học để đáp ứng tốt CĐR của học phần và của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTDH của chuyên ngành QTKDTH CLC liên tục được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể và tổng thể CTDH.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả:

Dựa trên quyết định số 1294/QĐ-ĐHTCM ngày 09/08/2012 về việc ban hành CĐR của trường, Khoa QTKD đã thiết kế CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ và trách nhiệm của người học theo thang đo Bloom [H01.01.02.01], [H01.01.01.10]. Việc thiết kế CTDH hợp lý đáp ứng hợp lý các CĐR về kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm thông qua kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực, trình tự và tiến độ trong CTDH: từ lịch trình giảng dạy các học phần theo hướng tiếp cận các khối kiến thức mang tính thống nhất [H01.01.01.01], [H03.03.01.01]; thiết kế các hoạt động của GV và SV theo yêu cầu của CĐR giúp người dạy và người học chủ động và trách nhiệm trong thực hiện vai trò của mình; đến phối hợp các nguồn lực của Nhà trường trong việc đạt được CĐR: các đơn vị như Phòng QLĐT: phối hợp với khoa trong việc bố trí lịch học theo lịch trình; Phòng KT& QLCL giúp triển khai các phương pháp kiểm tra, đánh giá giúp đạt CĐR của từng học phần và CĐR của cả chương trình. CTDH thiết kế dựa trên CĐR còn được thể hiện rõ nét ở việc CTDH thiết kế theo hướng cho SV tiếp cận thực tế DN và tham gia nhiều hoạt động gắn với DN [H01.01.01.01], [H03.03.01.02]. CTDH thiết kế dựa trên CĐR: thể hiện ở tính tích hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của tất cả các học phần trong CTĐT chuyên ngành QTKDTH CLC phù hợp giúp đạt CĐR [H01.01.01.01], [H03.03.01.03-04].

2. Điểm mạnh:

Công tác thiết kế CTDH chuyên ngành QTKDTH CLC hợp lý, giúp phối hợp các nguồn lực, các phòng chức năng, các Khoa trong Trường; phối hợp trách nhiệm tham gia của DN, các đơn vị ngoài Trường trong vận hành CTDH được thuận lợi và đạt CĐR một cách hiệu quả.

3. Điểm tồn tại:

CTDH thiết kế nhiều hoạt động gắn kết với DN, với các đơn vị ngoài Trường giúp đạt được CĐR nhưng hoạt động ghi nhận sự phản hồi của DN khi tham gia trong CTDH chưa được thể hiện đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Nâng cao công tác thiết kế CTDH nhằm phối hợp tốt các nguồn lực của trường và tăng tính tự chủ và trách nhiệm của các đối tượng liên quan trong thực hiện CTDH. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD kết hợp với Phòng QLĐT, Trung tâm TS&QHDN. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Ghi nhận đầy đủ nội dung phản hồi của DN tham gia và CTDH nhằm tăng hiệu quả đạt được CĐR trong CTDH. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD kết hợp với Trung Tâm TS&QHDN. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7 điểm).

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được Chuẩn đầu ra là rõ ràng

Mô tả:

Mỗi học phần trong CTDH chuyên ngành QTKDTH CLC đều được thiết kế có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Điều này thể hiện rõ nét trong ma trận kỹ năng [H01.01.01.10], trong đó, mỗi học phần thuộc kiến thức ngành, chuyên ngành và bổ trợ ngành (16 học phần) bình quân đáp ứng 11 tiêu chí/18 tiêu chí của CĐR, đạt tỷ lệ 61%; mỗi học phần thuộc kiến thức khối ngành, kiến thức cơ sở ngành (8 học phần) đáp ứng 6/18 tiêu chí của CĐR, đạt tỷ lệ 33,33%; mỗi học phần thuộc khối kiến thức đại cương (18 học phần) đáp ứng bình quân 3/18 tiêu chí trong CĐR, đạt tỷ lệ 14,5%. Riêng thực tập cuối khóa và viết khóa luận đáp ứng 16/18 tiêu chí của CĐR, đạt tỷ lệ 88,9% [H01.01.01.01], [H01.01.01.10], [H03.03.02.01]. Các học phần Toán, Khoa học tự nhiên cung cấp kiến thức nền tảng, khả năng tư duy, khả năng tính toán cho các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở. Các học phần cơ sở ngành cung cấp những kiến thức căn bản về chuyên môn, sự tiếp cận kiến thức ngành học với SV. Các học phần chuyên ngành cung cấp cho SV kiến thức chuyên môn sâu về Quản trị sản xuất, Quản trị chuỗi cung ứng, Quản trị chất lượng, Quản trị rủi ro, Quản trị nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, trong các học phần thực tế doanh nghiệp người học vận dụng kiến thức về chuyên môn kết hợp với kỹ năng

đã học để giải quyết vấn đề. Ngoài ra, từng học phần trong CTDH CLC đều thể hiện rõ nét tính tích hợp của phương pháp dạy và học, phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá, nội dung kiểm tra/đánh giá phù hợp CĐR và hỗ trợ nhau tốt để bảo đảm việc đạt CĐR, phương pháp giảng dạy, cách thức tổ chức giảng dạy nhằm đạt được CĐR của học phần. Tất cả các học phần trong CTDH CLC thể hiện việc đạt được CĐR và được lấy ý kiến từ các bên liên quan. Trong đó, thống nhất nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy trong từng chương/ từng nội dung; phương pháp và hình thức kiểm tra/đánh giá kết thúc với các học phần có nhiều GV giảng dạy. Kết quả khảo sát về sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng cũng được phản hồi khá tốt: ở mức 4,0 [H01.01.01.01], [H01.01.01.16], [H03.03.01.03-04].

2. Điểm mạnh:

Mỗi học phần trong CTĐT của chuyên ngành QTKDTH CLC được thiết kế rõ ràng, góp phần đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại:

Quá trình khảo sát các bên liên quan về sự đóng góp của các học phần trong việc đạt được CĐR triển khai chưa được cập nhật một cách đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục thể hiện rõ hơn nữa những đóng góp của từng học phần giúp đáp ứng CĐR của CTDH. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Cập nhật đầy đủ hơn nữa sự phản hồi của các bên liên quan về việc đóng góp của các học phần trong việc đạt được CĐR. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả:

CTDH chuyên ngành QTKDTH CLC có cấu trúc trình tự logic các học phần trong CTDH được cấu trúc bảo đảm sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại

cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, bảo đảm chương trình trở thành khối kiến thức thống nhất [H01.01.01.01], [H03.03.01.01]. Tính cấu trúc của CTDH được thể hiện ở tỷ trọng và trình tự tiếp cận các khối kiến thức từ kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành và bổ trợ ngành tạo nên khối kiến thức liên mạch và thống nhất trong CTDH. Tính trình tự và logic trong CTDH thể hiện ở lịch trình tiếp cận các khối kiến thức: khối kiến thức giáo dục đại cương được bố trí trong 3 học kỳ đầu tiên, kiến thức cơ sở chuyên ngành được thiết kế trong ba học kỳ tiếp theo bao gồm các học phần cơ sở chuyên ngành tự chọn. Các học phần chuyên ngành được tổ chức đào tạo vào học kỳ hai năm thứ ba và học kỳ đầu năm cuối cùng [H01.01.01.01] [H03.03.01.01]. Trong hai học kỳ này SV còn được trang bị các học phần bổ trợ ngành và thực tập tốt nghiệp.

100% các môn học/học phần trong CTDH được bố trí hợp lý (học phần điều kiện tiên quyết được tổ chức giảng dạy trước nhằm tạo kiến thức nền cho người học, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kỳ thực hiện...). [H01.01.01.01], [H03.03.01.01] CTDH chuyên ngành QTKDTH CLC được cập nhật, rà soát theo định kỳ ít nhất 2 năm/ lần [H01.01.01.11]; CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và nước ngoài, bảo đảm tính linh hoạt và tích hợp [H03.03.03.01]. CTDH chuyên ngành QTKDTH CLC bảo đảm tính tích hợp thể hiện việc SV có thể học 2 định hướng: thương mại và kiểm soát nội bộ [H01.01.01.01], [H01.01.01.13]. Tính liên thông thể hiện: SV học xong CTĐT chuyên ngành QTKDTH CLC rất thuận lợi khi học tiếp lên những bậc học cao hơn tại trường ĐHTCM, Trường ĐH Kinh Tế Luật Thành phố HCM, Trường ĐH Kinh Tế Thành Phố HCM [H03.03.03.02].

2. Điểm mạnh:

CTDH chuyên ngành QTKDTH CLC được thiết kế có cấu trúc hợp lý, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp cao giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở khối ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành và kiến thức bổ trợ, giúp người học có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp với từng học phần, các học phần trong cấu trúc CTĐT để đạt CDR.

3. Điểm tồn tại:

Khảo sát ý kiến của các bên liên quan về cấu trúc CTDH có tiến hành nhưng chưa thể hiện được tính đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Cải tiến CTDH phù hợp với xu hướng, nguồn lực của Nhà trường nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của của người học. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Khảo sát ý kiến các bên liên quan về cấu trúc CTDH đầy đủ hơn nữa, tạo nguồn thông tin đa chiều giúp điều chỉnh hợp lý CTDH trên cơ sở đạt được CĐR. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD, trung tâm TS&QHDN. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

CTDH của chuyên ngành QTKDTH CLC được thiết kế theo 3 khối kiến thức, các học phần phù hợp với CĐR và các nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá, số tín chỉ cho từng học phần và cho từng chuyên ngành để đạt được CĐR. CTDH của chuyên ngành đã thể hiện tính logic, cấu trúc hợp lý và tính tích hợp giữa các học phần. CTDH chuyên ngành QTKDTH CLC sẽ còn có thể hoàn thiện tốt hơn trong những năm sau này.

Điểm mạnh nổi bật: CTDH chuyên ngành QTKDTH CLC được thiết kế có cấu trúc hợp lý, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính thống nhất; phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá hợp lý, giúp người học có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp với từng học phần giúp đạt CĐR..

Điểm tồn tại cơ bản: Phản hồi các bên liên quan về CTDH và cấu trúc CTDH để đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của người học chưa được ghi nhận đúng mức.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 3:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 3		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 3.1					x			5,00	3	100%

Tiêu chí 3.2					x					
Tiêu chí 3.3					x					

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu:

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của chuyên ngành QTKDTH CLC thực hiện lấy người học làm trung tâm, sử dụng các phương pháp dạy và học đa dạng nhằm phát huy năng lực chuyên môn, tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của người học. Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHTCM và của chuyên ngành QTKDTH CLC được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Tiêu chí 4.1: Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả:

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHTCM được tuyên bố rõ ràng, được công bố trong bản tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi của Trường [H01.01.01.03] và trong chiến lược phát triển Trường định hướng đến năm 2030 [H01.01.01.05] đó là hướng đến xây dựng Trường ĐHTCM trở thành cơ sở đào tạo ĐH, sau ĐH, nghiên cứu khoa học và công nghệ hàng đầu trong cả nước và có uy tín trong khu vực về lĩnh vực kinh doanh và quản lý; có cơ cấu và phương thức đào tạo hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập, bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng. Kết hợp các giá trị truyền thống và các giá trị hiện đại, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và mang đậm đà bản sắc dân tộc. Đến năm 2020, Trường sẽ trở thành một trường đại học định hướng ứng dụng, đạt tiêu chuẩn kiểm định của Bộ GD&ĐT, trong đó có một số chương trình đạt chuẩn chất lượng AUN-QA. Đến năm 2030, Trường sẽ đạt đẳng cấp trường đại học tiên tiến của khu vực Đông Nam Á. Khoa QTKD bắt đầu xây dựng đề cương học phần theo học chế tín chỉ ở bậc đào tạo đại học hệ chính quy vào năm 2012 theo hướng dẫn của Trường,

hướng tới việc phát huy năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm của người học, tăng tính tương tác giữa người dạy và người học, tăng tính chủ động của người học thông qua việc tăng thời lượng thảo luận, tự học, thực hành. Mục tiêu giáo dục của chuyên ngành QTKDTH CLC là đào tạo ra những cử nhân QTKD có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, sức khỏe tốt, và có tinh thần trách nhiệm cao [H01.01.01.01]. Từ năm 2015, Trường triển khai rà soát điều chỉnh lại CTĐT, mục tiêu giáo dục của các ngành được làm rõ hơn và được nêu trong bản mô tả CTĐT ngành QTKD năm 2015 [H01.01.01.01].

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHTCM, của chuyên ngành QTKDTH CLC được phổ biến đến các bên liên quan: người học, nhà tuyển dụng, các GV thông qua nhiều hình thức: Tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo của Trường, Khoa có phổ biến, trao đổi, thảo luận về mục tiêu giáo dục [H04.04.01.01-02]; đưa vào kế hoạch tuần sinh hoạt công dân [H04.04.01.03]; đưa vào sổ tay sinh viên [H04.04.01.04], công bố trên Website của Trường [H04.04.01.05].

2. Điểm mạnh:

Mục tiêu giáo dục của trường ĐHTCM, ngành QTKDTH CLC được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới GV, người học, nhà tuyển dụng. Các mục tiêu này luôn được Hội đồng KH&ĐT của Khoa, Trường rà soát, bổ sung, thay đổi định kỳ cho phù hợp với thực tiễn.

3. Điểm tồn tại:

Trường và Khoa QTKD chưa làm tốt công tác truyền thông nên một số DN chưa tiếp cận được với mục tiêu giáo dục của Trường và của Khoa.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục thực hiện theo đúng những nội dung đã tuyên bố với người học. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Trường và Khoa thực hiện định kỳ công tác truyền thông cho DN, nhà tuyển dụng hiểu rõ hơn về mục tiêu giáo dục thông qua các thông qua các kênh website, ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh, hội thảo khoa học. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả:

Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Từ năm học 2012-2013 đến nay, Trường áp dụng học chế tín chỉ đối với các CTĐT chính quy CLC. CTĐT và ĐCCT các học phần của chuyên ngành QTKDTH CLC được xây dựng theo hướng đáp ứng CĐR [H03.03.01.03-04].

Đối với hoạt động giảng dạy, các Bộ môn và GV chủ động thực hiện theo đề cương chi tiết các học phần đã xây dựng, sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy cho phù hợp với không gian lớp học và đối tượng người học. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng được hiện thị trong các đề cương học phần. Thời gian tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu của từng học phần cho thấy việc thiết kế hoạt động dạy học nhằm hướng tới đạt được CĐR của CTĐT [H01.01.01.09], [H04.04.02.01]. Vấn đề đổi mới nâng cao chất lượng dạy và học được chú trọng. Nhiều giải pháp được đưa ra qua các đề tài, các tham luận nâng cao chất lượng đào tạo. Khoa QTKD đã tổ chức các buổi hội thảo đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá KQHT trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, nhằm cung cấp cho GV phương pháp giảng dạy và đánh giá người học sát với thực tế hơn [H04.04.02.02-03].

Đối với hoạt động học tập, việc đào tạo theo học chế tín chỉ tăng cường hoạt động tự học, thúc đẩy người học chủ động hơn. Trường đã thiết lập cổng thông tin đào tạo để người học dễ dàng theo dõi nắm bắt những thông tin học tập từ phía Trường và khoa để người học chủ động trong kế hoạch học tập [H04.04.02.04]. SV được hướng dẫn tham gia vào các hoạt động thực tế tại doanh nghiệp từ mức độ tổng quan đến chi tiết nghiệp vụ chuyên môn qua các học phần thực tập nghề nghiệp 1 trong thời gian 6 tuần, thực hành nghề nghiệp 2 trong thời gian 6 tuần và thực tập tốt nghiệp trong thời gian 16 tuần. Đây là thời gian giúp SV nắm bắt được kiến thức nghề nghiệp, thái độ nghề nghiệp đúng đắn hơn, tiếp cận với nơi công tác sau khi tốt nghiệp trên cơ sở đó ứng dụng kiến thức đã học giải quyết vấn đề của doanh nghiệp. Hoạt động thực tập nghề nghiệp được thực hiện dưới sự hướng dẫn của các GV có kinh nghiệm [H04.04.02.05].

Kết quả khảo sát DN do Trường thực hiện năm 2015, 2016, 2017 về chất lượng của sinh viên trong quá trình thực tập, điểm đánh giá mức độ hài lòng của DN về kiến

thức và kỹ năng của sinh viên có điểm số trung bình là 4/5 [H01.01.01.16]. Kết quả khảo sát giảng viên về các chương trình đào tạo do Khoa QTKD thực hiện năm 2015, điểm đánh giá mức độ hài lòng của GV về hoạt động giảng dạy có điểm số trung bình là 4,1/5 [H01.01.01.17]. Kết quả khảo sát ý kiến sinh viên do Trường thực hiện năm 2016, 2017, 2018 về hoạt động giảng dạy, điểm trung bình về mức độ hài lòng của SV từ 3,48 đến 3,82/5 [H01.01.01.18].

2. Điểm mạnh:

Các hoạt động dạy và học của các học phần đã đáp ứng phần nào các tiêu chí đề ra, đội ngũ GV thường xuyên liên tục cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng kinh nghiệm. Hoạt động dạy và học này giúp SV lĩnh hội những kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất các học phần.

3. Điểm tồn tại:

Đội ngũ GV, cán bộ quản lý cần hướng dẫn, hỗ trợ SV trong quá trình thực tế tại DN để SV thích nghi, chủ động trong hoạt động thực tế tại DN.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tạo môi trường chia sẻ tri thức giữa các GV trong và ngoài khoa, ngoài trường thông qua các hội thảo chuyên đề của khoa QTKD và kết nối với các khoa QTKD của các trường ĐH uy tín khác. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong mỗi học kỳ của năm học thực hiện đổi mới các hoạt động dạy và học cho phù hợp hơn với các tiêu chuẩn, tiêu chí đề ra hướng người học chủ động tham gia hoạt động tại DN. Đơn vị thực hiện: Trung tâm TS&QHĐN làm đầu mối kết nối với các DN; Khoa QTKD làm nhiệm vụ hướng dẫn chuyên môn. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả:

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Đề cương chi tiết các học phần đã mô tả rõ việc sử dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm [H01.01.01.09]. Khoa đã triển khai về phương pháp giảng dạy, phân công nhiệm vụ của GV, của người học, những mục tiêu kỹ năng cần đạt được trong các học phần. Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm [H04.04.02.05]. Hoạt động học tập đa dạng giúp SV hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. SV được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với các GV [H04.04.03.01-02]. Những hoạt động NCKH, thực tập thực tế tại doanh nghiệp giúp SV rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể. Hiện nay Khoa QTKD vẫn đang duy trì hoạt động của các câu lạc bộ: CLB Sự kiện; CLB NCKH; CLB khởi nghiệp, CLB nhà lãnh đạo trẻ, CLB tình nguyện. Đây là môi trường tốt để SV tiếp tục rèn luyện, trau dồi kỹ năng, áp dụng kiến thức sách vở vào thực tiễn.

SV khoa QTKD được các đơn vị đánh giá cao về năng lực chuyên môn cũng như kỹ năng trong công việc mỗi lần đi thực tập tại các đơn vị DN bên ngoài. [H01.01.01.16]. Kết quả khảo sát năm 2016 của Trường cho thấy mức độ hài lòng của người sử dụng lao động về các kỹ năng của SV thực tập Khoa QTD là 4,34. Kết quả khảo sát do Khoa QTKD thực hiện năm 2015 và 2016, người sử dụng lao động đánh giá SV tốt nghiệp về cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc [H01.01.01.16]. Kết quả khảo sát người tốt nghiệp năm 2018, ý kiến cụ thể SV cho rằng các kỹ năng được trang bị đáp ứng yêu cầu công việc (chiếm 51,4% số lượng khảo sát), cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc (chiếm 48,6% số lượng khảo sát) [H01.01.01.19].

Từ năm 2013, Trường triển khai đào tạo cho SV chuyên ngành QTKD CLC các kỹ năng mềm như Kỹ năng tự học, Kỹ năng tư duy sáng tạo, Kỹ năng giải quyết vấn đề, Kỹ năng lập kế hoạch - tổ chức công việc, Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng thuyết trình, Kỹ năng làm việc nhóm [H04.04.03.03]. Chứng chỉ kỹ năng mềm được coi là một điều kiện để xét tốt nghiệp mà SV cần tích lũy.

2. Điểm mạnh:

Khoa QTKD đã có nhiều nỗ lực trong việc hoàn thiện công tác dạy và học. Cung cấp môi trường học tập sinh hoạt, các hoạt động hỗ trợ người học. Giúp người học rèn luyện được nhiều kỹ năng và nâng cao khả năng tự học.

3. Điểm tồn tại:

Một số GV vẫn còn ít quan tâm đến khâu tổ chức cho SV tự học, tự nghiên cứu, giao bài tập về nhà và kiểm tra việc thực hiện bài tập về nhà của SV.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Cung cấp môi trường học tập sinh hoạt, các hoạt động hỗ trợ đến với người học. Phát huy văn hóa chia sẻ tri thức trong tập thể GV khoa QTKD. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong mỗi học kỳ của năm học, GV tăng cường các bài tập mở rộng, đòi hỏi SV phải tự tìm hiểu, tự nghiên cứu giúp củng cố các kiến thức và kỹ năng học tập. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Điểm mạnh nổi bật: Mục tiêu giáo dục tuyên bố rõ ràng, hoạt động dạy học phù hợp để đạt CDR.

Điểm tồn tại cơ bản: Để nâng cao tính chủ động của người học, GV của Khoa cần làm tốt hơn công tác hỗ trợ, hướng dẫn SV.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 4:

Tiêu chí	Thang đánh giá		Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 4		
	Chưa đạt	Đạt			

	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 4.1					x			4.66	3	100%
Tiêu chí 4.2				x						
Tiêu chí 4.3					x					

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá Kết quả học tập của người học.

Mở đầu:

Đánh giá KQHT của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong GDDH. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Trường và Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá KQHT của người học của chuyên ngành QTKDTH CLC được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được CDR, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Các quy định về đánh giá KQHT của người học đều được thông báo công khai tới người học thông qua Sổ tay SV lúc mới nhập học. Trước khi bắt đầu học mỗi học phần, người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá Kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả:

Trường có kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá KQHT của người học từ tuyển sinh đầu vào quá trình học tập đến tốt nghiệp để đạt CDR. Về đánh giá tuyển sinh đầu vào, SV khi đạt đủ điều kiện vào trường, nếu có nguyện vọng đăng ký vào chuyên ngành

QTKDTH CLC sẽ được nhà trường xét và công bố công khai kết quả trúng tuyển dựa trên nguyện vọng và chỉ tiêu của chuyên ngành [H05.05.01-02]. Kế hoạch đào tạo của năm học, Quy định về đào tạo đại học theo học chế tín chỉ, Quy định thi kết thúc học phần đã được xây dựng và công bố công khai, rộng rãi đến người học và các bên liên quan trong sổ tay sinh viên, trên website của trường [H04.04.01.04], [H05.05.01.03].

Căn cứ vào quy định của Bộ GD&ĐT, Trường đã ban hành CĐR cho chuyên ngành QTKDTH CLC bao gồm ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm và CĐR của ngành đào tạo [H01.01.02.01-02]. Khoa QTKD đã xây dựng tài liệu hướng dẫn thiết kế các hoạt động, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp tương ứng với các mức độ đạt được của CĐR của ngành đào tạo QTKD TH [H01.01.01.10], [H03.03.01.04]. Để đạt được CĐR chung của ngành đào tạo, trong các đề cương chi tiết học phần, có quy định rõ các CĐR tương ứng với từng nội dung của học phần [H01.01.01.09]. Tổ hợp các phương pháp đánh giá KQHT này đều được giảng viên triển khai thực hiện từ trong quá trình xây dựng đề cương chi tiết, dạy, học đến khi thi kết thúc học phần [H05.05.01.04-05].

Bên cạnh đó, để đạt CĐR SV phải đảm bảo thực hiện các học phần thực tiễn nghề nghiệp là Thực hành nghề nghiệp 1, Thực hành nghề nghiệp 2, Khoá luận tốt nghiệp. Các tiêu chí đánh giá các kỳ thực hành, thực tập này đều dựa trên những yêu cầu đạt được của CĐR và được thông báo công khai đến SV trước mỗi kỳ thực hành, thực tập [H04.04.02.05]. SV chuyên ngành QTKDTH CLC để được xét công nhận tốt nghiệp, ngoài việc đạt CĐR các ngành đào tạo thì còn phải đạt yêu cầu về trình độ tiếng Anh, trình độ tin học, kỹ năng mềm, và năng lực NCKH [H01.01,02.01-02].

2. Điểm mạnh:

Công tác kiểm tra đánh giá KQHT chuyên ngành QTKDTH CLC của Khoa QTKD được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của CĐR thông qua đánh giá quá trình, thi KTHP, làm khóa luận tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại:

Các quy trình, tài liệu hướng dẫn cụ thể về cách thức thiết kế phương pháp đánh giá phù hợp mức độ đạt được CĐR chưa cập nhật và rà soát thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục rà soát, hoàn thiện công tác kiểm tra đánh giá KQHT, đặc biệt là các lần THNN, khóa luận tốt nghiệp để nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp của người học trong thực tiễn, đáp ứng nhu cầu xã hội trong lĩnh vực chuyên môn. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Rà soát và cập nhật tài liệu hướng dẫn cụ thể cách thức thiết kế phương pháp đánh giá phù hợp với mục đích/ mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả:

Các quy định về đánh giá KQHT của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng. Các quy định này thể hiện tại quy chế đào tạo tín chỉ, ĐCCT. Đánh giá KQHT hiện nay không chỉ căn cứ vào điểm thi hết học phần mà còn đảm bảo đáp ứng đạt CDR từ điểm học phần được tổng hợp qua điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần. Đề cương chi tiết các học phần chuyên ngành QTKDTH CLC có quy định rõ ràng cách đánh giá học phần, bao gồm: điểm đánh giá học phần bao gồm điểm đánh giá quá trình (trọng số 30% hoặc 40% tùy vào từng học phần) và điểm thi kết thúc học phần (trọng số 60% hoặc 70%); phương pháp, hình thức, tiêu chí kiểm tra, đánh giá điểm quá trình. Hình thức, phương pháp thi kết thúc học phần cũng thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của môn học [H01.01.01.09]. Kết thúc học phần, GV thông báo công khai điểm đánh giá quá trình cho người học trên lớp trước buổi học cuối cùng 1 tuần. Kết thúc thời hạn công bố điểm trên lớp 1 tuần, GV nộp bảng điểm quá trình về văn phòng Khoa QTKD vào buổi học cuối cùng. Cuối mỗi học kỳ trường tổ chức kỳ thi kết thúc học phần. Lịch thi được công bố tại bảng thông báo của Khoa và trên cổng thông tin UIS của trường ít nhất 04 tuần trước khi thi. Phòng KT-QLCL chịu trách nhiệm lập lịch thi. Thời gian ôn thi cho mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ và bằng ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ [H05.05.02.01].

Các học phần thực hành, thực tập gồm: Thực hành nghề nghiệp 1, Thực hành nghề nghiệp 2, Khoá luận tốt nghiệp, Khoa quy định rõ trọng số điểm quá trình, điểm bài báo cáo với các tiêu chí đánh giá chi tiết và thang điểm rõ ràng [H04.04.02.05] [H05.05.02.02]. Các quy định này đều được Khoa thông tin đến SV trước mỗi kỳ thực hành, thực tập.

Các quy định về đánh giá kết quả người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) được trình bày ở trên được thông báo công khai tới người học. Trước mỗi khóa học, SV được phổ biến các quy định về đánh giá kết quả qua sổ tay SV [H04.04.01.04] trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa. Trước mỗi học phần, GV đều giới thiệu đến SV ĐCCT của học phần, trong đó có các quy định về đánh giá kết quả học tập ngay trong buổi học đầu tiên. Trước mỗi kỳ thực hành, thực tập, Khoa gửi Kế hoạch chi tiết của đợt thực hành, thực tập trên website của Khoa [H05.05.02.03] để SV biết và thực hiện.

2. Điểm mạnh:

Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT CLC QTKDTH rõ ràng, khoa học và được thông báo công khai tới người học, rộng rãi cho các bên liên quan nhằm đạt CDR. Việc tổ chức thi, đánh giá kết quả học tập thể hiện rõ qui định trong các đề cương chi tiết học phần.

3. Điểm tồn tại:

Trong đánh giá điểm quá trình, trong một số học phần, một vài tiêu chí đánh giá đôi khi còn mang tính định tính.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục cải tiến quy trình đánh giá kết quả theo hướng đa dạng và phù hợp với thông lệ quốc tế. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD và Phòng KT-QLCL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** GV cần lượng hóa tiêu chí đánh giá điểm quá trình để tạo sự rõ ràng và thông hiểu thống nhất về tiêu chí đánh giá. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả:

Việc đánh giá kết quả học tập hiện nay được áp dụng theo các quy định hiện hành của BGD&ĐT và quy định của Nhà trường. Theo đó việc đánh giá kết quả học tập thực hiện đối với học phần, theo học kỳ và cho toàn khóa học. Phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của người học chuyên ngành QTKDTH CLC đa dạng đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng. Về thi kết thúc học phần, áp dụng nhiều hình thức thi: thi tự luận, thi vấn đáp, thi trắc nghiệm, thi trên máy tính [H05.05.01.05]. Về đánh giá quá trình, GV có thể sử dụng nhiều hình thức đánh giá điểm quá trình bao gồm bài kiểm tra viết tại lớp, thảo luận tình huống tại lớp, bài tập cá nhân tại lớp, bài tập cá nhân về nhà, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm... gắn với những yêu cầu cụ thể từng tiêu chí và CDR thể hiện trong đề cương chi tiết học phần [H01.01.01.09], [H05.05.01.04].

Phương pháp đánh giá KQHT đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy. Đề thi được lấy từ ngân hàng đề thi hoặc được thiết kế và sử dụng chung cho các lớp trong cùng một học kỳ. Khoa/bộ môn chuẩn bị 3 bộ đề thi cho mỗi ca thi, sau đó Phòng KT-QLCL sẽ chọn ngẫu nhiên 1 đề thi sử dụng. Ngoài ra, Trường yêu cầu kết thúc mỗi học kỳ, các Bộ môn/Khoa rà soát, cập nhật, chỉnh sửa bộ câu hỏi thi [H05.05.03.01-02]. Bài thi KTHP được tổ chức chấm tập trung tại khu vực quy định và GV thực hiện chấm ngẫu nhiên, điều này đảm bảo sự đánh giá khách quan, minh bạch trong việc đánh giá kết quả người học của trường [H05.05.03.03].

Các phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị và sự công bằng còn được thể hiện ở các lần Thực hành nghề nghiệp, Thực tập tốt nghiệp. Đối với các lần thực hành, thực tập, Khoa đều có kế hoạch và những yêu cầu cụ thể về thời gian, nội dung, hình thức trình bày. Việc đánh giá Thực hành nghề nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp có quy định rõ bao gồm đánh giá quá trình, đánh giá bài báo cáo, đánh giá thuyết trình bảo vệ trước hội đồng với các tiêu chí rõ ràng, cụ thể. Ngoài ra Khoa còn phân công GV chấm phản biện báo cáo khóa luận tốt nghiệp để tăng thêm độ giá trị và công bằng trong đánh giá [H04.04.02.05].

Kết quả khảo sát người học qua các năm đều cho thấy SV đánh giá rất cao về sự khách quan và công bằng của GV trong kiểm tra đánh giá quá trình và kiểm tra đánh giá KQHT qua các năm [H05.05.03.04].

2. Điểm mạnh:

Công tác đánh giá KQHT chuyên ngành QTKDTH CLC được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và ĐBCL chung.

3. Điểm tồn tại:

Việc rà soát và đổi mới bộ đề thi chưa thực hiện thường xuyên. Số lượng môn học có ngân hàng câu hỏi được nghiệm thu và được sử dụng chính thức chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục thực hiện đa dạng hóa trong kiểm tra đánh giá KQHT và thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác đánh giá KQHT. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD và Phòng KT-QLCL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Đẩy mạnh công tác biên soạn và nghiệm thu ngân hàng câu hỏi và đưa vào sử dụng chính thức; Thực hiện rà soát, cập nhật, đổi mới câu hỏi đề thi định kỳ 1 năm/lần. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD và phòng ban liên quan. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả:

KQHT được phản hồi kịp thời. Với điểm quá trình, GV phải công bố điểm đánh giá quá trình trên lớp trước buổi học cuối cùng một tuần để SV biết và thắc mắc (nếu có) [H05.05.02.01], đồng thời giúp SV có thể kịp thời nỗ lực và điều chỉnh việc học tập trong kỳ thi KTHP để cải thiện kết quả chung của học phần. Bảng điểm quá trình sau đó được gửi về cho khoa/bộ môn chậm nhất 10 ngày trước khi học phần đó bắt đầu thi; khoa/bộ môn kiểm tra, rà soát và gửi bảng điểm quá trình về phòng KT-QLCL chậm nhất 7 ngày trước khi thực hiện lịch thi. Về thi KTHP, thời gian chấm thi chậm nhất là

02 ngày sau ngày thi đầu tiên của mỗi đợt thi và kết thúc sau ngày thi cuối cùng của đợt thi là 07 ngày làm việc [H05.05.03.03]. Điểm thi sau đó sẽ được công bố trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo UIS và SV sử dụng tài khoản của mình để đăng nhập và xem điểm chi tiết. Toàn bộ hồ sơ, kết quả của người học được lưu trữ đầy đủ tại phòng KT-QLCL, cập nhật chi tiết trên cổng thông tin của trường để SV có thể dễ dàng tra cứu, tiếp cận [H04.04.02.04]. Trong vòng một tuần kể từ khi điểm đánh giá quá trình, điểm thi kết thúc được công bố, SV có thể làm đơn phúc khảo gửi đến phòng KT-QLCL; chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày nhận đơn, SV biết kết quả giải quyết phúc khảo [H05.05.04.01].

Định kỳ, Trường và Khoa QTKD căn cứ vào điểm học tập và rèn luyện của từng SV, từ đó ra quyết định cảnh báo học vụ từng học kỳ nhằm giúp cho SV có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình [H05.05.02.01] [H05.05.04.02]. Kết quả này SV có thể xem dễ dàng trên website bằng tài khoản cá nhân của mình. Trường cũng cho phép SV được hoãn xét tốt nghiệp để cải thiện điểm nhằm đạt được kết quả tốt nghiệp tốt hơn [H05.05.04.03].

Trường đã xây dựng quy trình phản hồi dữ liệu điểm để giải quyết những thắc mắc kịp thời về điểm và phản hồi những thắc mắc, khiếu nại của SV [H05.05.04.04].

Kết quả khảo sát SV cho thấy SV được thông báo kịp thời các thông tin về lịch thi, điểm thi, sử dụng làm cơ sở để cải thiện việc học tập [H01.01.01.18].

2. Điểm mạnh:

KQHT của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn, tạo điều kiện tốt nhất trong học tập cho người học. Trường và Khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, xét công nhận tốt nghiệp. Hệ thống văn bằng được cấp đúng quy định, sổ cấp văn bằng rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra.

3. Điểm tồn tại:

Việc công bố điểm quá trình và điểm cuối kỳ đôi khi còn chậm so với qui định. Điều này đôi khi ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn và đăng ký môn học trong học kỳ kế tiếp.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Thực hiện đúng việc công bố điểm quá trình và điểm KTHP theo quy định đã đề ra. Đơn vị thực hiện: GV, Phòng KT-QLCL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Công khai đáp án và kết quả chấm thi cuối kỳ nhanh chóng để SV tự đối chiếu với bài thi và kết quả thi của mình để việc phản hồi được kịp thời và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập. Đơn vị thực hiện: GV, Khoa QTKD, Phòng KT-QLCL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả:

Trường có các quy định, quy trình khiếu nại của người học về KQHT [H05.05.02.01], [H05.05.04.01] và được công bố công khai đến người học trong sổ tay SV, trên website trường [H04.04.01.05].

Các hướng dẫn và quy trình, mẫu đơn khiếu nại, phúc khảo bài thi luôn được tải trên website của trường để SV có thể dễ dàng tiếp cận và sử dụng [H05.05.05.01].

Đối với điểm quá trình, SV có thể phản hồi trực tiếp với GV giảng dạy và GV sẽ giải quyết công khai ngay tại lớp để đảm bảo độ tin cậy, công bằng. Trong trường hợp có sai sót, nhầm lẫn được SV phát hiện và phản hồi sau khi kết thúc học phần thì GV giảng dạy đề xuất điều chỉnh, bộ môn/khoa kiểm tra, ký xác nhận, Phòng KT-QLCL sẽ tiến hành điều chỉnh điểm cho sinh viên và cập nhật điểm trên hệ thống UIS sau khi phúc khảo nếu có thay đổi điểm. Đối với điểm thi KTHP, các khiếu nại của SV đều được kiểm tra và phản hồi đến người học qua email của SV [H05.05.05.02-03], [H05.05.04.04] .

Kết quả khảo sát SV cho thấy quy trình giải quyết những thắc mắc, khiếu nại của người học là rõ ràng và kịp thời [H01.01.01.18]

2. Điểm mạnh:

SV được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về KQHT của mình. Trường, Khoa và Bộ môn đảm bảo được quyền lợi chính đáng cho người học khi có bất kỳ thắc mắc về KQHT.

3. Điểm tồn tại:

Việc chấm và công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm so với quy định. Điều này ảnh hưởng đến việc phúc tra điểm, đăng ký học phần của học kỳ kế tiếp, từ đó có thể ảnh hưởng đến tiến độ học tập của SV.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Duy trì và cải thiện quy trình khiếu nại về KQHT theo hướng thực hiện qua mạng (online) hoàn toàn, thay vì chỉ đăng ký phúc khảo qua mạng và in phiếu đến nộp trực tiếp như hiện nay. Đơn vị thực hiện: Phòng KT-QLCL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** GV cần khắc phục và thực hiện đúng quy định thời gian việc chấm và công bố điểm quá trình, điểm KTHP theo quy định đã đề ra. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD, Phòng KT-QLCL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Việc đánh giá KQHT của người học đối với CTĐT CLC chuyên ngành QTKDTH bậc đại học được thực hiện một cách chuyên nghiệp, tuân thủ đúng các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Trường, phù hợp với CDR, được thông báo rõ ràng và công khai tới người học với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính công khai, tin cậy và công bằng. Việc công bố kết quả học tập công khai và cơ chế phản hồi, khiếu nại rõ ràng để người học biết và thực hiện. Cùng với đó, Trường có cơ chế cảnh báo học tập với những SV có kết quả học tập yếu, kém trong từng học kỳ để SV biết và xây dựng kế hoạch học tập phù hợp.

Điểm mạnh nổi bật: Có quy trình kiểm tra đánh giá KQHT của người học rõ ràng. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo sự tin cậy và công bằng.

Điểm tồn tại cơ bản: Số lượng môn học có ngân hàng câu hỏi được nghiệm thu và được sử dụng chính thức chưa nhiều; việc rà soát, cập nhật nội dung chưa thực hiện thường xuyên.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 5:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 5		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 5.1					x			5,00	5	100%
Tiêu chí 5.2					x					
Tiêu chí 5.3					x					
Tiêu chí 5.4					x					
Tiêu chí 5.5					x					

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**Mở đầu:**

Đội ngũ GV của Khoa QTKD được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV của Khoa có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình NCKH khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Quá trình tuyển dụng, đề bạt cán bộ GV được thực hiện công khai, đúng quy định; dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Bên cạnh đó, công tác quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV được triển khai đồng bộ nhằm tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

GV tham gia giảng dạy, nghiên cứu các CTĐT bao gồm 37 GV cơ hữu của Khoa QTKD, của Trường và đội ngũ GV thỉnh giảng. Chất lượng của đội ngũ GV được đánh giá thông qua chất lượng của công tác quy hoạch GV, tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV, các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV, năng lực của đội ngũ

GV, kế hoạch phát triển chuyên môn cho đội ngũ GV, đánh giá kết quả công việc của GV, kết quả các hoạt động nghiên cứu của GV.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bổ trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả:

Công tác quy hoạch đội ngũ GV của Khoa QTKD được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, khoa học, phù hợp với quy định chung của Trường.

Theo chiến lược phát triển giai đoạn năm 2013 đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 [H01.01.01.05], Trường đã ban hành những tiêu chuẩn chức danh cán bộ để thực hiện công tác quy hoạch [H06.06.01.01-02]. Dựa trên yêu cầu công việc [H06.06.01.03-04] các quyết định về quy hoạch cán bộ GV, triển khai thu hút, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ GV được ban hành [H06.06.01.05-06]. Căn cứ theo nhu cầu và tình hình nhân sự hiện tại, Trường đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng cụ thể, đồng thời triển khai công tác tuyển dụng theo đúng kế hoạch hàng năm [H06.06.01.07]. GV sau khi tuyển dụng được bồi dưỡng, đào tạo đầy đủ nhằm đáp ứng yêu cầu công việc. Theo đó, số lượng cán bộ được tuyển dụng trong thời gian vừa qua đều đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng dạy cho CTĐT. Nếu trong năm 2012, số lượng GV cơ hữu của khoa là 26 thì đến nay con số này đã tăng lên 37 nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu về đào tạo, NCKH [H06.06.01.08].

Bảng 6.1.1. Tăng trưởng giảng viên theo quy mô đào tạo

Đvt: người

<i>Nội dung</i>	<i>Năm</i> <i>2012</i>	<i>Năm</i> <i>2013</i>	<i>Năm</i> <i>2014</i>	<i>Năm</i> <i>2015</i>	<i>Năm</i> <i>2016</i>	<i>Năm</i> <i>2017</i>	<i>Năm</i> <i>2018</i>
GV cơ hữu	26	25	26	27	30	36	37
Tổng SV theo học	67	115	161	192	215	205	326

(Nguồn: Trích cơ sở dữ liệu báo cáo tự đánh giá chương trình CLC QTKDTH)

Bên cạnh đó, việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV được thực hiện nghiêm túc đúng quy định [H06.06.01.09]. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành [H06.06.01.09-10]. Theo kế hoạch của Trường, hàng năm lãnh đạo Khoa luôn chú ý tiến hành rà soát, quy hoạch cán bộ [H06.06.01.11]. Từ đó, Nhà trường thực hiện quy hoạch cán bộ theo đúng quy trình, thủ tục [H06.06.01.12-13]

Với công tác quy hoạch được triển khai đồng bộ, Khoa QTKD đã xây dựng và phát triển đội ngũ GV đáp ứng được nhu cầu đào tạo [H06.06.01.08], [H06.06.01.14].

Công tác quy hoạch đồng bộ cũng giúp Khoa QTKD phát triển đội ngũ GV đáp ứng được nhu cầu về NCKH. Hiện nay, các hướng nghiên cứu chính của đội ngũ GV rất đa dạng với nhiều công trình nghiên cứu được đánh giá cao [H06.06.01.15].

Hàng năm, Khoa cùng phối hợp Trường triển khai kế hoạch khảo sát ý kiến của người học về đội ngũ GV [H06.06.04.03-05], khảo sát ý kiến DN về chất lượng SV [H06.06.01.16]. Kết quả khảo sát tương đối khả quan [H01.01.01.16], [H05.05.03.04] Điều này cho thấy công tác quy hoạch đội ngũ GV của Khoa đã đáp ứng được yêu cầu về phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh:

Công tác quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện đúng quy trình; phát triển được đội ngũ GV đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại:

Đội ngũ GV có trình độ học vị, học hàm TS, PGS chưa nhiều; tỷ lệ GV theo giới tính chưa cân đối.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực để duy trì và phát triển đội ngũ GV giỏi. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC, Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Kế hoạch tuyển dụng thêm GV theo hướng ưu tiên GV có học vị, học hàm cao; chú trọng cơ cấu theo giới tính trong quy hoạch, phát triển đội ngũ GV. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC, Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả:

Khoa QTKD hiện tại có tổng cộng 37 GV cơ hữu và một số GV thỉnh giảng (tùy theo yêu cầu từng học kỳ) đảm trách toàn bộ các học phần trong CTĐT và 2 thư ký khoa phụ trách công tác hành chính [H06.06.01.08].

Bảng 6.1. Thống kê số lượng giảng viên khoa Quản trị kinh doanh năm 2018

Phạm trù cán bộ	Nam	Nữ	Tổng số		Tỷ lệ có bằng tiến sĩ
			Số lượng thực tế CB giảng viên	Số lượng CB giảng viên quy đổi thành giảng viên toàn thời gian (FTEs)*	
Giáo sư	-	-	-	-	-
GV cơ hữu toàn thời gian	18	19	37	37	13.5
GV bán thời gian	-	-	-	-	-

GV thỉnh giảng	3		3	0.45	
Tổng cộng	21	19	40	37.45	

(*)1 FTE là viết tắt của Full Time Equivalent. Đây là một đơn vị tính mức đầu tư thời gian vào công việc. 1 FTE tương đương với 40 giờ làm việc một tuần, 44 tuần/năm theo quy định tại quy chế làm việc của GV (tương đương thời gian làm việc toàn thời gian).

GV thỉnh giảng trung bình phụ trách 2 lớp/HK (3 HK/năm, 45 giờ/lớp) làm việc 6 giờ/tuần sẽ tương đương với 0.15 FTE.

Bảng 6.2: Số lượng sinh viên/ giảng viên tính theo chương trình đào tạo

Năm học	Số GV		Tổng số FTE tham gia đào tạo (1)	Tổng số sinh viên theo học (2)	Tỷ lệ sinh viên tính trên một giảng viên (2)/(1)
	Cơ hữu	Thỉnh giảng			
2012	26	9	27.35	67	2.4
2013	25	5	25.75	115	4.5
2014	26	2	26.3	161	6.1
2015	27	0	27	192	7.1
2016	30	0	30	215	7.2
2017	36	3	36.45	205	5.6
2018	37	3	37.45	326	8.7

Khối lượng công việc của đội ngũ GV cơ hữu được quy đổi theo chỉ số FTEs với thời gian làm việc theo quy định của GV là 40 giờ/tuần. Từ đó xác định tỉ lệ SV/GV của CTĐT đáp ứng yêu cầu quy định về đào tạo trình độ ĐH hiện hành [H06.06.02.01-02]. Để ĐBCL công việc, các quy định về chất lượng công việc của GV được xây dựng làm cơ sở cho quá trình giám sát và đo lường và cải tiến kết quả công việc [H06.06.02.02-04]. Bên cạnh chất lượng, khối lượng công việc giảng dạy của GV cũng được quy định

cụ thể, làm tiêu chuẩn để đo lường, giám sát và cải tiến chất lượng đào tạo [H06.06.02.02-05]. Kết quả thực hiện công việc của đội ngũ GV của Khoa qua các năm đều đạt chỉ tiêu đặt ra, trong đó, nhiều GV vượt trên định mức về giảng dạy và NCKH [H06.06.01.15], [H06.06.02.06], [H06.06.02.07]

Đối với công tác NCKH, các quy định về NCKH cũng được ban hành cụ thể [H06.06.02.05]. Đây là căn cứ quan trọng cho quá trình đo lường, giám sát và cải tiến chất lượng NCKH của GV. Thống kê cho thấy công tác NCKH của đội ngũ GV khoa có nhiều thành tích đáng ghi nhận với các công trình nghiên cứu đảm bảo theo tiêu chuẩn chung và được Hội đồng khoa học cấp khoa, cấp trường thông qua trước khi được nghiệm thu, đăng tải [H06.06.01.15], [H06.06.02.06]

2. Điểm mạnh:

Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu và thỉnh giảng để giảng dạy cho SV chuyên ngành QTKDTH CLC và SV thuộc các ngành khác của trường. Quá trình phân công công việc phù hợp nên hầu hết các GV của Khoa đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại:

Khối lượng công việc của GV phân bổ theo các học kỳ chưa thực sự cân đối.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực, chính sách khuyến khích NCKH. Đơn vị thực hiện là: Phòng TC-HC và Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Phân bổ công việc cân đối giữa các học kỳ, giúp GV có kế hoạch thời gian cho công việc chuyên môn và NCKH. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC và Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả:

Các tiêu chí và quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, phân công, nâng bậc GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) được ban hành cụ thể, rõ ràng. Trong đó, tiêu chí quan trọng bao gồm tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ [H06.06.03.01-02].

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H06.06.03.03]. Tiêu chí tuyển dụng được điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường. Trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng được thành lập đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thi giảng và trả lời phỏng vấn trực tiếp của Hội đồng tuyển dụng. Sau khi trúng tuyển, các GV đều phải thực hiện biên soạn đề cương, bài giảng, thông qua bài giảng của Bộ môn và giảng thử tại cấp bộ môn và cấp trường [H06.06.03.01-02]. Trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các qui định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (GVC, PGS, GS) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm trưởng, phó Bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, NCKH. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định [H06.06.03.01-02].

2. Điểm mạnh:

Với những tiêu chuẩn rõ ràng, Trường đã chuẩn hóa đội ngũ GV đảm bảo chuyên môn và năng lực giảng dạy.

3. Điểm tồn tại:

Các kênh để phổ biến thông tin tuyển dụng, kết quả tuyển dụng chưa thật sự đa dạng.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn tuyển dụng để lựa chọn được những GV phù hợp, đáp ứng yêu cầu công việc. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** đa dạng hơn các kênh để phổ biến thông tin về nhu cầu tuyển dụng, kết quả tuyển dụng như thông báo trên báo điện tử, truyền hình, mạng lưới liên hệ với cựu SV. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả:

Để phát triển đội ngũ GV, Trường đã ban hành các quy định cụ thể về tiêu chuẩn GV [H06.06.01.01-02], [H06.06.03.01-02], [H06.06.04.01]. Theo đó, GV của khoa đều đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, NCKH và nghiệp vụ sư phạm theo quy định của Trường [H06.06.01.08]. Như vậy, về cơ bản, năng lực của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Để đánh giá năng lực giảng dạy, Khoa triển khai công tác dự giờ giảng viên theo đúng kế hoạch [H06.06.04.02]. Kết thúc mỗi học phần, phòng KT-QLCL đều lấy ý kiến phản hồi của người học về môn học thông qua phiếu đánh giá khuyết danh. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của SV đều cho thấy các hoạt động giảng dạy của Khoa đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học. Kết quả cho thấy SV đánh giá cao hoạt động giảng dạy của GV [H05.05.03.04], [H06.06.04.03-05].

Để đánh giá kết quả thực hiện công việc trong năm của GV, Khoa thực hiện theo đúng quy trình của Trường. Theo đó, căn cứ vào các quy định về trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu của GV, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng GV [H06.06.02.05], hàng năm GV sẽ đăng ký kế hoạch thi đua [H06.06.04.06]. Dựa vào đó, Khoa sẽ thực hiện phân công công tác [H06.06.04.07]. Vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học [H06.06.04.06], [H06.06.04.08]. Việc tự đánh giá căn cứ theo chức năng nhiệm vụ theo chức danh, nhiệm vụ được giao. Sau đó, Bộ môn và Lãnh đạo khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua [H06.06.04.09]. Như vậy, năng lực của GV đều được đánh giá theo đúng quy trình thủ tục [H06.06.04.08]. Hàng năm, các quy định, quy trình đánh giá năng lực GV đều được cải tiến dựa trên những ý kiến đóng góp của cán bộ GV [H06.06.04.10-12].

2. Điểm mạnh:

Tiêu chuẩn năng lực GV của Khoa QTKD được xác định và đánh giá rõ ràng theo đúng trình tự quy trình và đảm bảo chính xác, khách quan.

3. Điểm tồn tại:

Hệ thống đánh giá khen thưởng đều dựa vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên, vì thế các chỉ tiêu khen thưởng đều ràng buộc chỉ tiêu nhất định về số lượng, về chất lượng chưa lượng hóa được các tiêu chí trong quá trình đánh giá. Điều này dẫn đến chưa phát huy và công nhận đầy đủ, kịp thời nỗ lực phấn đấu của tất cả GV.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn năng lực GV để làm cơ sở cho quá trình đánh giá kết quả công việc. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Hoàn thiện bộ tiêu chuẩn năng lực GV, tiêu chuẩn đánh giá kết quả công việc theo hướng định lượng; hoàn thiện quy trình đánh giá. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả:

Kế hoạch đào tạo phát triển đội ngũ GV của Khoa được xây dựng dựa trên chiến lược đào tạo bồi dưỡng của Trường [H01.01.01.05], [H06.06.01.06]. Căn cứ kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ của Trường, dựa trên việc đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ GV, khoa đã xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí cán bộ theo từng năm học và theo giai đoạn [H06.06.05.01].

Dựa trên nhu cầu đào tạo GV và kế hoạch của Trường, Khoa phối hợp với Trường cử cán bộ GV tham gia các khóa học ngắn hạn, dài hạn [H06.06.05.02-04]. Để phát triển đội ngũ đạt chuẩn học vị, căn cứ theo nhu cầu của CTĐT và năng lực của GV, Trường và Khoa luôn tạo điều kiện hỗ trợ GV tham gia các khóa học tập dài hạn nhằm nâng cao trình độ [H06.06.05.02-04]. Theo đó, các chính sách tạo động lực cho người học được xây dựng và triển khai như giảm 50% giờ đối với GV là NCS; Trường hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo trong thời gian làm NCS. NCS được thưởng bằng hiện kim nếu hoàn thành khóa học đúng hạn [H06.06.01.09-10]. Bên cạnh đó, Trường và Khoa luôn công khai

thông báo các chương trình học bổng học tập nước ngoài nhằm tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ tham gia dự tuyển [H06.06.05.05]. Những chính sách đó đã khuyến khích các GV của Khoa tích cực học tập nâng cao trình độ. Hiện Khoa đang có 11 ThS đang theo học NCS, trong đó có 3 NCS học ở nước ngoài và 8 NCS trong nước [H06.06.01.08]. Tình hình nghiên cứu học tập của các NCS đang đảm bảo đúng tiến độ, dự kiến trong vòng 3 năm tới, Khoa sẽ có thêm nhiều GV có học vị TS. Bên cạnh đó, nhằm phát triển đội ngũ GV một cách toàn diện, ngoài việc chú trọng phát triển năng lực chuyên môn, Trường và Khoa còn chú trọng đến việc bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, năng lực nghiên cứu cho GV. Theo đó, các hoạt động đào tạo ngắn hạn đã được Trường triển khai và thu hút sự tham gia đông đảo đội ngũ GV của Khoa tham gia như: bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, các khóa tập huấn về phương pháp giảng dạy ở bậc ĐH [H06.06.05.02-03]. Ngoài các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Trường tổ chức, về cơ bản, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Khoa chủ yếu là tự đào tạo thông qua hình thức tọa đàm, hội thảo, phát triển kỹ năng giảng dạy [H06.06.05.06]. Tất cả các GV đều tích cực tham gia các hoạt động đào tạo của Nhà trường. Ý kiến phản hồi của GV về công tác đào tạo của Nhà trường khá tích cực, điều này cho thấy công tác đào tạo của Nhà trường đã có những bước tiến đáng kể [H06.06.05.07].

2. Điểm mạnh:

Quá trình xác định nhu cầu đào tạo của đội ngũ GV đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Khoa và Trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT ThS, TS và các khóa đào tạo ngắn hạn như giảm giờ chuẩn giảng dạy, hỗ trợ học phí, tạo điều kiện thời gian cho GV tập trung nghiên cứu học tập.

Các hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho GV đáp ứng đúng nhu cầu về mục tiêu, nội dung và thời gian. Đội ngũ tập huấn viên là những người có trình độ và kinh nghiệm trong lĩnh vực đảm nhiệm nên tạo sự phấn khích cho GV theo học.

3. Điểm tồn tại:

Hình thức tổ chức một số khóa đào tạo, các khóa học ngoại ngữ chưa đáp ứng được nhu cầu của các GV.

Một số khóa đào tạo theo nhu cầu của GV đưa ra còn chưa được triển khai.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tổ chức lấy ý kiến đánh giá của GV sau mỗi khóa học nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Thường xuyên tổ chức khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ ngoại ngữ, chuyên môn của đội ngũ GV cũng như có kế hoạch cụ thể để triển khai các khóa học này. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả:

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo. Theo đó, công tác khen thưởng GV có thành tích tốt trong hoạt động đào tạo được triển khai định kỳ. Để có căn cứ cho công tác khen thưởng, Trường đã ban hành quy định cụ thể về khối lượng và chất lượng công việc đào tạo của GV bao gồm thời lượng giảng dạy trên lớp, thời gian hướng dẫn SV tự học, chấm bài, hướng dẫn khóa luận và chuyên đề tốt nghiệp, CVHT, coi thi [H06.06.02.02], [H06.06.02.04], [H06.06.02.05]. Các nội dung trong khối lượng công việc của GV đều được quán triệt cho từng GV, có điều chỉnh và ban hành hàng năm theo Quy định chế độ làm việc đối với GV. Căn cứ vào những quy định về khối lượng công việc, hàng năm mỗi GV đều đăng ký nhiệm vụ NCKH, đăng ký danh hiệu thi đua [H06.06.06.01-02]. Dựa vào đó, Khoa tiến hành phân công công việc cho GV. Quá trình phân công công việc được thực hiện rõ ràng, minh bạch và phù hợp theo khả năng của GV. Bên cạnh đó, việc kiểm tra kết quả công việc của GV trong khoa cũng được thực hiện triệt để. Theo đó, Khoa triển khai các kế hoạch của Trường về dự giờ giảng của GV, thu thập phiếu nhận xét của SV về môn học [H06.06.04.02-05]. Cuối mỗi năm học, Khoa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đào tạo của từng GV theo quy trình cụ thể của Trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H06.06.04.08], [H06.06.06.03].

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho NCKH. Theo đó, Trường đã ban hành các quy định về công tác NCKH của GV, lấy đó là căn cứ để đánh giá, khen thưởng, khuyến khích hoạt động NCKH [H06.06.02.02-05]. Quá trình đánh giá khen thưởng GV có thành tích NCKH cũng được triển khai đồng bộ theo công tác đánh giá cán bộ hàng năm [H06.06.04.08], [H06.06.06.03].

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho hoạt động phục vụ cộng đồng. Theo đó, những GV hoàn thành tốt công tác phục vụ cộng đồng như tham gia hỗ trợ trong kỳ thi tuyển sinh tại các địa phương, thực hiện các dự án tư vấn DN [H06.06.06.04], đều được đánh giá cao.

Cuối năm, những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua các cấp, giấy khen của Hiệu trưởng [H06.06.06.05-07]. Việc bình xét danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm đều được triển khai theo đúng quy trình, cán bộ GV được tự đánh giá thông qua phiếu đánh giá GV và tổ chức họp xét công khai, từng cán bộ nhận xét đồng nghiệp mình và bình bầu phiếu kín. Căn cứ vào phiếu bầu và đánh giá công khai, chọn ra những cán bộ tiêu biểu đề nghị khen thưởng [H06.06.06.05-07]. Với tiêu chí đánh giá rõ ràng, quy trình đánh giá khách quan, tập thể GV Khoa QTKD đều rất tích cực hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo, NCKH để phục vụ cộng đồng [H06.06.06.07].

2. Điểm mạnh:

Có tiêu chuẩn, quy trình đánh giá rõ ràng, triển khai đồng bộ công tác đánh giá kết quả công việc của GV, kết quả đánh giá khích lệ GV thực hiện tốt nhiệm vụ.

3. Điểm tồn tại:

Việc quản trị theo kết quả công việc nhằm tăng cường các hoạt động phục vụ cộng đồng chưa được chú trọng đúng mức.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng, đãi ngộ nhằm khuyến khích GV nỗ lực trong công tác đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Đa dạng hóa các hoạt động phục vụ cộng đồng, xây dựng quy định cụ thể về đánh giá kết quả các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả:

NCKH là hoạt động đóng vai trò quan trọng đối với đội ngũ GV trong khoa. Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được Trường quy định rõ (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV NCKH) đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định, phù hợp với nhiệm vụ khoa học công nghệ của Nhà trường [H06.06.02.02], [H06.06.02.05], [H06.06.07.01].

Căn cứ vào đề tài NCKH hàng năm do GV đăng ký, Khoa và Trường tổ chức Hội đồng đánh giá và phê duyệt đề tài; đồng thời thông báo công khai đến toàn bộ GV [H06.06.07.02].

Kết thúc năm học, Khoa và Trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo về số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV. Việc đánh giá công tác NCKH của GV được thực hiện theo đúng quy trình của Trường. Theo đó, căn cứ vào các quy định về trách nhiệm nghiên cứu của GV; định mức NCKH cho từng đối tượng GV; tiêu chuẩn chủ nhiệm, thành viên đề tài NCKH [H06.06.02.02-05], [H06.06.04.01], hàng năm GV sẽ đăng ký nhiệm vụ NCKH [H06.06.06.02]. Vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ NCKH [H06.06.04.08]. Việc tự đánh giá căn cứ theo chức năng nhiệm vụ theo chức danh, nhiệm vụ được giao. Sau đó, Bộ môn và Lãnh đạo khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá [H06.06.04.09], [H06.06.06.06]. Kết quả đánh giá hoạt động NCKH được tổng kết hàng năm, làm cơ sở cho quá trình xây dựng phương hướng nhiệm vụ NCKH cho năm tiếp theo [H06.06.07.03-06]. Thống kê cho thấy, công tác NCKH của GV có tiến triển tốt. Các công trình nghiên cứu tăng qua các năm và luôn nhận được sự đánh giá cao từ các Hội đồng Khoa học [H06.06.07.03-07]. Nhìn chung, hoạt động NCKH của GV được tổ chức đồng bộ với các định mức tiêu chuẩn rõ ràng, quy trình đánh giá cụ thể, làm cơ sở cho việc kiểm soát, cải tiến chất lượng.

2. Điểm mạnh:

Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, NCV được Trường xác lập rõ ràng. Từ đó, quy trình giám sát được xây dựng và triển khai. Kết quả đánh giá cho thấy tất cả GV của khoa luôn đảm bảo, thậm chí vượt định mức số giờ NCKH hàng năm theo quy định của Trường và Bộ GD&ĐT. Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, xuất bản các bài báo khoa học trong các hội thảo trong nước và quốc tế, xuất bản sách chuyên khảo.

3. Điểm tồn tại:

Quá trình giám sát, đối sánh cho thấy Khoa chưa có đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, số lượng GV tham gia các đề tài NCKH với các đối tác nước ngoài còn hạn chế.

Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các Khoa khác trong trường và ngoài trường còn chưa phong phú, số lượng bài báo được công bố trong các hội thảo và tạp chí quốc tế còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng, đãi ngộ nhằm khuyến khích GV nỗ lực NCKH. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Tạo điều kiện tốt nhất cho GV NCKH; Khen thưởng xứng đáng với GV thành tích NCKH xuất sắc. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Công tác quy hoạch GV được thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục, vì vậy Trường đã quy hoạch và phát triển được đông đảo đội ngũ GV, về cơ bản đảm bảo được tỷ lệ GV/SV. Bên cạnh đó, công tác tuyển dụng với tiêu chuẩn tuyển dụng rõ ràng, công khai cũng góp phần quan trọng cho chiến lược phát triển đội ngũ GV của Khoa và Trường. Song song đó, Khoa và Trường luôn quan tâm đến công tác đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ GV, thực hiện đánh giá năng lực và quản trị theo kết quả công việc của GV một cách khoa học. Với những chính sách và chương trình hành động cụ thể, Trường đã

phát triển đội ngũ GV của Khoa có trình độ chuyên môn cao, có năng lực trong giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Điểm mạnh nổi bật: Có quy trình quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, đánh giá kết quả công việc của đội ngũ GV rõ ràng.

Điểm tồn tại cơ bản: Công tác phát triển đội ngũ GV có trình độ TS, học hàm PGS, GS còn hạn chế; các công trình NCKH được đăng tải trên các tạp chí quốc tế chưa nhiều.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 6:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 6		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 6.1					x			4,14	7	100%
Tiêu chí 6.2				x						
Tiêu chí 6.3				x						
Tiêu chí 6.4				x						
Tiêu chí 6.5				x						
Tiêu chí 6.6				x						
Tiêu chí 6.7				x						

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu:

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, Trường ĐHTCM luôn xác định xây dựng và phát triển đội ngũ NV hỗ trợ là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Trường đã thực hiện tốt công tác phát triển đội ngũ NV. Chất lượng của đội ngũ NV được đánh giá thông qua chất lượng của công tác quy hoạch NV; qua quá trình tuyển dụng NV với

các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn rõ ràng, minh bạch; qua năng lực của đội ngũ NV; qua các kế hoạch đào tạo phát triển chuyên môn cho đội ngũ NV và qua quá trình đánh giá kết quả công việc của đội ngũ NV.

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả:

Việc quy hoạch đội ngũ NV thư viện, NV phòng quản lý đào tạo, NV phòng KT-QLCL, NV phòng NCKH, NV phòng QTTB và các NV dịch vụ hỗ trợ khác được thực hiện khoa học, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Căn cứ theo nhu cầu và tình hình nhân sự hiện tại, Trường đã phê duyệt chỉ tiêu đồng thời xây dựng kế hoạch tuyển dụng cụ thể, triển khai công tác tuyển dụng theo đúng kế hoạch hàng năm [H06.06.01.07], [H07.07.01.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng xây dựng đề án việc làm, các kế hoạch cụ thể nhằm triển khai công tác quy hoạch cán bộ theo đúng quy định [H06.06.01.11-12].

Kết quả cho thấy, Trường đã phát triển đội ngũ NV hỗ trợ công tác tại các phòng ban đảm bảo đủ số lượng và đáp ứng được yêu cầu của công việc. Cụ thể, đội ngũ NV thư viện gồm 02 cán bộ quản lý, 08 nhân viên viên. Về cơ bản, đảm bảo đủ số lượng nhân sự phục vụ hỗ trợ trong công tác thư viện [H07.07.01.02]. Đội ngũ nhân sự quản lý đào tạo gồm 3 phó trưởng phòng và 16 chuyên viên, chia làm 5 bộ phận, thực hiện công tác tuyển sinh, quản lý chương trình đào tạo và thời khóa biểu, xử lý học vụ, phụ trách văn bằng, tốt nghiệp, tiếp SV [H07.07.01.02]. Đội ngũ nhân sự phòng KT-QLCL gồm 15 người với 1 trưởng phòng, 2 phó phòng và 15 NV, chịu trách nhiệm thực hiện công tác khảo thí và ĐBCL giáo dục của trường [H07.07.01.02]. Đội ngũ nhân sự phòng QLKH có 6 người gồm 1 trưởng phòng, 1 phó phòng và 5 NV, chịu trách nhiệm quản lý, xây dựng kế hoạch, định hướng phát triển công tác NCKH [H07.07.01.02]. Về lực lượng nhân sự quản trị thiết bị gồm 8 người, thực hiện công tác về quy hoạch, xây dựng, sửa chữa, quản lý tài sản và quản trị cơ sở vật chất của Trường [H07.07.01.02]. Đội ngũ nhân sự phòng công tác SV hiện có 14 cán bộ trong đó 4 cán bộ quản lý, 14 NV. Với đội ngũ trẻ, năng động, có phẩm chất đạo đức, luôn nắm bắt yêu cầu SV và tích cực hỗ

trợ SV đã đáp ứng yêu cầu phục vụ và quản lý SV [H07.07.01.02]. Về đội ngũ nhân sự TTTS-QHDN hiện có 7 người, trong đó có 2 cán bộ quản lý và 3 NV. Lực lượng cán bộ là đội ngũ trẻ, năng động đáp ứng nhu cầu phục vụ SV cũng như các công tác kết nối DN khác [H07.07.01.02].

Về đội ngũ hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ công đồng tại Khoa, Trường quy hoạch 2 chuyên viên đảm nhận công tác thư ký khoa [H07.07.01.03-04]. Về cơ bản, đội ngũ NV đảm bảo được yêu cầu công việc, hỗ trợ đắc lực cho các hoạt động của Khoa.

Bên cạnh đó, việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của đội ngũ NV được thực hiện nghiêm túc đúng quy định [H06.06.01.09]. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành [H06.06.01.09-10]. Theo kế hoạch của Trường, hàng năm lãnh đạo các đơn vị luôn chú ý tiến hành rà soát, quy hoạch cán bộ [H06.06.01.11]. Từ đó, Nhà Trường thực hiện quy hoạch cán bộ theo đúng quy trình, thủ tục [H06.06.01.12-13].

2. Điểm mạnh:

Công tác quy hoạch đội ngũ NV được thực hiện đúng quy trình thủ tục; bước đầu phát triển được đội ngũ cán bộ thư viện, phòng thực nghiệm, công nghệ thông tin và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ đủ về số lượng và thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT.

3. Điểm tồn tại:

Sau sáp nhập, số lượng, cơ cấu nhân viên đội ngũ nhân viên trên thực tế tại một số phòng ban cao hơn, chưa đồng bộ. Do điều kiện khách quan nên công tác dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên và quy hoạch, thu hút, tuyển dụng, bồi dưỡng chưa được thực hiện một cách bài bản.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực để duy trì và phát triển đội ngũ NV giỏi. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC, Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Có kế hoạch thu hút, tuyển dụng đội ngũ NV theo hướng ưu tiên người có trình độ chuyên môn cao; có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực giao

dục. Bên cạnh đó, rà soát và sắp xếp, bố trí nhân viên sau sáp nhập hợp lý hơn, có kế hoạch phân tích, dự báo nhu cầu đội ngũ nhân viên phục vụ làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và xây dựng chính sách thu hút tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên cần được triển khai một cách dài hạn. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả:

Các tiêu chuẩn và quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, phân công công việc cho đội ngũ NV được ban hành cụ thể, rõ ràng. Trong đó, tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn, khả năng ngoại ngữ và tin học [H07.07.02.01].

Công tác tuyển dụng đội ngũ NV được thực hiện dựa vào quy hoạch đào tạo và kế hoạch tuyển dụng hàng năm được Trường lập kế hoạch và trình Bộ Tài Chính xét duyệt. Các kế hoạch tuyển dụng hàng năm đều căn cứ vào nhu cầu của Trường, căn cứ vào định biên công việc [H07.07.02.02]. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ NV, được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H06.06.03.03]. Ứng viên tham gia đều phải trải qua các kỳ xét tuyển viên chức nhằm đánh giá đúng năng lực của của từng người. Tiêu chí tuyển dụng được điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường. Trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng được thành lập đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan [H07.07.02.03]. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai [H07.07.02.04-05].

2. Điểm mạnh:

Với những tiêu chuẩn và quy trình tuyển dụng rõ ràng, Trường đã bước đầu chuẩn hóa đội ngũ NV hỗ trợ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại:

Các kênh để phổ biến thông tin tuyển dụng, kết quả tuyển dụng chưa thật sự đa dạng.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn tuyển dụng để lựa chọn được những NV phù hợp, đáp ứng yêu cầu công việc. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Đa dạng hơn các kênh để phổ biến thông tin về nhu cầu tuyển dụng, kết quả tuyển dụng như thông báo trên báo điện tử, truyền hình, mạng lưới liên hệ với cựu SV. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả:

Để phát triển đội ngũ NV, Trường ban hành các quy định cụ thể về năng lực của đội ngũ NV [H07.07.02.01], [H07.07.01.04]. Theo đó, đội ngũ NV của Trường đều đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn [H07.07.01.02]. Hiện tại, bên cạnh đội ngũ hỗ trợ tại các phòng ban, Khoa QTKD có 02 viên chức hỗ trợ đều có trình độ ThS. Ngoài ra, Khoa còn xây dựng đội ngũ GV kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ gồm: 35 CVHT, 01 viên chức phụ trách NCKH cho SV. Để đảm bảo năng lực cho đội ngũ hỗ trợ theo quy định, các viên chức hỗ trợ và GV kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn [H07.07.03.01-03]. Như vậy, về cơ bản, năng lực của đội ngũ NV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Để đánh giá năng lực của đội ngũ NV, các đơn vị đều triển khai thực hiện đồng bộ quy trình đánh giá do Trường quy định [H07.07.03.03]. Theo đó, căn cứ vào yêu cầu công việc, mỗi cán bộ NV các phòng ban thực hiện đăng ký kế hoạch thi đua hàng năm [H07.07.03.04]. Vào cuối mỗi năm học, các NV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học [H07.07.03.03-04]. Việc tự đánh giá căn cứ theo chức năng nhiệm vụ theo chức danh, nhiệm vụ được giao. Sau đó, lãnh đạo đơn vị thực hiện đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua [H06.06.04.09]. Kết quả đánh giá phản ánh rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ hỗ trợ [H06.06.04.09]. Như vậy, năng lực của đội ngũ NV đều được đánh giá theo đúng quy trình thủ tục. Hàng năm, các quy định, quy trình đánh giá năng lực NV đều được cải tiến dựa trên những ý kiến đóng góp của cán bộ NV [H06.06.04.10-12].

2. Điểm mạnh:

Tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ NV hỗ trợ được xác định và đánh giá rõ ràng.

3. Điểm tồn tại:

Hệ thống đánh giá khen thưởng đều dựa vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên, các chỉ tiêu khen thưởng đều có hạn mức. Do vậy, chưa thật sự khuyến khích đối với những cá nhân có nhiều đóng góp, chưa tính đến tính chất và điều kiện đặc thù của từng vị trí công việc, chưa định lượng nên chưa ghi nhận và tổng quát hết những đóng góp của mỗi NV.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách quản lý nguồn nhân lực để phát triển đội ngũ NV một cách toàn diện. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Hoàn thiện bộ tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ NV hỗ trợ, tiêu chuẩn đánh giá kết quả công việc theo hướng định lượng; hoàn thiện quy trình đánh giá. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả:

Trường luôn chú trọng đến việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV hỗ trợ [H06.06.05.04]. Theo đó, NV khi có nhu cầu đào tạo sẽ lập kế hoạch đăng ký nhu cầu đào tạo [H06.06.05.01] [H07.07.04.01]. Căn cứ vào yêu cầu công việc và nhu cầu đào tạo của đội ngũ NV, các đơn vị sẽ xác định nhu cầu đào tạo chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ NV, làm cơ sở để Trường xây dựng các kế hoạch đào tạo cụ thể [H06.06.01.06]. Các kế hoạch tổ chức đào tạo, tập huấn công tác nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ như các khóa học ứng dụng tin học vào hoạt động quản lý thư viện, hội thảo về Thư viện, sử dụng bộ office 365 được triển khai theo đúng tiến độ, đáp ứng được nhu cầu đào tạo đội ngũ NV [H06.06.01.06], [H07.07.03.01], [H06.06.05.01]. Các CTĐT đáp ứng yêu cầu thực tiễn nên đã thu hút đông đảo cán bộ NV nhiệt tình tham gia [H07.07.03.02].

Để tạo điều kiện cho đội ngũ NV học tập nâng cao trình độ, Trường luôn tạo điều kiện hỗ trợ NV tham gia các khóa học tập dài hạn [H06.06.05.02], [H06.06.05.03]. Theo đó, các chính sách tạo động lực cho người học được xây dựng và triển khai [H06.06.01.09-10]. Kết quả cho thấy đội ngũ NV tích cực tham gia các khóa đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ [H06.06.05.03].

2. Điểm mạnh:

Xác định rõ ràng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ NV hỗ trợ; đồng thời có kế hoạch để triển khai các hoạt động đào tạo đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV.

3. Điểm tồn tại:

Chính sách hỗ trợ các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các NV chưa cao do kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ của trường chưa cao (bình quân chiếm 0,2%/tổng chi của toàn Trường).

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục phát triển các CTĐT nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ NV. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC, Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ; Tạo điều kiện về thời gian để cán bộ hỗ trợ có thể tham gia các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC, Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả:

Trường và Khoa luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của NV hỗ trợ nhằm tạo động lực cho NV trong quá trình làm việc và hỗ trợ đặc lực cho

hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Theo đó, Trường xây dựng hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, các quy định về khen thưởng và công nhận thành tích [H07.07.05.01-02]. Các tiêu chuẩn đánh giá, quy trình đánh giá kết quả công việc đều được xây dựng dựa trên ý kiến đóng góp của NV [H06.06.04.10-12].

Hàng năm, căn cứ vào quy định của Trường về khối lượng công việc, mỗi NV hỗ trợ đều xây dựng kế hoạch công tác, đăng ký danh hiệu thi đua [H07.07.05.03]. Đây là cơ sở quan trọng cho quá trình phân công công việc và đánh giá kết quả công việc. Việc bình xét danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm đều được triển khai theo đúng quy trình, NV được tự đánh giá thông qua phiếu đánh giá và tổ chức họp xét công khai, từng NV nhận xét đồng nghiệp mình và bình bầu phiếu kín. Căn cứ vào phiếu bầu và đánh giá công khai, chọn ra những NV tiêu biểu đề nghị khen thưởng [H06.06.04.08]. Những NV hỗ trợ hoàn thành công việc được giao luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên, Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, Giấy khen của Hiệu trưởng, Chiến sỹ thi đua ngành tài chính, Chiến sỹ thi đua toàn quốc [H06.06.06.07]. Với tiêu chí đánh giá rõ ràng, quy trình đánh giá khách quan, đội ngũ NV đều rất tích cực hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh:

Có tiêu chuẩn, quy trình đánh giá rõ ràng, triển khai đồng bộ công tác đánh giá kết quả công việc của NV, kết quả đánh giá đã khích lệ đội ngũ NV thực hiện tốt công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại:

Hệ thống tiêu chí đánh giá định lượng chất lượng công việc chưa hoàn thiện, chưa tiến hành khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của nhân viên về thi đua khen thưởng và được công nhận.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Hoàn thiện chính sách quản trị nguồn nhân lực chú trọng khâu đánh giá kết quả thực hiện bằng cách xây dựng tiêu chí đánh giá rõ ràng, cụ thể để

đánh giá chất lượng công việc và theo dõi, giám sát thực hiện. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC, các đơn vị thuộc Trường. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Hoàn thiện bộ tiêu chí định lượng để đánh giá chất lượng công việc. Khảo sát sự hài lòng của NV về công tác đánh giá NV. Qua đó xây dựng các chính sách đãi ngộ kịp thời để tạo động lực cho các đội ngũ NV trong quá trình làm việc. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC, các đơn vị thuộc Trường. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Điểm mạnh nổi bật: Công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, thuyên chuyển giữa các bộ phận được thực hiện theo đúng quy trình, công khai, minh bạch vì vậy đã quy hoạch và phát triển được đội ngũ NV hỗ trợ đảm bảo về số lượng, có năng lực chuyên môn và sẵn sàng phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trường luôn quan tâm đến công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc được thực hiện một cách công bằng, có tác dụng kích thích, động viên tinh thần làm việc đối với đội ngũ NV.

Điểm tồn tại cơ bản: Các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV chưa phong phú, hoạt động đánh giá NV chưa được giám sát nhằm hỗ trợ cải tiến. Việc khảo sát sự hài lòng của nhân viên về đánh giá kết quả công việc và thi đua khen thưởng chưa được thực hiện theo một quy trình quy cũ.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 7:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 7		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 7.1				x				4,4	5	100%
Tiêu chí 7.2					x					

Tiêu chí 7.3				x						
Tiêu chí 7.4				x						
Tiêu chí 7.5					x					

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu:

Người học chính là trung tâm của quá trình đào tạo. Tất cả các hoạt động của Trường đều hướng đến mục tiêu hỗ trợ người học phát huy tối đa năng lực bản thân trong học tập và NCKH. Vì chất lượng người học sẽ quyết định sự phát triển trong hoạt động đào tạo, NCKH của Trường nói chung và của CTĐT CLC QTKDTH nói riêng lẫn ngành QTKD.

Để giúp người học tham gia quá trình đào tạo, Khoa QTKD và Trường đã phát triển trung tâm hỗ trợ SV, phòng quản lý SV CLC, đội ngũ hỗ trợ, các CLB, tổ chức hội nghị trao đổi giữa SV và Trường.

Chất lượng người học và các hoạt động hỗ trợ người học là điều kiện cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo và khẳng định uy tín của ngành, khoa và Trường trong hoạt động đào tạo và NCKH. Trong 6 năm qua, Khoa QTKD, ĐHTCM đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ và rèn luyện của người học một cách minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh tiện ích, từ đó nâng chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo chung của Trường.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả:

ĐHTCM luôn thực hiện đúng các quy định trong quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, đầy đủ và chi tiết trong nội dung đề án tuyển sinh của Trường qua các năm. Trong đề án đã xác định chính sách xét tuyển,

chính sách ưu tiên xét tuyển, đối tượng xét tuyển và phương pháp xét tuyển, phạm vi, ngành tuyển sinh, lịch tuyển sinh, phương thức đăng ký dự tuyển và lệ phí tuyển sinh [H08.08.01.01]. [H08.08.01.02]. [H05.05.01.01].

Hàng năm các thông tin về tuyển sinh bao gồm chính sách tuyển sinh, khối thi, chỉ tiêu tuyển sinh của các chương trình, ngành và chuyên ngành QTKDTH CLC công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, tờ rơi, bảng điện quảng cáo, trên các kênh thông tin như website chính thức của trường <http://www.ufm.edu.vn>, cổng thông tin tuyển sinh <http://tuyensinh.ufm.edu.vn>, trang fanpage www.facebook.com/tuyensinhufm), chương trình tư vấn trực tuyến truyền hình online tuyển sinh và hướng nghiệp, và trên các phương tiện thông tin đại chúng khác [H05.05.01.02], [H08.08.01.03], [H08.08.01.04]. Tiêu chí xét tuyển sinh chương trình CLC có điểm biệt so với chương trình đại trà là yêu cầu trình độ tiếng Anh [H05.05.01.02]. Hàng năm Nhà trường phối hợp cùng với các đơn vị tổ chức như Báo Tuổi trẻ, Thanh niên thực hiện tư vấn tuyển sinh chương trình CLC tại các tỉnh và Tp.HCM. Nhà trường cũng có kế hoạch tư vấn chuyên sâu giúp SV và phụ huynh hiểu rõ chương trình đào tạo và giải đáp những thắc mắc [H08.08.01.05].

Nhà trường cũng tích cực thu hút học sinh giỏi thông qua tiêu chí xét tuyển thẳng đối với các học sinh đạt được những thành tích nổi bật trong học tập [H08.08.01.01]

Chính sách tuyển sinh của chuyên ngành QTKDTH CLC được cập nhật và thực hiện theo đúng các quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, có ý kiến các bên liên quan [H08.08.01.06] và đồng thời dựa trên phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực của xã hội trên các kênh thông tin như báo chí và các đơn vị ban ngành. Chính sách tuyển sinh được cập nhật phù hợp theo những quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và phù hợp với sứ mạng tầm nhìn của Trường, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. Điểm mạnh:

Chính sách tuyển sinh thực hiện đúng quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Chính sách tuyển sinh cũng được xác định rõ ràng, công bố công khai giúp cho việc chiêu sinh của Trường thuận lợi; đối tượng tuyển sinh được tiếp cận thông tin tuyển sinh dễ dàng và đầy đủ.

3. Điểm tồn tại:

Thông tin về nhu cầu nhân lực của xã hội phục vụ cho việc xây dựng chính sách tuyển sinh, Trường chỉ dựa trên nguồn thứ cấp từ các kênh như báo chí và các đơn vị ban ngành vì vậy thông tin này vẫn chưa đáp ứng đầy đủ cho việc phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục hoàn thiện các chính sách tuyển sinh, cập nhật và chủ động công bố thông tin và hình ảnh trên website của trường, của khoa, thực hiện tuyển sinh theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Đào tạo đội ngũ tư vấn viên là những cán bộ, GV nhiều năm kinh nghiệm, am hiểu ngành/chuyên ngành đào tạo để thuyết phục thí sinh và phụ huynh. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD, Phòng QLĐT, TTTS&QHDN. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019

- **Khắc phục tồn tại:** Cần thực hiện khảo sát và đồng thời thu thập dữ liệu thứ cấp về nhu cầu nhân lực của xã hội thường xuyên làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh. Đơn vị thực hiện: Phòng QLĐT, Khoa QTKD, TTTS&QHDN. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (6/7).

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả:

Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Trường xác định và ghi rõ trong chính sách tuyển sinh, có tổ chức thi và xét tuyển. Cụ thể là từ năm học 2014 – 2015 về trước, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh theo hình thức cũ, ngành QTKD tuyển thí sinh dự thi khối A, D1. Đặc biệt năm 2015 - năm đầu Bộ GD&ĐT có sự thay đổi và cải cách trong đề án tuyển sinh ĐH, Trường và Khoa QTKD đã nghiêm túc thực hiện theo phê duyệt Phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh ĐH, điểm tuyển là điểm xét theo chương trình CLC, chuyên ngành QTKDTH CLC với tổ hợp các môn thi A00, A01, D01, D96 [H05.05.01.01]. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được thực hiện theo kế hoạch của Trường [H08.08.01.02]. Quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định trên cơ sở

góp ý của các bên liên quan Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Trường rà soát, đánh giá [H08.08.01.03].

2. Điểm mạnh:

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Trường xác định rõ ràng và áp dụng một cách phù hợp trong lĩnh vực đào tạo theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, và cũng đảm bảo để tuyển sinh đủ số lượng người học cho chuyên ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại:

Việc đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học hằng năm chưa được thực hiện lấy ý kiến rộng rãi trong các khoa đào tạo.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục làm tốt công tác tuyển sinh hàng năm theo đúng quy chế tuyển sinh với tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng và phù hợp với ngành đào tạo. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD, TTTS-QHDN. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Cần thu thập thông tin từ các bên liên quan để có cơ sở xác định các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học tốt hơn. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD, Phòng QLĐT. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả:

Chương trình học được phân bổ trong 8 học kỳ, trung bình mỗi học kỳ người học học 18 tín chỉ nhằm đảm bảo người có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng hạn. Khối lượng học tập và CDR của CTĐT được Trường quy định trong văn bản quy định và quyết định về CTĐT được phê duyệt, trong đó quy định rõ khối lượng học tập, cơ sở đánh giá người học [H05.05.02.01], [H01.01.01.02]. CSDL theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học được thông tin cho từng SV trên hệ thống UIS.

Trường có hệ thống giám sát về sự tiến bộ của người học trong học tập qua các kênh quản lý đào tạo và CVHT [H08.08.03.02], [H06.06.02.04]. Việc giám sát sự tiến

bộ của người học trong học tập được thực hiện sau mỗi học kỳ, phòng QLĐT sẽ tổng hợp dữ liệu và thông báo về khoa đào tạo và CVHT [H05.05.04.02].

Tất cả thông tin của người học về học tập và rèn luyện đều dễ dàng theo dõi tại mọi nơi, mọi thời điểm trên cổng quản lý đào tạo (<http://pdt.ufm.edu.vn/>), cổng thông tin học tập trực tuyến UIS, website phòng KT-QLCL, <http://uis.ufm.edu.vn> [H04.04.02.04], [H08.08.03.01-03].

Thông qua kết quả học tập, phòng QLĐT, Khoa QTKD và CVHT theo dõi quá trình học tập của SV, cảnh báo học vụ hàng kỳ để SV có kế hoạch học tập thích hợp, tránh được tình trạng bị buộc thôi học [H05.05.04.02]. SV có thành tích học tập và rèn luyện tốt sẽ được xét khen thưởng và cấp học bổng [H08.08.03.04]. Bên cạnh đó, CVHT có thể theo dõi KQHT và rèn luyện SV của lớp trên UIS mà Trường đã phân quyền cho mỗi CVHT tại <http://uis.ufm.edu.vn>. Để đảm bảo tiến độ học tập và KQHT, Trường thông báo lịch học tập cho SV đăng ký học phần theo từng học kỳ tại cổng UIS. Bên cạnh việc xét học bổng/cảnh báo học vụ hàng năm, phòng QLĐT và Khoa QTKD còn tiến hành xét và quyết định SV đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp [H05.05.02.01]. Cơ chế CVHT giám sát SV được Trường quy định nội dung trao đổi gặp mặt SV. Qua buổi họp lớp theo định kỳ, CVHT thực hiện các nhiệm vụ trong đó có công tác đánh giá việc rèn luyện của SV, và học tập của sinh viên [H06.06.02.04] [H08.08.03.05].

2. Điểm mạnh:

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá KQHT, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, CVHT theo dõi sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV.

3. Điểm tồn tại:

CVHT chưa sát sao trong việc theo dõi việc học tập của SV để giúp điều chỉnh kịp thời tình trạng học tập.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục hoàn thiện theo hướng cải tiến không ngừng và cập nhật các quy định của Bộ GD&ĐT đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế. Đơn vị

thực hiện: Phòng KT-QLCL, Phòng CTSV, Phòng QLĐT. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Tăng cường hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của người học. CVHT cần sát sao hơn nữa việc học tập của SV để can thiệp kịp thời giúp cải thiện KQHT. Đơn vị thực hiện: Phòng QLĐT, Khoa QTKD, CVHT. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả:

Khi SV trúng tuyển vào Trường, các kế hoạch tiếp nhận tân sinh viên sẽ được thực hiện [H08.08.04.01]. Ngoài phòng QLĐT, năm 2012 Trường lập Ban quản lý chương trình CLC, sau năm 2015 Ban quản lý chương trình CLC được giải thể và được thay thế bằng Bộ phận quản lý chương trình CLC thuộc quản lý của phòng QLĐT, nhằm tổ chức các hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ SV. Đồng thời Trường đưa ra quy chế công tác CVHT, mỗi lớp sẽ có 1 CVHT hỗ trợ và tư vấn học tập cho SV [H06.06.02.04].

Trường xác định SV học tập tại Trường không chỉ được hỗ trợ để học tập tốt mà cần rèn luyện tốt, NCKH và có nhiều khả năng tìm được việc làm phù hợp khi ra trường nên ngoài việc đào tạo không chỉ là hoạt động giảng dạy trên lớp mà cần hướng đến hướng dẫn SV NCKH, giám sát việc học tập và rèn luyện của SV. Để thực hiện các hoạt động trên, Trường và Khoa QTKD đã huy động toàn lực như các khối, các phòng ban, các đoàn thể tham gia vào công tác hỗ trợ. Các hoạt động được thực hiện gồm: tư vấn học tập và NCKH, CVHT, tham quan các DN, các CLB, NCKH SV, các cuộc thi học thuật [H08.08.04.02-06].

Trong quá trình học tập, SV được Khoa cung cấp thông tin đầy đủ về các mẫu báo cáo thực tập thực tế, khóa luận tốt nghiệp, hướng dẫn chọn đề tài và hỗ trợ tìm công ty thực tập. Trong hoạt động NCKH, làm khóa luận tốt nghiệp, sau khi SV đăng ký đề tài, lãnh đạo Khoa phân công giáo viên tư vấn, hướng dẫn SV thực hiện đề tài nghiên cứu, khóa luận. Hàng năm, Trung tâm TS&QHDN hợp tác với một số công ty có nhu cầu

nhân sự cùng tổ chức ngày hội việc làm, mời các tổ chức kinh tế, giới thiệu với SV những vị trí, cơ hội việc làm [H08.08.04.07]. Những hoạt động của nhà trường đã hỗ trợ SV tốt nghiệp có việc làm khá cao [H01.01.01.19].

Trường thực hiện khen thưởng thành tích học tập, xét miễn giảm học phí theo qui định với mục đích khuyến khích SV phấn đấu học tập và rèn luyện [H08.08.04.08]. Hằng năm, nhà trường cũng thực hiện khảo sát lấy ý kiến người học về chất lượng khoá học nhằm giúp nhà trường điều chỉnh các hoạt động để hỗ trợ người học được tốt hơn [H08.08.04.09] [H01.01.01.18].

2. Điểm mạnh:

Trường và Khoa QTKD đã có rất nhiều hoạt động tư vấn học tập thích hợp; kịp thời cũng như nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ tìm việc làm, tư vấn nâng cao thành tích học tập và tìm kiếm việc làm khi ra trường.

3. Điểm tồn tại:

Kết quả tư vấn và hỗ trợ chưa đạt được kỳ vọng điển hình là chưa có thành tích nổi bật của SV trong học tập, việc làm và NCKH. Tỷ lệ SV tự nguyện tham gia NCKH vẫn còn rất thấp.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục đa dạng hóa các hoạt động tư vấn và tiếp cận thực tế DN cho SV theo hướng đào tạo SV đáp ứng nhu cầu thị trường tuyển dụng hiện đại. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD, TTTS-QHDN. Thời gian: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Cần phát động phong trào NCKH SV, tổ chức các chương trình tham quan, và hợp tác với DN nhằm tạo cơ hội học tập thực tế và việc làm cho SV. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD, Phòng QLKH, TTTS-QHDN. Thời gian: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả:

Các tân SV được Trường chào đón bằng buổi buổi lễ long trọng nhằm tạo tâm lý tích cực cho các em SV hoà nhập vào môi trường học tập mới [H08.08.05.01]. Các buổi

sinh hoạt công dân đầu khoá sẽ giúp tân SV nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, và hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ và ý thức trách nhiệm của công dân [H04.04.01.03].

Cơ sở đào tạo của Trường bao gồm 6 cơ sở, trong đó trụ sở chính tại 2/4 Trần Xuân Soạn, quận 7 và cơ sở tại quận 9 có khu vực dành cho đào tạo, thư viện, thực hành, ký túc xá SV. Riêng tại cơ sở chính có khu vực dành cho BGH, khối hành chính, văn phòng khoa, phòng nghỉ GV, khu vực còn lại là KTX SV tạo được môi trường thuận tiện và thoải mái cho làm việc và học tập [H08.08.05.02].

Mặc dù có nhiều cơ sở đào tạo nhưng Trường luôn sắp xếp lịch học tập các lớp chương trình CLC được cố định tại một cơ sở nên tạo được sự an tâm cho người học chọn nơi ở và việc đi lại học tập [H08.08.05.03]. SV của Trường nói chung và SV CLC nói riêng luôn được bố trí phòng nghỉ trưa tại các phòng học nên tạo tâm lý thoải mái và đảm bảo sức khỏe cho SV học tập. Tất cả các cơ sở đào tạo đều có thư viện, internet tạo điều kiện thuận lợi cho SV tra cứu thông tin phục vụ học tập và nghiên cứu. Các phòng học chương trình CLC được trang bị máy lạnh và khuôn viên yên tĩnh và sạch sẽ nên tạo môi trường thoải mái cho việc học tập. Tại điểm học có bộ phận quản lý chương trình CLC, đại diện phòng công tác SV, ngoài ra còn có CVHT, vì vậy tạo cảm giác an tâm cho SV vì luôn có lực lượng này hỗ trợ và tư vấn.

Công tác phòng chống cháy nổ được Trường quan tâm, trang bị hệ thống báo cháy, chữa cháy; hàng năm tập huấn phòng chống cháy nổ cho SV [H08.08.05.04].

Phòng y tế luôn túc trực tại các điểm học ở cơ sở 1 (quận 7), cơ sở 2 (quận Tân Bình) và quận 9 để hỗ trợ y tế cho người học [H08.08.05.05].

Trường có qui định văn hóa công sở như quy định trang phục, thẻ đeo của SV và cán bộ GV; quy định ứng xử giữa GV và SV nhằm tạo ra sự trật tự, kỷ cương học đường [H08.08.05.06-07].

Hoạt động đoàn hội: mùa hè xanh, hoạt động giúp đỡ cộng đồng, hiến máu, phong trào thể thao; văn nghệ,... giúp sinh viên giao lưu học tập và nâng cao kỹ năng sống.

Nhà trường luôn quan tâm đến cảm nhận của SV về môi trường, cảnh quan của Trường nên mỗi năm đều tổ chức khảo sát lấy ý kiến sinh viên, hoặc thu thập ý kiến

thông qua hội nghị sinh viên [H08.08.04.09] [H01.01.02.06] tạo cho người học cảm thấy thoải mái, được quan tâm và hứng thú khi học tập và nghiên cứu tại Trường.

2. Điểm mạnh:

Người học được học tập và NCKH trong môi trường thuận lợi về địa điểm, cơ sở vật chất và đảm bảo an toàn như y tế, an ninh.

3. Điểm tồn tại:

Cơ sở đào tạo tại 2C Phổ Quang có những hạn chế như: diện tích sân chơi cho SV còn ít, ½ khuôn viên trường không có hàng rào tách biệt với bên ngoài gây khó khăn cho việc kiểm soát an ninh Trường.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục duy trì những điểm mạnh về điều kiện CSVC phục vụ học tập và nghiên cứu của SV, tiếp tục quan tâm đến ý kiến đóng góp của sinh viên để hoàn thiện các hoạt động hỗ trợ sinh viên. Đơn vị thực hiện: Phòng KT-QLCL, Phòng QTTB, Phòng QLĐT, Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019..

- **Khắc phục tồn tại:** Tăng cường lực lượng kiểm soát an ninh tại các cơ sở, đặc biệt vào giờ cao điểm học tập của Trường, đồng thời tái cấu trúc tòa nhà để tăng thêm không gian mở cho SV nhằm tạo nhiều không gian giao lưu và trao đổi học tập, NCKH. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC, Phòng QTTB. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

Điểm mạnh nổi bật: Chính sách tuyển sinh có tính lượng hóa giúp cho Khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp; chính sách tuyển sinh còn được công khai và cập nhật thường xuyên từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay từ năm thứ nhất. Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá KQHT, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, CVHT nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Điểm tồn tại cơ bản: Mặc dầu Trường đã cố gắng khắc phục những hạn chế do diện tích của một số cơ sở khá nhỏ nên có những hạn chế như: không có sân chơi cho

SV, ½ khuôn viên trường không có hàng rào tách biệt với bên ngoài gây khó khăn cho việc kiểm soát an ninh Trường.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 8:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 8		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 8.1						x		4,60	5	100%
Tiêu chí 8.2					x					
Tiêu chí 8.3				x						
Tiêu chí 8.4				x						
Tiêu chí 8.5				x						

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu:

Trường ĐHTCM đã đầu tư xây dựng được hệ thống CSVC, trang thiết bị tương đối khá tốt, sử dụng có hiệu quả, phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu bao gồm: (1) Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp; (2) Hệ thống thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật; (3) Hệ thống phòng thực hành và trang thiết bị phù hợp và sử dụng hiệu quả; (4) Hệ thống công nghệ thông tin ngày càng được nâng cấp; (5) Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai hợp lý. Qua đó, tạo điều kiện cho Trường và Khoa QTKD luôn đảm bảo các mục tiêu đề ra và ngày càng phát triển.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả:

Trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng khang trang, được bố trí sắp xếp phù hợp tại các cơ sở đào tạo của Trường [H09.09.01.01]; Tất cả các phòng học phục vụ cho CTĐT CLC đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị như: máy lạnh, bàn ghế, bảng, bút lông (phấn), hệ thống âm thanh, ánh sáng, micrô không dây, máy chiếu được lắp đặt cố định trong các phòng học tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy và học và NCKH [H09.09.01.02].

Các cơ sở đào tạo của Trường được theo dõi tình trạng sử dụng CSVC, trang thiết bị một cách chặt chẽ [H09.09.01.03]. Định kỳ, hàng năm Trường luôn tổ chức kiểm kê tài sản theo đúng chế độ quy định [H09.09.01.02].

Hàng năm, Trường đều có kế hoạch mua mới và nâng cấp CSVC, trang thiết bị cho phù hợp với từng giai đoạn với ngân sách hợp lý [H09.09.01.04-05].

Theo ý kiến phản hồi của người học thì hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Khoa QTKD và Trường được trang bị đầy đủ và bố trí hợp lý [H01.01.01.18].

2. Điểm mạnh:

Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng, cùng các trang thiết bị tân tiến, hiện đại phù hợp để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại:

Ngân sách của Trường dành cho đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị mặc dù được Trường quan tâm nhưng chưa cao.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản. Đơn vị thực hiện: Phòng QTTB. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Cần tăng ngân sách của Trường cho đầu tư CSVC và trang thiết bị. Đơn vị thực hiện: Phòng KH-TC, Phòng QTTB. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả:

Hiện nay, Trường có hệ thống thư viện được sắp xếp, bố trí hợp lý phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu tại 03 cơ sở đào tạo của Trường (quận 7, quận 9, 2C Phổ Quang), đồng thời thư viện cũng chia sẻ tài liệu để thành lập tủ sách của Khoa, tạo điều kiện thuận lợi cho GV và SV tiếp cận các nguồn học liệu [H09.09.02.01].

Tại các thư viện có tương đối đầy đủ danh mục sách, giáo trình, tài liệu, học liệu phục vụ cho chuyên ngành QTKDTH CLC của Khoa QTKD. Tính đến tháng 5/2018, tài liệu phục vụ cho chuyên ngành QTKDTH là 2156 tựa sách/4908 bản và 890 tài liệu số, cùng với đầy đủ các tài liệu phục vụ cho khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành. Ngoài ra, thư viện có hệ thống cơ sở dữ liệu Proquest, cơ sở dữ liệu bài trích báo - tạp chí, nhiều đĩa CD, DVD và một số ebooks thuê quyền truy cập từ nhà xuất bản Tổng hợp và bộ sưu tập số các tài liệu chuyên ngành do thư viện xây dựng [H09.09.02.02].

Thư viện cũng lưu trữ rất đầy đủ hệ thống đề cương chi tiết các học phần của chuyên ngành QTKDTH CLC [H01.01.01.09]. Nhằm quản lý thư viện hiệu quả, Trường đã xây dựng: Hệ thống hướng dẫn, quy định của thư viện; hệ thống theo dõi việc sử dụng tài liệu của thư viện một cách khoa học và hợp lý [H09.09.02.03].

Hàng năm, Trường đều có các văn bản đề xuất nhu cầu, các kế hoạch, dự toán, hóa đơn, thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện (sách, báo, tạp chí, tài liệu) đến các đơn vị thuộc Trường [H09.09.02.04]. Theo ý kiến phản hồi của SV, cán bộ, GV thì về các nguồn học liệu và chất lượng phục vụ của thư viện tương đối tốt [H09.09.02.05].

2. Điểm mạnh:

CSVC, trang thiết bị (diện tích phòng đọc, môi trường) của thư viện đáp ứng tốt cho nhu cầu người đọc. Tài liệu, thông tin đầy đủ, phù hợp và có tính cập nhật. Quy trình phục vụ của thư viện dễ hiểu, thuận tiện. NV và cán bộ thư viện nghiêm túc và nhiệt tình.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng máy tính và diện tích phòng đọc phục vụ tại thư viện còn khiêm tốn. Tốc độ truy cập internet tại thư viện còn chậm. Các tài liệu ngoại văn phục vụ cho chuyên ngành QTKDTH CLC còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục nâng cao tinh thần, thái độ và trách nhiệm của NV, cán bộ thư viện. Đơn vị thực hiện: Thư viện và người đọc. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Bổ sung thêm nguồn sách được cập nhật mới trong nước và nguồn sách ngoại văn bám sát nội dung giảng dạy của Khoa, chuyên ngành QTKDTH CLC. Trang bị thêm máy tính mới và mở rộng diện tích phòng đọc, cải thiện hệ thống Internet nhằm phục vụ có hiệu quả hơn. Đơn vị thực hiện: Thư viện, Phòng QTTB, Trung tâm TT&QLDL, Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả:

Trường có hệ thống phòng thực hành máy tính đặt tại các cơ sở đào tạo được bố trí, sắp xếp phù hợp, thuận lợi cho SV thực hành và nghiên cứu tương đối đầy đủ [H09.09.03.01] và được trang bị tương đối đầy đủ các trang thiết bị [H09.09.03.02]. Nhà trường có ban hành quy định về phòng thực hành máy tính [H09.09.03.03]. Hàng năm, Trường đều có kế hoạch đầu tư, mua sắm, bảo hành bảo dưỡng trang thiết bị [H09.09.03.04-05]. Theo ý kiến phản hồi của người học về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của phòng thực hành và các trang thiết bị là tương đối tốt [H01.01.01.18].

2. Điểm mạnh:

Phòng thực hành của Trường luôn được sự quan tâm đầu tư thiết bị mới, hiện đại, được nối mạng nội bộ và nối mạng Internet phục vụ tốt cho công tác đào tạo và nghiên cứu. Trang thiết bị do Trường đầu tư đa số hiện đại, đạt chất lượng và hỗ trợ có hiệu quả cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy.

3. Điểm tồn tại:

Hiện tại, SV CTĐT CLC chuyên ngành QTKDTH đang sử dụng chung phòng thực hành với các SV thuộc chuyên ngành khác. Chưa có các phòng mô phỏng giả lập, thực hành riêng cho SV CTĐT CLC chuyên ngành QTKDTH.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống phòng thực hành và trang thiết bị liên quan. Đơn vị thực hiện: Trung tâm TT&QLDL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Xây dựng phòng thực hành giả lập, mô phỏng (có phần mềm thực hành) riêng cho SV chuyên ngành QTKDTH CLC. Đơn vị thực hiện: Phòng KH-TC, Phòng QTTB, Trung tâm TT&QLDL, Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả:

Trường đã đầu tư trang bị hệ thống CNTT như máy tính, mạng internet, hệ thống phần mềm, máy in... đảm bảo phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hiện nay, số lượng máy tính của toàn trường là 1.269 máy. Cán bộ quản lý, NV phòng ban, khoa đều được trang bị máy vi tính, máy in cố định. Máy vi tính dành cho giảng dạy, học tập được lắp đặt tại phòng thực hành máy tính, thư viện, văn phòng Khoa. Tất cả máy tính của trường đều được kết nối internet và ở tất cả cơ sở của trường đều có hệ thống mạng wifi phục vụ cho việc dạy, việc học và việc NCKH [H9.09.04.01].

Trường cũng có khá đầy đủ các văn bản đề xuất nhu cầu, hóa đơn thanh quyết toán, biên bản nghiệm thu và bàn giao các khoản đầu tư cho hệ thống CNTT [H09.09.04.02]. Theo ý kiến phản hồi của người học về mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của hệ thống CNTT là khá tốt [H01.01.01.18].

2. Điểm mạnh:

Trường đã mua bản quyền phần mềm Office 365 sử dụng trong toàn Trường. Mỗi cán bộ viên chức và GV đều có tài khoản để đăng nhập vào hệ thống nội bộ UIS của trường tạo sự thuận tiện nhất cho việc truy cập hệ thống thông tin.

3. Điểm tồn tại:

Hệ thống CNTT phục vụ học tập trực tuyến chưa được áp dụng. Chất lượng mạng wifi còn chưa đủ mạnh dẫn đến nghẽn cục bộ nhất là thời điểm SV đăng ký học phần.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống CNTT. Đơn vị thực hiện: Trung tâm TT&QLDL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Nâng cấp hệ thống wifi, tăng cường một số phần mềm để phục vụ đào tạo trực tuyến. Đơn vị thực hiện: Trung tâm TT&QLDL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả:

Trường luôn triển khai, chấp hành nghiêm túc các văn bản, chính sách quy định, hướng dẫn về môi trường, an toàn, sức khỏe của các Bộ, ngành liên quan và đồng thời chủ động ban hành riêng các văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn cho phù hợp với điều kiện của mình [H09.09.05.01-02].

Trường bố trí lực lượng bảo vệ thường trực tại tất cả các cơ sở, có nhiệm vụ tiến hành các hoạt động hợp pháp để phát hiện, ngăn chặn mọi hành vi xâm phạm, phá rối xung quanh trường, hướng dẫn khách và các phương tiện lưu thông ra vào Trường, phát hiện và xử lý bước đầu khi có sự cố cháy nổ xảy ra. Tất cả các cơ sở học của Trường đều được trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn, PCCC đảm bảo tiêu chuẩn và được bảo dưỡng thường xuyên. Mỗi cơ sở đào tạo đều thành lập đội PCCC có phương án chữa cháy tại chỗ; đồng thời tại các cơ sở đều bố trí ít nhất 4 bình PCCC tại mỗi tầng lầu, có hệ thống đèn dẫn, lối đi thoát hiểm để khi có sự cố xảy ra tất cả các phòng, khoa đều kịp thời ứng cứu [H9.09.05.02].

Định kỳ, Trường đều tổ chức các buổi tập huấn, diễn tập với các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn một cách nghiêm túc đến toàn thể CBVC [H08.08.05.04]. Tại cơ sở chính 2/4 Trần Xuân Soạn và 2C Phổ quang có hệ thống thang máy, tạo thuận lợi cho người học là người khuyết tật di chuyển. Trường có phòng Y tế riêng, đáp ứng được nhu cầu trợ giúp kịp thời của SV khi gặp vấn đề về sức khỏe. Phòng Y tế được bố trí tại tầng trệt ở các cơ sở của Trường, tạo thuận lợi cho người khuyết tật

trong việc liên hệ các vấn đề sức khỏe. Đồng thời, có các báo cáo tổng kết, sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn [H09.09.05.03]. Trường cũng có lấy ý kiến phản hồi của người học về môi trường, sức khỏe và an toàn (đặc biệt các phản hồi từ người học khuyết tật) [H01.01.01.18].

2. Điểm mạnh:

Trường quan tâm tốt công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ viên chức, GV và SV; có bộ phận y tế phục vụ tốt nhu cầu sức khỏe cho CB-VC và SV. Trong thiết kế và vận hành có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

3. Điểm tồn tại:

Phòng học tại Trường chưa bố trí chỗ ngồi học dành riêng cho người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Đẩy mạnh hơn nữa công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn. Đơn vị thực hiện: Phòng TC-HC, Y tế, QTTB. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Thiết kế, làm thêm chỗ ngồi học dành riêng cho người khuyết tật cho phù hợp. Đơn vị thực hiện: Phòng QTTB. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

Điểm mạnh nổi bật: Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng phù hợp với các trang thiết bị hiện đại; hệ thống thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật; hệ thống phòng thực hành và trang thiết bị phù hợp và sử dụng hiệu quả; hệ thống CNTT ngày càng được nâng cấp; các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai hợp lý.

Điểm tồn tại cơ bản: Số lượng máy tính và diện tích phòng đọc phục vụ tại thư viện còn khiêm tốn; các tài liệu ngoại văn phục vụ cho chuyên ngành QTKDTH CLC còn hạn chế; chưa có phòng thực hành giả lập, mô phỏng dành riêng cho các học phần chuyên ngành của chuyên ngành QTKDTH CLC.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 9:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 9		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 9.1					x			4,20	5	100%
Tiêu chí 9.2				x						
Tiêu chí 9.3				x						
Tiêu chí 9.4				x						
Tiêu chí 9.5				x						

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu:

Triển khai đào tạo chuyên ngành QTKDTH CLC từ 2012, Khoa QTKD đã không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo đối với chuyên ngành này. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) giúp Khoa có cơ sở thiết kế và phát triển CTDH hiệu quả. Hoạt động này được thực hiện định kỳ hằng năm và luôn được đánh giá và cải tiến trong quá trình thực hiện. Trong quá trình triển khai giảng dạy, học tập, các kết quả từ việc dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan thúc đẩy việc cải tiến chất lượng đào tạo.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả:

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH một cách có hệ thống và đảm bảo tính khoa học. Tính hệ thống được thể hiện dựa trên quyết định và quy định tạm thời về công tác khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan của trường và kế hoạch triển khai thu thập ý kiến phản hồi các bên liên quan [H10.10.01.01]. Trong quy định nêu rõ mục tiêu của việc khảo sát, đối tượng, nội dung, quy trình và trách nhiệm của các bộ phận phòng ban, khoa có liên quan. Theo quy trình khảo sát, hằng năm Phòng KT - QLCL xây dựng kế hoạch và tổ chức thu thập ý kiến của các bên liên quan dựa trên bảng khảo sát đã được lãnh đạo trường thông qua kèm theo kế hoạch khảo sát [H06.06.01.16]. Ngoài ra, dựa trên quyết định của trường về việc thành lập tổ soạn thảo CTĐT trình độ đại học thuộc các khoa chuyên môn thuộc trường, khoa thành lập các tiểu ban khảo sát, thiết kế và xây dựng CTDH [H01.01.01.11], [H01.01.01.13-16]. Dựa trên kết quả khảo sát nhu cầu và ý kiến của các bên liên quan cùng với kết quả so sánh CTDH các trường trong và ngoài nước khoa tiến hành thiết kế, điều chỉnh CTDH và trình lên BGH thẩm định và thông qua [H01.01.01.12].

2. Điểm mạnh:

Việc xây dựng và cải tiến CTDH được thực hiện có từ các văn bản chỉ đạo cấp trường đến các kế hoạch hành động của khoa. Hoạt động này được thực hiện thường xuyên theo từng năm và có kế hoạch rõ ràng. Thông tin phản hồi từ các bên liên quan được thu thập một cách khoa học và đảm bảo độ tin cậy cao. Thông tin phản hồi từ các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để điều chỉnh CTDH và có tham khảo CTDH của các trường ĐH trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại:

Hệ thống cơ sở dữ liệu về các bên liên quan còn ít và chưa được cập nhật thường xuyên bài bản nên việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi chưa bao quát và rộng khắp.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** tiếp tục thực hiện khảo sát các bên liên quan về CTĐT theo kế hoạch hằng năm của khoa, dựa trên bảng khảo sát các bên liên quan đã được kiểm định; Khoa QTKD tiếp tục sử dụng phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để điều chỉnh CTDH ngày càng phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và xu hướng của thời đại. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD, Phòng KT-QLCL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

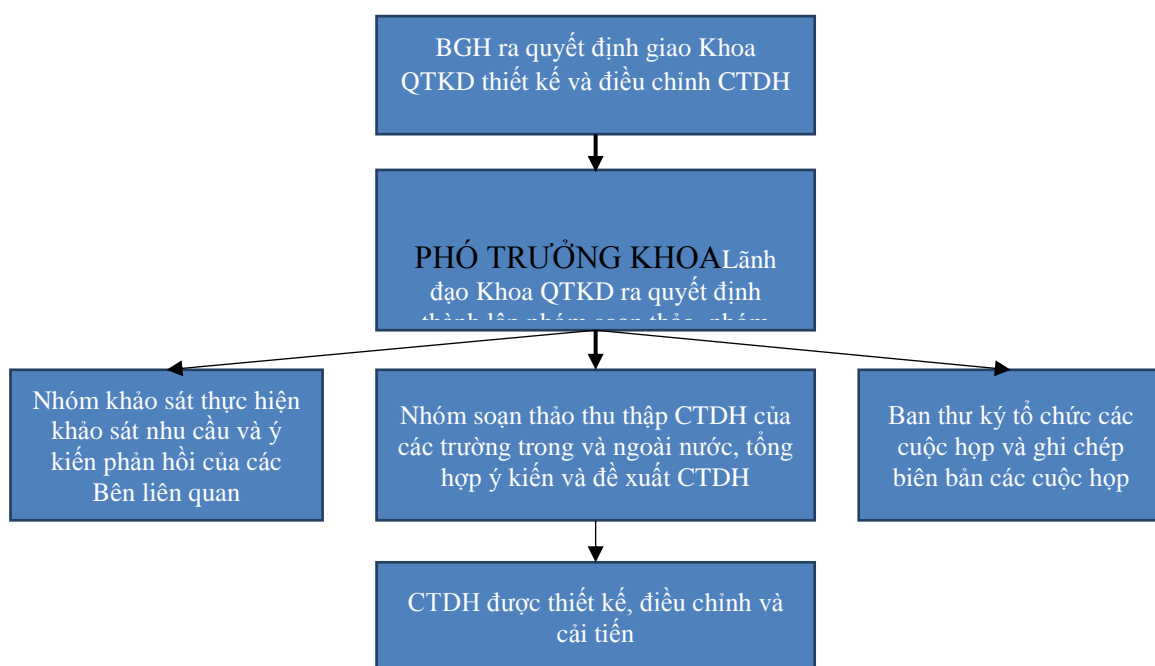
- **Khắc phục tồn tại:** Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về các bên liên quan bao gồm các thông tin như: Họ và tên, đơn vị công tác, thông tin liên lạc, và cập nhật hàng năm để khi cần thiết khoa dựa vào cơ sở dữ liệu này tiến hành khảo sát sẽ nhanh chóng và đầy đủ hơn. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả:

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan và đúng quy định. Việc đánh giá và cải tiến CTDH được thực hiện hằng năm theo một quy trình thống nhất đã được góp ý từ các bên liên quan như sau:



Hình 10.1: Quy trình thiết kế và phát triển CTDH Khoa QTKD

Năm 2011, Bộ GD&ĐT ban hành công văn 5746/BGDĐT-GD&ĐT hướng dẫn tuyển sinh CTĐT CLC, tuy nhiên không hướng dẫn cụ thể về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT. Chính vì vậy, khi Trường ĐHTCM bắt tay vào xây dựng các CTĐT CLC (năm 2012) cũng như trong lần điều chỉnh thứ nhất (năm 2013) thì đều thiết kế và điều chỉnh theo qui trình và các qui định từ Phòng QLKH, Phòng QLĐT của Trường [H01.01.01.08].

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được thể hiện thông qua các văn bản từ trường như quyết định thành lập các nhóm soạn thảo CTĐT thuộc các khoa chuyên ngành, hướng dẫn xây dựng CTĐT...[H01.01.01.08], [H01.01.01.11], Dựa trên các văn bản của trường, khoa thành lập các tiểu ban soạn thảo thiết kế CTDH, tiểu ban khảo sát các bên liên quan và ban thư ký là các GV trong Khoa [H01.01.01.11]. Nhiệm vụ của nhóm soạn thảo là tổng hợp ý kiến của các bên liên quan, CTDH trong và ngoài nước để đề xuất CTDH và cải tiến CTDH [H01.01.01.13-15]. Nhiệm vụ của nhóm khảo sát là thực hiện khảo sát nhu cầu của các bên liên quan làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH [H01.01.01.16]. Ban thư ký chịu trách nhiệm tổ chức các cuộc họp và ghi biên bản [H01.01.01.12]. Dựa trên ý kiến góp ý và phản hồi của các bên liên quan cùng với việc tham khảo CTDH của các trường trong và ngoài nước qua các năm, từ đó nhóm soạn thảo thiết kế CTDH trình lãnh đạo khoa, nội dung CTDH tiếp tục được trao đổi góp ý và đồng thuận của HĐKH Khoa. Sau cùng, lãnh đạo Khoa trình BGH để ra quyết định thông qua CTDH đã được thiết kế và điều chỉnh [H01.01.01.01-02], [H01.01.02.01-02].

Năm 2016, Trường đã tổ chức các Hội nghị tổng kết nhằm đánh giá Công tác tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ và đào tạo chương trình CLC của toàn trường, trong đó trình bày thực trạng, đánh giá và đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo theo học chế tín chỉ, CLC [H01.01.01.12], [H05.05.02.01]. Bên cạnh việc rà soát sửa đổi CTĐT, thì đề cương, bài giảng của các học phần cũng được điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật và biên soạn mới [H02.02.02.01-02].

Như vậy, việc thiết kế và phát triển CTĐT và CTDH của Khoa QTKD thuộc chương trình CLC chuyên ngành QTKDTH được thiết lập, đánh giá và cải tiến dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHTCM.

2. Điểm mạnh:

Khoa có quy trình thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH một cách bài bản, khoa học và được lấy ý kiến góp ý từ các bên liên quan. Các ý kiến góp ý có sự tham gia đồng đạo của các chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý các cấp, GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại:

Quy trình thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH còn mang tính thủ công chưa được cải tiến theo xu hướng công nghệ 4.0 (sử dụng mạng internet để trao đổi thông tin và thu thập ý kiến).

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển CTĐT định kỳ hàng năm. Đơn vị thực hiện: Phòng QLKH, Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Tập trung cải tiến quy trình thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH theo xu hướng công nghệ 4.0 (sử dụng mạng internet để trao đổi thông tin và thu thập ý kiến của các bên liên quan). Đơn vị thực hiện: Phòng QLKH, Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá Kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả:

Việc rà soát và đánh giá quá trình dạy và học cũng như việc đánh giá KQHT của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR được thực hiện thường xuyên và có kế hoạch rõ ràng. Việc đánh giá quá trình dạy và học được thực hiện hằng năm dựa trên kế hoạch dự giờ GV [H06.06.04.02]. Việc đánh giá KQHT của SV được thực hiện sau mỗi học kỳ theo kế hoạch tổ chức thi kết thúc học phần do phòng QLĐT tổ chức [H05.05.03.01-03]. Kết thúc mỗi học kỳ, phòng KT-QLCL, phòng QLĐT phối hợp với Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động kiểm tra đánh giá theo CDR. 100% các học phần trong CTĐT đều được lấy ý kiến [H05.05.03.04].

Mỗi học kỳ, Khoa tổ chức 1 cuộc họp giữa Ban chủ nhiệm Khoa, CVHT và các cán bộ lớp, Đoàn Thanh niên, Hội SV và người sử dụng lao động nhằm mục đích lấy ý kiến về hoạt động dạy và học cũng như công tác đào tạo, kiểm tra, thi cử, đánh giá so với CDR đã công bố [H08.08.04.02].

Dựa trên kết quả dự giờ GV, kết quả khảo sát SV về hoạt động giảng dạy và đánh giá theo CĐR và ý kiến của các bên liên quan, Khoa tiến hành rà soát, đánh giá và điều chỉnh về các hoạt động dạy và học cũng như việc đánh giá KQHT của SV để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H01.01.03.01].

2. Điểm mạnh:

Quy trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên, có kế hoạch rõ ràng, được thực hiện đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR đã công bố.

3. Điểm tồn tại:

Việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR chưa được thực hiện cho tất cả các học phần mà khoa không quản lý (ví dụ: lý luận chính trị, giáo dục thể chất, ngoại ngữ, tin học).

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện hoạt động đánh giá KQHT của SV đa dạng và linh hoạt hơn nữa nhằm bao quát và đảm bảo tính chuẩn xác trong quá trình đánh giá. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Tiến hành rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của SV đối với tất cả các học phần trong CTDH để đảm bảo tương thích và phù hợp với CĐR. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả:

Trường và Khoa rất quan tâm đến việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học thông qua việc biên soạn và chỉnh sửa tái bản giáo trình, tài liệu tham khảo của GV. Hằng năm Phòng QLKH của trường đều có thông báo đến các khoa và GV về việc đăng ký biên soạn, chỉnh sửa tái bản giáo trình, tài liệu tham khảo và đăng ký đề tài NCKH, sáng kiến, kinh nghiệm cấp cơ sở. Khoa luôn đôn đốc, khuyến khích các GV tham gia thông qua các buổi họp chuyên môn của khoa. Kết quả mỗi năm

đều có những giáo trình, tài liệu tham khảo mới được biên soạn hoặc được chỉnh sửa để tái bản [H06.06.07.02]. Ngoài ra 3 bộ môn của khoa gồm: QTKD TH, Quản trị bán hàng, Quản trị cơ sở mỗi năm đều tổ chức hội thảo khoa học theo chuyên môn đảm trách của từng Bộ môn [H04.04.01.02] [H04.04.02.02]. Các bài viết tham gia hội thảo là những công trình nghiên cứu của GV và SV nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng dạy và học theo từng chuyên ngành.

2. Điểm mạnh:

Khoa QTKD rất quan tâm đến việc nghiên cứu cải tiến việc dạy và học thông qua các hoạt động NCKH của GV và SV. Nhiều giáo trình, bài giảng, ngân hàng câu hỏi, sách tham khảo và các bài tham luận hội thảo được sử dụng nhằm cải tiến và nâng cao quá trình dạy và học của khoa.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù khoa rất quan tâm đến việc nghiên cứu cải tiến việc dạy và học, nhiều giáo trình, tài liệu tham khảo đã được phát hành. Tuy nhiên, những nghiên cứu về cải tiến việc dạy và học vẫn chưa nhiều và việc ứng dụng những nghiên cứu khoa học vào cải tiến việc dạy và học vẫn còn hạn chế, do các thủ tục về hành chính hoặc phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách của trường.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục khuyến khích GV tham gia NCKH phục vụ hiệu quả việc dạy và học bằng các chính sách ghi nhận nỗ lực, đề xuất các danh hiệu thi đua vào cuối năm, giảm các nhiệm vụ hành chính (nếu có) để GV tập trung thời gian vào nghiên cứu và ứng dụng. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Đề xuất trình lên BGH cho triển khai những đề tài NCKH về cải tiến việc dạy và học đã được nghiệm thu để trường đưa vào kế hoạch hành động cho những năm tiếp theo. Khuyến khích các GV đăng ký các đề tài cải tiến việc dạy và học. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả:

Chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến thường xuyên, bài bản có kế hoạch rõ ràng.

Hàng năm Trường đều có kế hoạch tổ chức khảo sát ý kiến người học về hiệu quả hoạt động quản lý, phục vụ đào tạo tại thư viện, có quyết định thành lập Ban chỉ đạo và các nhóm tiến hành khảo sát. Việc khảo sát được thực hiện thông qua bảng câu hỏi đã được đánh giá về độ tin cậy và tính khoa học [H09.09.02.05]. Bên cạnh đó Trường cũng có kế hoạch và quyết định thành lập Ban chỉ đạo, các nhóm thực hiện khảo sát ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV có nội dung về tính hữu ích và cập nhật của danh mục tài liệu học tập [H05.05.03.04].

Kết quả khảo sát về hiệu quả hoạt động của thư viện được Trường sử dụng làm cơ sở để tiến hành cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện. Ngoài ra, đối với SV năm cuối sắp tốt nghiệp trường cũng có kế hoạch tổ chức khảo sát về chất lượng khóa học [H10.10.05.01].

Hàng năm, Trường có thành lập tổ kiểm kê tài sản cố định đến các đơn vị trong trường để kiểm tra đánh giá chất lượng của trang thiết bị, những thiết bị cũ, hư hỏng nhiều sẽ được thanh lý và thay thế trang thiết bị mới [H09.09.01.02] [H09.09.01.04].

2. Điểm mạnh:

Trường có kế hoạch và có quyết định thành lập Ban chỉ đạo, các nhóm thực hiện khảo sát ý kiến người học về chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, hệ thống trang thiết bị, phòng học hoạt động giảng dạy của GV và các dịch vụ hỗ trợ khác. Có kế hoạch thanh lý và thay thế thiết bị mới được thực hiện định kỳ hàng năm.

3. Điểm tồn tại:

Tài liệu tham khảo tại thư viện vẫn chưa đủ đáp ứng nhu cầu của SV do số lượng trên mỗi đầu sách chưa nhiều. Hệ thống wifi tại các cơ sở chưa đủ mạnh thường xuyên bị nghẽn và tốc độ chậm.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Trường tiếp tục hoạt động cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và các tiện ích. Chuyên môn hóa hơn nữa bộ phận chuyên trách về công tác CSVC luôn hỗ trợ kịp thời các sự cố diễn ra tại lớp học. Đơn vị thực hiện: Thư viện, Phòng QTTB, Phòng KT-QLCL. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Thư viện bổ sung thêm số lượng trên mỗi đầu sách để có thể phục vụ được nhiều SV hơn. Trường đầu tư nâng cấp hệ thống wifi tại các cơ sở để đảm bảo việc truy cập tìm kiếm thông tin phục vụ dạy và học tốt hơn. Đơn vị thực hiện: Thư viện, Phòng QTTB. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả:

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống từ cấp trường đến các khoa, thông qua quy định tạm thời về khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.01] và quyết định ban hành quy định tạm thời về khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.02]. Trong quy định tạm thời này quy định rất rõ về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị/bộ phận thu thập thông tin, quy trình công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan. Ngoài ra, Trường cũng ra quyết định ban hành quy định tạm thời về hoạt động đảm bảo chất lượng [H10.10.06.03]. Trong quy định tạm thời về đảm bảo chất lượng, Trường cũng quy định rất rõ về phạm vi và đối tượng áp dụng, nguyên tắc và phương pháp tự đánh giá, các hoạt động sau khi tự đánh giá, trách nhiệm của các đơn vị có liên quan, quy trình tự đánh giá và các điều khoản thi hành. Trong các văn bản trên đều thể hiện cơ chế tập trung vào Ban chỉ đạo chuyên trách và cơ chế phân quyền giao cho các khoa và phòng ban chức năng triển khai thực hiện. Điều này cho thấy Trường có cơ chế đánh giá và cải tiến một cách bài bản và khoa học.

2. Điểm mạnh:

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được tổ chức có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến thường xuyên, bài bản và khoa học.

3. Điểm tồn tại:

Cơ sở dữ liệu về các bên liên quan chưa nhiều và cập nhật thường xuyên để có thể tiến hành khảo sát nhanh hơn và hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục giám sát việc thực hiện cơ chế, quy trình phản hồi của các bên liên quan. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Khoa nên phối hợp với Phòng CTSV, Phòng QLĐT và Trung tâm TS&QHĐN để cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu về các bên liên quan ít nhất mỗi năm 1 lần. Khoa nên chủ động xây dựng phần mềm quản lý thông tin của các bên liên quan để thuận tiện cho việc liên lạc và thu thập ý kiến cũng như liên kết, hợp tác trong các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo của trường. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Khoa QTKD đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Việc thiết kế CTĐT được tuân thủ theo đúng quy trình. CTĐT được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ GD&ĐT, được Hội đồng Khoa học của Trường, Khoa, GV, chuyên gia giàu kinh nghiệm tham gia góp ý hoàn chỉnh từng bước và có tính khoa học. Bên cạnh đó, CTĐT được cải tiến thường xuyên để phù hợp với nhu cầu của xã hội, đáp ứng tính năng động và sáng tạo của SV. Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của ĐHTCM và những quy định của Trường. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích nhìn chung đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt chất lượng tốt. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Điểm mạnh nổi bật:

- Khoa QTKD đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, việc thiết kế CTĐT được tuân thủ theo đúng quy trình

chuẩn của Bộ GD&ĐT có vận dụng phù hợp tại Khoa và Trường đảm bảo tính trung thực, khách quan.

- Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của Trường và những quy định của Bộ GD&ĐT đảm bảo đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của người học ở từng học phần theo CDR.

- Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, nhìn chung, đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt chất lượng tốt. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Điểm tồn tại cơ bản:

- Việc lấy thông tin phản hồi từ các bên liên quan, trong đó có các GV về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ còn khó khăn và chưa đầy đủ.

- Việc thực hiện các đề tài khoa học lớn gắn với việc cải tiến CTĐT và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác đào tạo chưa nhiều.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 10:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 11		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 10.1				x				4,16	6	100%
Tiêu chí 10.2				x						
Tiêu chí 10.3					x					
Tiêu chí 10.4				x						
Tiêu chí 10.5				x						

Tiêu chí 10.6				x					
---------------	--	--	--	---	--	--	--	--	--

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu:

Nhằm đảm bảo chất lượng và chuẩn đầu ra, việc định kỳ đánh giá kết quả đầu ra được xem là một trong số những cách thức quan trọng của Khoa QTKD và Trường nhằm thực hiện nhiệm vụ nêu trên. Những vấn đề mà Khoa và Trường quan tâm khi tiến hành đánh giá về kết quả đầu ra bao gồm: tỉ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp, nghiên cứu khoa học của sinh viên và mức độ hài lòng của các bên liên quan.

Tiêu chí 11.1: Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả:

Theo quy trình quản lý và giải quyết công việc của các đơn vị, phòng QLĐT được Trường giao nhiệm vụ theo dõi và giám sát tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp [H11.11.01.01]. Theo đó, Trường/Khoa tiến hành thực hiện việc thống kê các thông tin về tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp để từ đó làm cơ sở đánh giá hay đối sánh nhằm tiến tới cải tiến chất lượng đào tạo. Thống kê về các thông số nêu trên được Khoa QTKD thực hiện và được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 11.1 Bảng thống kê tỷ lệ SV nhập học và tốt nghiệp năm 2014-2018

Năm	Số SV nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỷ lệ
2012	67		
2013	48		
2014	67		
2015	43		
2016	37	34	50.74%

2017	59	26	54.16%
2018	114	38	56.71%

Với số liệu ở bảng trên, có thể thấy tỷ lệ tốt nghiệp các năm 2016 là 50.74% so với số SV trúng tuyển và nhập học năm 2012. Năm 2017 tỷ lệ tốt nghiệp là 54.16% so với số SV trúng tuyển và nhập học năm 2013 và năm 2018 tỷ lệ tốt nghiệp là 56.71% so với sinh viên nhập học năm 2014. Qua bảng dữ liệu trên, có thể thấy tỷ lệ tốt nghiệp tăng dần qua các năm, năm sau cao hơn năm trước. Và cũng từ đây, có thể khẳng định các thông số như tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp của SV chuyên ngành QTKDTH CLC đã được xác lập và giám sát chặt chẽ.

Cùng với phòng QLĐT, Khoa QTKD, CVHT luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV. CVHT tổ chức họp lớp định kỳ theo qui định 2 lần mỗi học kỳ để tìm hiểu các nguyên nhân thôi học hay chậm tốt nghiệp của SV, từ đó đề xuất các biện pháp hỗ trợ kịp thời giúp người học cải thiện tình hình học tập của bản thân [H06.06.02.04].

Đối với SV CLC chuyên ngành QTKDTH, Khoa QTKD cũng bám sát các quy định nêu trên của Trường để theo dõi tỷ lệ SV thôi học thông qua các cuộc sinh hoạt lớp định kỳ 2 lần/ học kỳ giữa CVHT và lớp để từ đó nắm bắt được những thông tin liên quan đến số lượng SV thôi học của từng lớp [H11.11.01.02].

2. Điểm mạnh:

Đã tiến hành giám sát tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thôi học của SV CLC chuyên ngành QTKDTH. Vai trò của CVHT được phát huy hiệu quả trong việc cập nhật tình hình người học và kịp thời có các biện pháp tư vấn phù hợp. Những thông tin về cảnh báo học vụ, quyết định buộc thôi học luôn được cập nhật trên phần mềm hệ thống QLĐT của Trường.

3. Điểm tồn tại:

Trường và Khoa QTKD chỉ mới thống kê được các thông số về tỷ lệ SV CLC thôi học và tỷ lệ SV CLC tốt nghiệp nhưng chưa có những quy trình hay biện pháp cụ thể nhằm thuyết phục các SV này quay trở lại Trường hoặc đề ra các chương trình hành động nhằm gia tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp. Hơn nữa Khoa QTKD chưa thực hiện việc đối sánh với các trường đại học uy tín trong nước và thế giới.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu SV tốt nghiệp, thôi học của SV CLC chuyên ngành QTKDTH. Phát huy hơn nữa vai trò của CVHT trong việc liên hệ, theo dõi sát sao tình hình SV, cập nhật tình hình để báo cáo kịp thời Khoa và Lãnh đạo Trường, nhất là các SV thôi học để kịp thời động viên, giúp đỡ SV tiếp tục việc học. Đơn vị thực hiện: Phòng CTSV, Phòng QLĐT và Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Nhằm thúc đẩy tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và kéo giảm tỷ lệ thôi học, cần làm cho người học yêu ngành học đã chọn và nắm rõ các điều kiện để được công nhận tốt nghiệp như yêu cầu về ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm hay phải có đề tài NCKH thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề hay sinh hoạt lớp với CVHT. Ngoài ra, CVHT luôn theo sát tiến độ học tập của người học để kịp thời tư vấn hỗ trợ cho người học hoàn thành các điều kiện này đúng hạn. Tiến hành đối sánh với các trường khác trong nước và quốc tế về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thôi học của SV CLC chuyên ngành QTKDTH. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả:

Phòng QLĐT là đơn vị được Trường giao nhiệm vụ theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của người học tại trường ĐHTCM trong đó có SV CLC chuyên ngành QTKDTH [H11.11.01.01]. Theo đó, phòng QLĐT thực hiện các thống kê hàng năm về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp của tất cả hình thức đào tạo để cung cấp cho các bên liên quan. Trước năm 2012, khi còn thực hiện đào tạo theo niên chế thì thời gian tốt nghiệp trung bình của SV hệ ĐH chính quy của Khoa QTKD là 4 năm [H11.11.02.01]. Kể từ năm 2012, Trường bắt đầu thực hiện đào tạo ĐH hệ chính quy theo hệ tín chỉ [H05.05.02.01]. Theo đó, SV có thể học vượt để rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Nhiều SV có thể tốt nghiệp chỉ với 3,5 năm theo học tại Trường.

CVHT qua các buổi họp lớp định kỳ, cũng được giao nhiệm vụ tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất các biện pháp để giúp người học rút ngắn thời gian học tập

[H06.06.02.04]. Một số nguyên nhân khiến người học chưa hoàn thành khóa học đúng thời hạn quy định là chưa đạt các yêu cầu CDR về ngoại ngữ, tin học hay kỹ năng mềm. Ngoài ra, Trường và Khoa cũng đã cung cấp cho người học đầy đủ các văn bản liên quan đến quy chế đào tạo để người học chủ động việc học của mình.

2. Điểm mạnh:

Trường đã xây dựng được quy trình giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học đối với CTĐT CLC chuyên ngành QTKDTH. CVHT kịp thời hỗ trợ người học trong các tình huống chậm tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại:

Khoa QTKD và Trường chưa có những biện pháp quyết liệt và hiệu quả nhằm rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của SV CLC chuyên ngành QTKDTH cũng như chưa tiến hành đối sánh với các trường khác để cải thiện vấn đề này.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục giám sát chặt chẽ thời gian tốt nghiệp trung bình của SV CLC chuyên ngành QTKDTH. Phát huy hơn nữa vai trò của CVHT trong việc theo dõi và hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD, Phòng QLĐT. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV CLC chuyên ngành QTKDTH của Trường với các Trường khác nhằm giúp cải thiện thông số thời gian tốt nghiệp trung bình của người học; Xây dựng qui trình thực hiện việc tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của người học. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD, Phòng QLĐT. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả:

Khoa QTKD phối hợp với phòng KT-QLCL và phòng CTSV thực hiện việc khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp qua các năm. Trong hai năm, 2015 và 2016, kết

qua khảo sát cho thấy SV CLC chuyên ngành QTKDTH có việc làm sau tốt nghiệp là khá cao [H11.11.03.01] [H01.01.01.19].

Nhằm gia tăng hơn nữa tỷ lệ người học có việc làm, đặc biệt là tỷ có việc làm sau 6 tháng, Khoa QTKD và Trường đã tổ chức các cuộc giao lưu giữa các nhà lãnh đạo DN với người học để người học có cơ hội tiếp xúc, tìm hiểu yêu cầu từ các DN nhằm chuẩn bị hành trang cho tương lai [H11.11.03.02]. Khoa QTKD cũng tiến hành các hoạt động tự đánh giá CTĐT CLC ngành QTKDTH [H11.11.03.03] cũng như mời gọi sự tham gia của các DN trong việc tham gia xây dựng CTĐT mang tính thực tiễn hơn [H04.04.02.02].

2. Điểm mạnh:

Khoa QTKD và Trường đã thực hiện theo dõi và giám sát tỷ lệ SV CLC chuyên ngành QTKDTH có việc làm sau tốt nghiệp một cách tương đối thường xuyên. Ngoài ra, chương trình đào tạo CLC ngành QTKDTH được cập nhật định kỳ nhằm hướng đến ngày càng gần với thực tế hơn.

3. Điểm tồn tại:

Chưa tiến hành đối sánh về tỷ lệ SV CLC QTKDTH có việc làm sau tốt nghiệp với các trường khác.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục duy trì hoạt động khảo sát tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp chương trình CLC chuyên ngành QTKDTH một cách định kỳ, đồng thời tăng cường cơ hội cho SV tiếp cận thực tế DN, cơ hội học hỏi từ các nhà lãnh đạo qua các buổi hội thảo định hướng nghề nghiệp của Khoa. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Tổ chức thực hiện việc đối sánh việc làm của SV sau tốt nghiệp chương trình CLC QTKDTH với các trường khác. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả:

Phòng QLKH đã ban hành các quy định chi tiết về vấn đề NCKH của SV cũng như có đầy đủ hệ thống theo dõi, giám sát và khích lệ hoạt động NCKH, bao gồm các vấn đề cơ bản như: quy định/hướng dẫn đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH của người học; hồ sơ theo dõi tiến độ, đánh giá sản phẩm nghiên cứu, hỗ trợ [H11.11.04.01] [H04.04.03.02]. Dựa trên các văn bản trên của Trường, hiện nay Khoa QTKD đã ban hành văn bản qui định chi tiết về NCKH của SV bao gồm cách thức chọn đề tài, phân công giảng viên hướng dẫn, tổ chức đánh giá đề tài cũng như quy định đề khuyến khích động viên SV làm NCKH [H11.11.04.02]. Đối với SV thuộc chương trình CLC chuyên ngành QTKDTH, việc NCKH của SV là bắt buộc và là một trong những điều kiện để được xét công nhận tốt nghiệp [H01.01.02.01-02]. Vì vậy đã đảm bảo được tỷ lệ 100% SV đều tham gia và thực hiện NCKH.

2. Điểm mạnh:

Trường và Khoa QTKD đã ban hành các văn bản chi tiết về NCKH của SV và triển khai sâu rộng đến tất cả đối tượng SV. Khoa QTKD tổ chức thường xuyên các lớp miễn phí về NCKH cho sinh viên; thành lập CLB NCKH của SV với ban cố vấn là các GV nhiều kinh nghiệm NCKH và nhiệt huyết với NCKH của Khoa.

3. Điểm tồn tại:

Hiện nay, loại hình để thu hút và khuyến khích SV tham gia NCKH của Khoa QTKD còn chưa đa dạng, mới dừng lại ở việc chọn đề tài NCKH theo nhóm hoặc cá nhân dưới sự hướng dẫn của GV; chưa có các hoạt động thu hút SV tham gia đề tài NCKH các cấp cùng với GV.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục chuẩn hóa quy định NCKH SV, đẩy mạnh và truyền thông tốt hơn vai trò của CLB NCKH nhằm khơi gợi SV niềm đam mê NCKH và xem hoạt động này vừa là nhiệm vụ bắt buộc với loại hình CLC và vừa có quyền lợi do được cộng điểm khuyến khích trong các đợt thực hành nghề nghiệp và khóa luận tốt nghiệp. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Cần nghiên cứu đưa ra các khuyến khích hấp dẫn hơn nhằm thu hút và động viên SV tham gia NCKH. Ngoài ra, cần có qui trình chọn người hướng

dẫn theo đó người hướng dẫn phải có cùng hướng nghiên cứu hay giảng dạy liên quan đến đề tài nghiên cứu của SV. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (5/7).

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả:

Trường đã ban hành các văn bản quy định về việc thực hiện khảo sát các bên liên quan gồm SV, cựu SV, cán bộ GV và nhà tuyển dụng. Đối với SV, việc lấy ý kiến SV đang theo học tại Trường về sự hài lòng của họ đối với CTĐT, sự cần thiết và lợi ích của các học phần trong CTĐT, phương pháp và chuyên môn giảng dạy của GV được Trường thực hiện định kỳ mỗi học kỳ và được giao về cho phòng KT-QLCL thực hiện [H11.11.05.01]. Kết quả khảo sát cho thấy SV khá hài lòng với nội dung CTĐT, tính hữu ích của các học phần và chất lượng giảng dạy của đội ngũ GV tham gia giảng dạy chuyên ngành QTKDTH CLC nói chung và GV giảng các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành QTKDTH CLC nói riêng [H01.01.01.16]. [H01.01.01.18-19] [H05.05.03.04].

Đối với cựu SV, Khoa và Trường đã thực hiện việc khảo sát cựu SV của Trường, đặc biệt là cựu SV CLC chuyên ngành QTKDTH. Chính vì Khoa ý thức rõ về việc này nên đã quyết định thành lập CLB cựu SV [H11.11.05.02] để từ kênh thông tin này có thể tiến hành các cuộc khảo sát lấy ý kiến cựu SV về CTĐT của Khoa một cách chính thức. Kết quả khảo sát các đối tượng là cựu SV chuyên ngành QTKDTH CLC cho thấy đa phần hài lòng với những dịch vụ mà Khoa và Trường đã cung cấp cho họ trong suốt thời gian học tại Trường [H01.01.01.19].

Đối với cán bộ GV, khi thực hiện xây dựng CTĐT, Khoa QTKD luôn tổ chức khảo sát lấy ý kiến của GV để từ đó có các biện pháp thay đổi hay cải tiến cho phù hợp. Hằng năm, phòng TC-HC tổ chức lấy ý kiến của CB-GV của Trường về nhu cầu được đào tạo bồi dưỡng để lên kế hoạch bồi dưỡng, nâng trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng này một cách hợp lý và hiệu quả [H06.06.05.01].

Đối với nhà tuyển dụng, hàng năm Phòng KT-QLCL thực hiện việc khảo sát các DN có SV của Trường đến thực tập [H06.06.01.16] [H01.01.01.16]. Kết quả khảo sát này cho thấy đa phần các DN đánh giá cao năng lực của SV thuộc Trường. Dù vậy, các DN cũng kiến nghị Trường và Khoa QTKD cần tăng cường hơn nữa tính thực tiễn cho SV và nâng cao hơn nữa các kỹ năng mềm cho SV. Bên cạnh đó, khi gửi SV đến thực tập tại các DN, Khoa QTKD có thực hiện việc lấy ý kiến DN về mức độ hài lòng của DN đối với SV thực tập thuộc Khoa. Nhằm thúc đẩy hơn nữa hoạt động khảo sát sự hài lòng của DN, Khoa QTKD đã thành lập CLB DN [H11.11.05.03] nhằm kết nối chặt chẽ hơn với cộng đồng DN.

2. Điểm mạnh:

Trường và Khoa QTKD thực hiện khảo sát SV định kỳ hàng năm. Ở cấp độ khoa, Khoa QTKD đã có đơn vị là CLB DN và CLB cựu SV để hỗ trợ Khoa trong việc khảo sát này.

3. Điểm tồn tại:

Chưa thực hiện khảo sát các DN đang sử dụng người học đã tốt nghiệp chương trình CLC chuyên ngành QTKDTH. Qui mô và sức hút của hai CLB DN và CLB Cựu SV vẫn chưa lan tỏa rộng khắp trong xã hội.

4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục phối hợp với các phòng ban của Trường thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của SV, cựu SV, CB-GV và DN sử dụng người học của Khoa; Đẩy mạnh và truyền thông tốt hơn vai trò của CLB DN nhằm thu hút thêm nhiều DN tham gia vào các vấn đề học thuật của Khoa. Đơn vị thực hiện: Khoa QTKD và các phòng ban liên quan của Trường. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

- **Khắc phục tồn tại:** Tiến hành khảo sát DN đang sử dụng cựu SV chương trình CLC chuyên ngành QTKDTH. Đơn vị thực hiện: Trường và Khoa QTKD. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 11:

Điểm mạnh nổi bật: Trường và Khoa QTKD về cơ bản đã có đầy đủ các văn bản pháp lý cũng như cơ chế phù hợp với sự phân công, phân nhiệm rõ ràng trong việc theo

đổi và giám sát các vấn đề liên quan đến tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, hoạt động NCKH và tỷ lệ có việc làm của SV chuyên ngành QTKDTH. Ngoài ra, Trường và Khoa QTKD cũng đã có những qui định cụ thể và rõ ràng về việc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan (người học, cựu SV, CB- GV và NTD).

Điểm tồn tại cơ bản: Chưa đưa ra được các kế hoạch hành động cụ thể nhằm hạn chế số lượng SV bỏ học, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình hay gia tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn. Chưa tiến hành đối sánh với các trường khác. Trong hoạt động khảo sát các bên liên quan, chưa khảo sát DN đang sử dụng cựu SV CLC chuyên ngành QTKDTH.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 11:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 11		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 11.1					x			4,40	5	100%
Tiêu chí 11.2				x						
Tiêu chí 11.3				x						
Tiêu chí 11.4					x					
Tiêu chí 11.5				x						

PHẦN III: KẾT LUẬN

3.1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy:

- Về mục tiêu và CĐR của CTĐT (TC1): CĐR của chuyên ngành QTKDTH CLC được xây dựng rõ ràng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường. CĐR đáp ứng được xác định rõ ràng, đáp ứng được yêu cầu chung, yêu cầu chuyên biệt của người học, đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng. Mục tiêu CTĐT và CĐR được xác định rõ ràng, phù hợp với yêu cầu của các bên liên quan.

- Về bản mô tả CTĐT (TC2): Các thông tin trong bản mô tả CTĐT chuyên ngành QTKDTHCLC được công bố rõ ràng, đầy đủ và chuẩn xác. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới trên thế giới về lĩnh vực QTKD theo định hướng ứng dụng. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của Khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như từ đóng góp, xây dựng của hội đồng KHĐT khoa, cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Ma trận hiển thị kết quả chương trình chuẩn đầu ra được thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình và được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của của trường. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa; được công bố công khai và dễ tiếp cận.

- Về cấu trúc và nội dung CTDH (TC3): CTDH của chuyên ngành QTKDTH CLC được thiết kế theo 3 khối kiến thức, các học phần phù hợp với CĐR và các nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá, số tín chỉ cho từng học phần và cho từng chuyên ngành để đạt được CĐR. CTDH của chuyên ngành đã thể hiện tính logic, cấu trúc hợp lý và tính tích hợp giữa các học phần.

- Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học (TC4): Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Mục tiêu giáo dục tuyên bố rõ ràng, hoạt động dạy học phù hợp để đạt chuẩn đầu ra.

- Về đánh giá kết quả học tập của người học (TC5): Việc đánh giá KQHT của người học được thiết kế tương đối phù hợp với mức độ đạt được của CDR. Các quy định về đánh giá KQHT của người học tương đối rõ ràng và được thông báo công khai đến người học với phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo sự tin cậy và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi khá kịp thời để người học cải thiện việc học tập, người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

- Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (TC6): Công tác quy hoạch GV được thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục, vì vậy Trường đã quy hoạch và phát triển được đông đảo đội ngũ GV, về cơ bản đảm bảo được tỷ lệ GV/SV. Bên cạnh đó, công tác tuyển dụng với tiêu chuẩn tuyển dụng rõ ràng, công khai cũng góp phần quan trọng cho chiến lược phát triển đội ngũ GV của Khoa và Trường. Song song đó, Khoa và Trường luôn quan tâm đến công tác đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ GV, thực hiện đánh giá năng lực và quản trị theo kết quả công việc của GV một cách khoa học. Với những chính sách và chương trình hành động cụ thể, Trường đã phát triển đội ngũ GV của Khoa có trình độ chuyên môn cao, có năng lực trong giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Có quy trình quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, đánh giá kết quả công việc của đội ngũ GV rõ ràng

- Về đội ngũ nhân viên (TC7): Công tác quy hoạch thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục, vì vậy đã quy hoạch và phát triển được đội ngũ NV hỗ trợ đảm bảo về số lượng, có năng lực chuyên môn và sẵn sàng phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trường luôn quan tâm đến công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc được thực hiện một cách công bằng, có tác dụng kích thích, động viên tinh thần làm việc đối với đội ngũ NV.

- Về người học và hoạt động hỗ trợ người học (TC8): Chính sách tuyển sinh có tính lượng hóa giúp cho Khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp; chính sách tuyển sinh còn được công khai và cập nhật thường xuyên từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay từ năm thứ nhất. Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá KQHT, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, CVHT nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học

- Về CSVC và trang thiết bị (TC9): Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng phù hợp với các trang thiết bị hiện đại; hệ thống thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật; hệ thống phòng thực hành và trang thiết bị phù hợp và sử dụng hiệu quả; hệ thống công nghệ thông tin ngày càng được nâng cấp; các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai hợp lý.

- Về nâng cao chất lượng (TC10): Khoa QTKD đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của Trường và những quy định của Bộ GD&ĐT; công tác coi thi, chấm thi ở tất cả các kỳ thi/kiểm tra đều được thực hiện nghiêm túc; các hình thức thi/kiểm tra đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của người học ở từng học phần theo CDR. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, nhìn chung, đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt chất lượng tốt. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được tuân thủ theo đúng quy trình: (i) xây dựng chương trình trên cơ sở so sánh/đối chiếu với chương trình của các trường ĐH trong và ngoài nước; (ii) lấy thông tin phản hồi từ NTD, cựu SV và SV làm cơ sở để chỉnh sửa lại chương trình; (iii) hằng năm có cập nhật các nghiên cứu mới, các học phần mới trên thế giới (không quá 20% CTĐT); (iv) thường xuyên ứng dụng các kết quả NCKH của các cán bộ trong Khoa vào nội dung của các học phần trong CTĐT.

- Về kết quả đầu ra (TC11): Trường và Khoa QTKD về cơ bản đã có đầy đủ các văn bản pháp lý cũng như cơ chế phù hợp với sự phân công, phân nhiệm rõ ràng trong việc theo dõi và giám sát các vấn đề liên quan đến tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, hoạt động NCKH và tỷ lệ có việc làm của SV chuyên ngành QTKDTH. Ngoài ra, Trường và Khoa QTKD cũng đã có những quy định cụ thể và rõ ràng về việc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan (người học, cựu SV, CB- GV và nhà tuyển dụng).

3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng:

- Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT (TC1): Các hoạt động lấy ý kiến từ phía người học và nhà tuyển dụng chưa được thực hiện thường xuyên.

- Về bản mô tả CTĐT (TC2): Việc cập nhật những vấn đề mới trong bản mô tả CTĐT và ĐCCT nên được chuẩn bị tốt hơn nữa; thiết kế nhiều hình thức khảo sát, đánh giá của các bên liên quan khi sử dụng bản mô tả CTĐT và ĐCCT.
- Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (TC3): Tính đầy đủ trong cập nhật những phản hồi các bên liên quan về CTDH chưa được tách bạch giữa CTDH và CTĐT.
- Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học (TC4): Cần nâng cao tính chủ động của người học và vai trò hướng dẫn của giảng viên
- Về đánh giá kết quả học tập của người học (TC5): Số lượng môn học có ngân hàng câu hỏi được nghiệm thu và được sử dụng chính thức chưa nhiều; Việc rà soát, cập nhật nội dung câu hỏi ôn tập và đề thi chưa thực hiện thường xuyên.
- Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (TC6): Công tác phát triển đội ngũ GV có trình độ TS, học hàm PGS, GS còn hạn chế; các công trình NCKH được đăng tải trên các tạp chí quốc tế còn khiêm tốn.
- Về đội ngũ nhân viên (TC7): Các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV còn hạn chế.
- Về người học và hoạt động hỗ trợ người học (TC8): Tại cơ sở 2C Phổ quang không có sân chơi cho SV, ½ khuôn viên trường không có hàng rào tách biệt với bên ngoài gây khó khăn cho việc kiểm soát an ninh Trường.
- Về CSVC và trang thiết bị (TC9): Số lượng máy tính và diện tích phòng đọc phục vụ tại thư viện còn khiêm tốn; các tài liệu ngoại văn phục vụ cho chuyên ngành QTKDTH CLC còn hạn chế; chưa có phòng thực hành giả lập, mô phỏng dành riêng cho các học phần chuyên ngành của chuyên ngành QTKDTH CLC.
- Về nâng cao chất lượng (TC10): Việc lấy thông tin phản hồi từ các bên liên quan, trong đó có các GV về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ còn khó khăn và chưa đầy đủ. Việc thực hiện các đề tài khoa học lớn gắn với việc cải tiến CTĐT và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác đào tạo chưa nhiều
- Về kết quả đầu ra (TC11): Chưa đưa ra được các kế hoạch hành động cụ thể nhằm hạn chế số lượng SV bỏ học, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình hay gia tăng

tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn. Chưa tiến hành đối sánh với các trường ở trong và ngoài nước.

3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo:

- Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT (TC1): Tiếp tục truyền thông đến các bên liên quan về nội dung của CDR. Đồng thời sẽ lấy ý kiến của người học và nhà tuyển dụng định kỳ hàng năm về CDR.

- Về bản mô tả CTĐT (TC2): Cải tiến hoạt động cập nhật bản mô tả CTĐT và ĐCCT phù hợp với xu hướng và nhu cầu của các bên liên quan.

- Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (TC3): Cải tiến hoạt động ghi nhận và điều chỉnh những phản hồi của các bên liên quan trong CTDH và cấu trúc CTDH nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

- Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học (TC4): Tăng cường các bài tập mở rộng để SV tự học, tự nghiên cứu. Đa dạng hóa phương pháp giảng dạy cũng như cách đánh giá kết quả học tập của SV nhằm nâng cao hiệu quả của việc dạy và học tại Khoa QTKD.

- Về đánh giá kết quả học tập của người học (TC5): Đẩy mạnh công tác biên soạn và nghiệm thu ngân hàng câu hỏi và đưa vào sử dụng chính thức; Thực hiện rà soát, cập nhật, đổi mới câu hỏi đề thi định kỳ 1 năm/lần.

- Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (TC6): Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng, đãi ngộ nhằm khuyến khích GV nỗ lực phát huy năng lực chuyên môn; nghiên cứu khoa học. Đồng thời sẽ có kế hoạch tuyển dụng thêm GV theo hướng ưu tiên giảng viên có học vị, học hàm cao; tạo điều kiện tốt nhất cho GV nghiên cứu khoa học; Đề xuất các hình thức khen thưởng (ưu tiên đề xuất với nhà trường tăng lương trước thời hạn) đối với các GV có công trình nghiên cứu nhà nước, các bài báo khoa học đăng tải trên các tạp chí quốc tế.

- Về đội ngũ nhân viên (TC7): Hoàn thiện chính sách quản lý nguồn nhân lực nhằm khuyến khích tinh thần làm việc cho đội ngũ NV. Thực hiện phân tích nhu cầu đào tạo, xây dựng các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển của đội ngũ NV.

- Về người học và hoạt động hỗ trợ người học (TC8): Hoàn thiện thiết kế website khoa, thay đổi, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành học, chính sách tuyển

sinh, tạo ra sự hấp dẫn và cuốn hút đối với thí sinh; mỗi giảng viên trong khoa phải có trách nhiệm giới thiệu đầy đủ, chi tiết và tích cực về khoa, chuyên ngành đào tạo trong những buổi tiếp xúc với SV. Phát động phong trào NCKH SV, tổ chức các chương trình tham quan, và hợp tác với DN nhằm tạo cơ hội học tập thực tế và việc làm cho SV.

- Về CSVC và trang thiết bị (TC9): Đầu tư hợp lý, quản lý và sử dụng hiệu quả hơn nữa tài sản.

- Về nâng cao chất lượng (TC10): Chủ động hơn trong việc lấy thông tin phản hồi từ các bên liên quan, trong đó có các GV về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ; thúc đẩy việc biên soạn bài giảng, giáo trình; rà soát lại để bổ sung phần thực hành của một số môn học còn nặng về lý thuyết; tìm kiếm và thực hiện các đề tài khoa học lớn gắn với việc cải tiến CTĐT và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác đào tạo; đề nghị Trường mua một số cơ sở dữ liệu (database) tiên tiến tạo điều kiện cho GV và SV cập nhật các tài liệu, nghiên cứu mới trên thế giới; tổ chức và thực hiện tốt hơn các loại hình hỗ trợ SV như tư vấn tâm lý.

- Về kết quả đầu ra (TC11): Thiết lập các chương trình hành động cụ thể nhằm tiếp xúc với các SV thôi học này để tìm hiểu nguyên nhân và nguyện vọng của họ để hỗ trợ, thuyết phục họ quay lại Trường. Xây dựng cơ chế để có thể tìm hiểu thêm các nguyên nhân dẫn đến tình hình tốt nghiệp không đúng hạn bên cạnh lý do ngoại ngữ hay kỹ năng mềm để đưa ra các chương trình hành động nhằm hỗ trợ SV khắc phục các vấn đề này. Chuyên môn hóa khảo sát SV chuyên ngành QTKDTH CLC tốt nghiệp hằng năm về vị trí và cơ hội việc làm để có giải pháp khắc phục và cải tiến kịp thời.

3.4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo:

Bảng 3.1: Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT CLC chuyên ngành QTKDTH

Tên cơ sở giáo dục: Trường ĐH Tài chính-Marketing

Mã trường: DMS

Tên CTĐT: CTĐT CLC chuyên ngành QTKDTH

Mã CTĐT: D340.101

Tiêu chuẩn,	Thang đánh giá	Tổng hợp theo tiêu chuẩn
-------------	----------------	--------------------------

tiêu chí	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5,00	3	100% (3/3)
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5,00	3	100% (3/3)
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5,00	3	100% (3/3)
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4.66	3	100% (3/3)
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5,00	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					

Tiêu chí 5.2					5					(5/5)
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								4,14	7	100% (7/7)
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7								4,40	5	100% (5/5)
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8								4,60	5	100%
Tiêu chí 8.1						6				

Tiêu chí 8.2					5					(5/5)
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5				4						
Tiêu chuẩn 9								4,20	5	100% (5/5)
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5				4						
Tiêu chuẩn 10								4,16	6	100% (6/6)
Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11								4,40	5	100%
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2				4						

Tiêu chí 11.3				4						(5/5)
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,4	50/50	100%

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Đức Long

PHẦN IV: PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT

CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/06/2018

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Tài chính - Marketing
 - Tiếng Anh: The University of Finance and Marketing
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: ĐHTCM
 - Tiếng Anh: UFM
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Tài chính - Marketing
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Tài chính
5. Địa chỉ: 2/4 Trần Xuân Soạn, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Tp. HCM
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (08) 38726789- 38726699
Số fax (08) 37720403
7. E-mail: contact@ufm.edu.vn Website: ufm.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1976
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I đại học: 2004
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I đại học: 2008
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
Công lập Bán công Dân lập Tư thục
Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện chương trình đào tạo (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Quản trị Kinh doanh
 - Tiếng Anh: Faculty of Business Administration
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện chương trình đào tạo:
 - Tiếng Việt: Khoa QTKD

- Tiếng Anh: FBA
- 14. Tên trước đây (nếu có): Không
- 15. Tên chương trình đào tạo:
 - Tiếng Việt: Quản trị Kinh doanh tổng hợp - Chất lượng cao
 - Tiếng Anh: General business Administration – High quality
- 16. Mã CTĐT: D340.101
- 17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): không
- 18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện chương trình đào tạo: Phòng 303, tòa B, 2/4 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, TP.HCM
- 19. Số điện thoại liên hệ: 028.37720580 (Số nội bộ: 354)
- 20. E-mail: khoaqtkd@ufm.edu.vn Website: www.khoaqtkd.ufm.edu.vn
- 21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2004 (Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-ĐHMKT ngày 27/5/2004 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bán công Marketing (nay là Trường Đại học Tài chính – Marketing), tiền thân là khoa QTKD thuộc Trường Cao đẳng Bán công Marketing – thành lập năm 1996.
- 22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2012
- 23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 2016

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

- 24. Giới thiệu về Khoa Quản trị Kinh doanh

Khoa QTKD được thành lập theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHMKT ngày 27/5/2004 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bán công Marketing (nay là trường ĐHTCM), tiền thân là khoa QTKD thuộc Trường Cao đẳng Bán công Marketing.

Sứ mạng: Khoa QTKD phấn đấu kiến tạo những trải nghiệm thực tiễn cho SV trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý với các chuyên ngành như QTKD tổng hợp, Quản trị bán hàng, Quản trị dự án, Quản lý kinh tế và hướng đến là Quản trị nguồn nhân lực; có sứ mạng cung cấp cho xã hội các sản phẩm đào tạo, NCKH, tư vấn, ứng dụng về lĩnh vực kinh doanh và quản lý, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới. Chương trình giảng dạy của

Khoa cung cấp cho SV một nền tảng kiến thức vững chắc về kinh doanh hiện đại, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng lãnh đạo và kinh nghiệm thực tế cần thiết để thành công trong môi trường làm việc toàn cầu, góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và sự phát triển của cộng đồng.

Tầm nhìn: Khoa QTKD phấn đấu phát triển trở thành một trong số những đơn vị đào tạo, nghiên cứu hàng đầu về kinh doanh và quản lý ở khu vực phía Nam, cả nước và khu vực Đông Nam Á với các CTĐT có chất lượng cao nhất theo định hướng ứng dụng đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp và tổ chức trong môi trường kinh doanh toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng, đặc biệt cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra.

Các giá trị cốt lõi của chương trình dạy học:

(1) *Cam kết về chất lượng*: Tiếp cận Phương pháp giảng dạy và nghiên cứu hiện đại giúp SV đạt được thành công cá nhân và đóng góp cho xã hội;

(2) *Trách nhiệm xã hội*: Đào tạo, bồi dưỡng những nhà kinh doanh có trách nhiệm và đạo đức trong nghề nghiệp cũng như có trách nhiệm đối với xã hội;

(3) *Tư duy độc lập*: Tạo cơ hội cho SV suy nghĩ phân tích và tư duy độc lập trong việc đưa ra quyết định và xây dựng lòng tin;

(4) *Sáng tạo*: Khuyến khích, hỗ trợ và khen thưởng cho các nỗ lực liên tục tìm kiếm tri thức và các giá trị tinh thần;

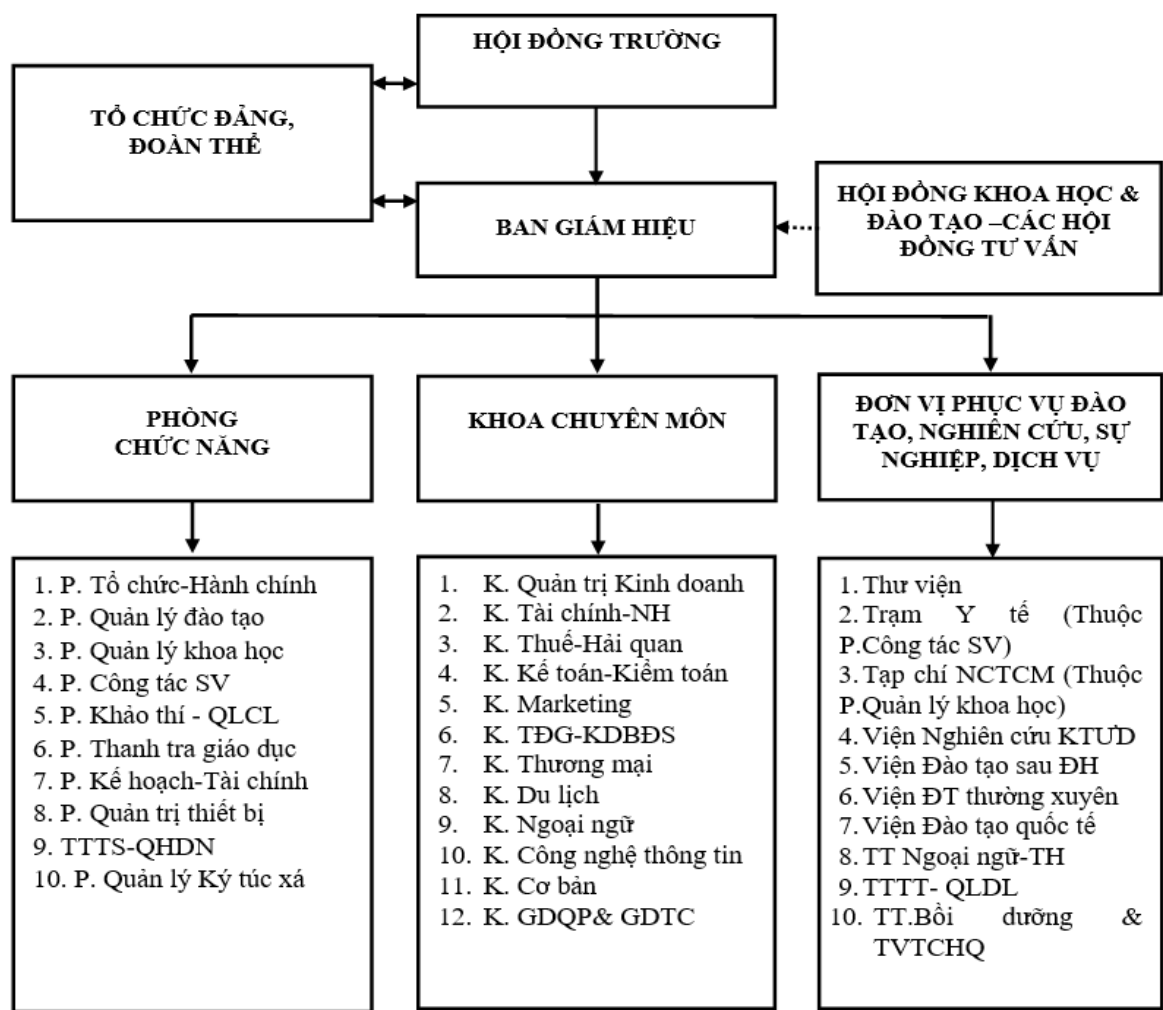
(5) *Tính chính trực*: Đào tạo những nhà kinh doanh, nhà quản lý trung thực và đáng tin cậy trong tất cả các hoạt động;

(6) *Tôn trọng sự khác biệt*: Giúp SV biết tôn trọng sự khác biệt để nhận ra giá trị của sự đa dạng.

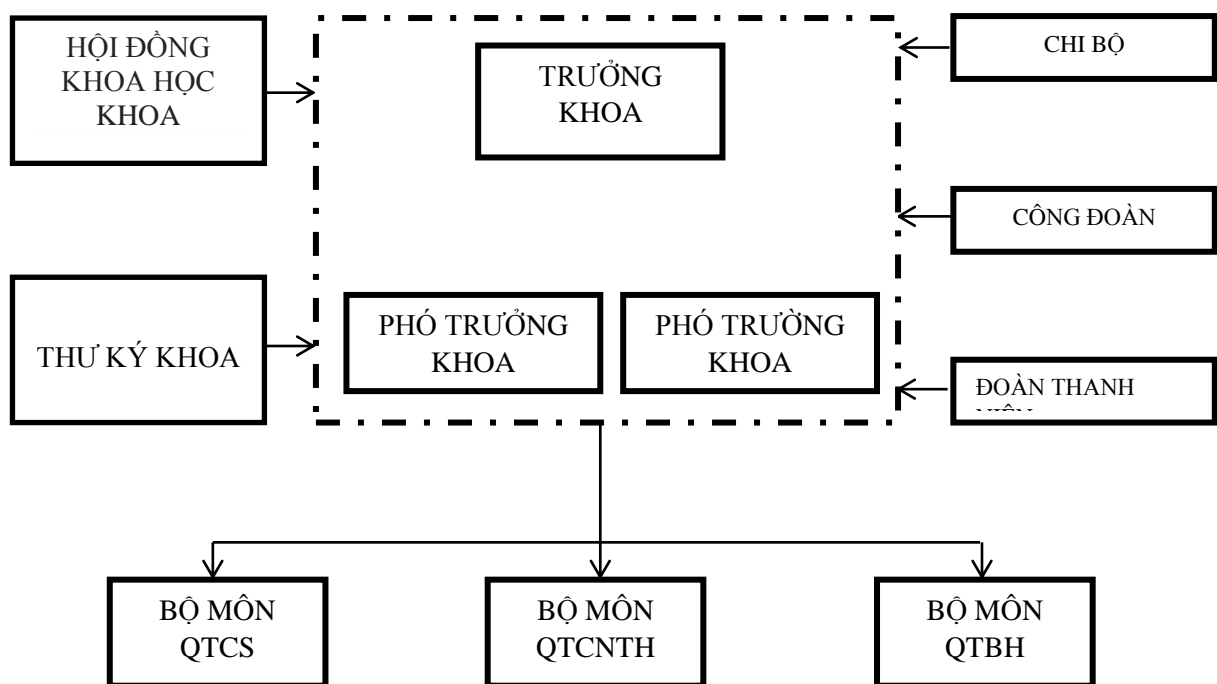
Về cơ cấu tổ chức, khoa QTKD gồm: 01 trưởng khoa, 02 phó khoa, 03 trưởng/phó bộ môn, 02 giáo vụ, Hội đồng khoa học khoa và các tổ chức Đảng, đoàn thể như chi bộ, tổ công đoàn, đoàn thanh niên.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

25.1. Cơ cấu hành chính của cơ sở giáo dục.



25.2. Cơ cấu hành chính của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo:



26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của

đơn vị thực hiện CTĐT.

26.1. Cán bộ lãnh đạo cơ sở giáo dục (Ban Giám hiệu)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Hoàng Đức Long	1961	TS, Hiệu trưởng	0983.969.969	hoangduclong@ufm.edu.vn
2	Nguyễn Văn Hiến	1962	TS, Phó hiệu trưởng	0903.826.416	Nv.hien@ufm.edu.vn
3	Hứa Minh Tuấn	1960	ThS, Phó hiệu trưởng	0903.848.787	tuanbokho@gmail.com hm.tuan@ufm.edu.vn
4	Đặng Thị Ngọc Lan	1967	TS, Phó hiệu trưởng	0909.229.649	ngoclan29ufm@gmail.com
5	Phan Đình Nguyên	1975	TS, Phó hiệu trưởng	0925.555.669	pdnguyen@ufm.edu.vn
6	Lê Trung Đạo	1972	TS, Phó hiệu trưởng	0903.730.127	ltdao@ufm.edu.vn
7	Nguyễn Văn Hà	1965	ThS, Phó hiệu trưởng	0987.115.555	nvha@ufm.edu.vn khuedung8179@gmail.com

26.2. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT (*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
I	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT					
1	Khoa QTKD	Huỳnh Thị Thu Sương	1974	TS.GVC, Trưởng khoa	0908.428.136	huynhthusuong@ufm.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
2	Khoa QTKD	Trần Quốc Tuấn	1966	ThS, Phó T.khoa	0934.101.266	tqtuants@yahoo.com
3	Khoa QTKD	Phạm Quốc Luyến	1972	ThS GVC, Phó T.khoa	0938.996.865	pqluyen@gmail.com
II	Các bộ môn thuộc khoa					
1	BM QTCN	Nguyễn Thanh Lâm	1972	ThS, Phó T.bộ môn	0918.303.633	nguyenthanhlamqtkd@uvm.edu.vn
2	BM QTCS	Cảnh Chí Hoàng	1977	TS, Trưởng BM	0908.807.899	canhchihoang@uvm.edu.vn
3	BM QTBH	Phạm Quốc Luyến	1972	ThS, Phó T.khoa	0938.996.865	pqluyen@gmail.com
III	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1	Đảng bộ	Hoàng Đức Long	1961	TS, Bí thư	0983969969	hoangduclong@uvm.edu.vn
2	Cựu chiến binh	Đình Xuân Thọ	1961	ThS, Chủ tịch	0913.716.789	dxtho@uvm.edu.vn
3	Công đoàn	Nguyễn Xuân Hiệp	1966	TS, Chủ tịch	0908.880.839	nxhiiep@uvm.edu.vn
4	Đoàn thanh niên	Nguyễn Thành Đông	1989	ThS, Bí thư	0934.041.526	thanhdong@uvm.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
5	Ban liên lạc cựu SV	Nguyễn Lai Dương Phong	1969	ThS, Trưởng ban	0913.986.358	nguyenlaiduongphong@ufm.edu.vn
6	Hội sinh viên	Nguyễn Thị Thùy Trang	1997	Chủ tịch	0769.624.225	thuytrang09@ufm.edu.vn
7	Hội Thể thao	Đặng Văn Út	1975	CN, Chủ tịch	0908.652.642	dangvanut@ufm.edu.vn
8	Ban liên lạc Cán bộ Hưu trí	Nguyễn Thế Phương	1951	ThS, Trưởng ban	0913.926.262	nt.phuong@gmail.com
IV	Các phòng, ban, đơn vị phục vụ đào tạo, đơn vị sự nghiệp, dịch vụ					
1	Phòng QLĐT	Đặng Thị Ngọc Lan	1967	TS, Phó hiệu trưởng, phụ trách phòng	0909.229.649	ngoclan29ufm@gmail.com
2	Phòng KT-QLCL	Phạm Thế Vinh	1962	ThS, Trưởng phòng	0913.733.488	phamthevinh@ufm.edu.vn
3	Phòng CTSV	Nguyễn Thanh Hải	1975	ThS, Trưởng phòng	0989.032.679	nguyenthanhhai@ufm.edu.vn
4	Phòng TC-HC	Nguyễn Tấn Hưng	1976	TS, Trưởng Phòng	0918.458.583	nt.hung@ufm.edu.vn
5	Phòng KH-TC	Hoàng Thái Hưng	1981	ThS, Q. Trưởng phòng	0907.838.787	hoangthaihungufm@gmail.com
6	Phòng QLKH	Bảo Trung	1969	TS, Trưởng Phòng	0918.622.998	baotrung@uf.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
7	Phòng QTTB	Nguyễn Hồng Thanh	1972	ThS, Trưởng phòng	0937.089.089	nh.thanh@ufm.edu.vn
8	Phòng TTGD	Châu Minh Quý	1961	CN, Trưởng phòng	0868.150.261	quicm15@ufm.edu.vn
9	TTNN-TH	Cao Tấn Huy	1985	Ths, Giám đốc	0915.667.312	caohuy@ufm.edu.vn
10	TTTS-QHDN	Nguyễn Thái Châu	1977	ThS, Giám đốc	0903.670.397	thaichau.ufm@gmail.com
11	Thư viện	Võ Khôi Thọ	1962	CN, Giám đốc	0908.176.055	yk.tho@ufm.edu.vn
12	Phòng QL ký túc xá	Nguyễn Lai Dương Phong	1969	ThS, Trưởng phòng	0913.986.358	nguyenlaiduongphong@ufm.edu.vn
13	Viện ĐTTX	Lương Quảng Đức	1975	ThS, Viện trưởng	0913.154.007	lqduc@hotmail.com
14	Viện NCKTUD	Hà Nam Khánh Giao	1965	TS, Viện trưởng	0903.306.363	khanhgiaohn@yahoo.com
15	Viện ĐTSDH	Phạm Quốc Việt	1970	TS, Viện trưởng	0903.921.589	vietspq@ufm.edu.vn
16	TTTT-QLDL	Trương Thành Công	1980	ThS, Giám đốc	0918.303.966	truongthanhcong@ufm.edu.vn
17	Viện ĐT Quốc tế	Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư	1966	TS, Giám đốc	0913.922.440	thu.tnna@ufm.edu.vn
18	TTBD-TVTCHQ	Lê Thịnh	1971	ThS, Giám đốc	0909.710.279	lethinh11c@yahoo.com.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo:

Số lượng chuyên ngành đào tạo TS: 01

Số lượng chuyên ngành đào tạo ThS: 01

Số lượng chuyên ngành đào tạo đại học: CLC 01 chuyên ngành; đại trà: 03 chuyên ngành.

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 01

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 02 gồm 01 Quản trị Hành chính công và 01 Quản lý Kinh tế.

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT

Loại hình đào tạo	Có	Không
Chính quy	x	
Không chính quy	x	
Từ xa		x
Liên kết đào tạo với nước ngoài		x
Liên kết đào tạo trong nước	x	

29. Tổng số các ngành đào tạo: 3

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu, Trong đó:	18	20	38
I.1	Cán bộ trong biên chế	18	20	38
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các cán bộ khác	0	0	0
	Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng			

	viên thỉnh giảng)			
	Tổng số	18	20	38

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	01	01	-	-	-	-
2	Phó Giáo sư	01	01	-	-	-	-
3	TS khoa học	-	-	-	-	-	-
4	Tiến sĩ	03	03	-	-	-	-
5	Thạc sĩ	35	32	-	-	03	-
6	Đại học	-	-	-	-	-	-
7	Cao đẳng	-	-	-	-	-	-
8	Trình độ khác	-	-	-	-	-	-
	Tổng số	40	37			03	

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = **37 người**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $37/38 = 97,37\%$

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Trình độ, học vị, chức đanh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thinh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	01	01	0	0	0	0	5
2	Phó Giáo sư	3,0	01	01	0	0	0	0	3
3	TS khoa học	3,0			0	0	0	0	
4	Tiến sĩ	2,0	03	03	0	0	0	0	6
5	Thạc sĩ	1,0	35	32	0	0	3	0	32,6
6	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		37	37	0	0	3	0	46,6

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30- 40	41- 50	51- 60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	2,7	1	0	0	0	0	0	1
2	Phó Giáo sư	1	2,7	1	0	0	0	0	0	1
3	TS khoa học	0	0		0	0	0	0	0	0

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
4	TS	3	8,11	1	2	0	1	2	0	0
5	ThS	32	86,49	15	17	3	13	13	3	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	37	100%	18	19	3	14	15	3	2

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: **42** tuổi.

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **13,51%**.

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **100%**

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	8,1%	5,4%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	13,5 %	13,5 %
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40,5 %	75,7 %
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	27,3%	5,4 %

5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	10,6 %	
Tổng		100 %	100 %

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh. Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2014	67	67		67			0
2015	43	43		43			0
2016	37	37		37			0
2017.	59	59		59			0
2018	144	144		144			0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2014	2015	2016	2017	2018
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	2014	2015	2016	2017	2018
3. Sinh viên đại học, Trong đó:					
Hệ chính quy	182	219	195	206	283
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN, Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...	0	0	0	0	0

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm học				
	2014	2015	2016	2017	2018
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2014	2015	2016	2017	2018
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	451	451	1.536	13.970	13.970

2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	800	800	1.200	2.480	4.000
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	221	210	310	1.900	1.900
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	2.04	2.15	4.95	7.35	7.35

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2014	2015	2016	2017	2018
Số lượng (người)	0	0	33	41	44
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0	17	20	15,5

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014	2015	2016	2017	2018
1. NCS bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	-	-	-	-	-
2. Học viên tốt nghiệp cao học	-	-	-	-	-
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học, trong đó	-	-	34	26	38
Hệ chính quy	-	-	34	26	38
- QTKD TH CLC	-	-	34	26	38
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
- Quản trị kinh doanh tổng hợp	-	-	-	-	-

4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, trong đó:					
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp, trong đó:					
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
6. Khác...	-	-	-	-	-

(*Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng*)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014	2015	2016	2017	2018
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	0	0	34	26	38
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	0	0	50.74	54.16	56.71
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).			77,8	80,0	82,9

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014	2015	2016	2017	2018
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).			22,2	20,0	17,1
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp			0,0	0,0	0,0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.			74 74	56,7 66,7	65,9 65,9
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).			24	33,3	34,1
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.			7-10 triệu	7-10 triệu	7-10 triệu
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có			0	0	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014	2015	2016	2017	2018
điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).			60,7	40,0	51,4
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	0	0	33,3	26,6	48,6
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0	0	0,0	0,0	0,0

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014	2015	2016	2017	2018	
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	1	1	0	1	0	3
3	Đề tài cấp trường	0,5	5	8	1	6	3	11,5
	Tổng		6	9	1	7	3	14,5

- Tổng số đề tài quy đổi: 14,5

- Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,392

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2014	15		15/26 = 0,58
2	2015	514,5		514,5/27= 19,05
3	2016	30		30/30 = 1
4	2017	100		100/38 = 2,63
5	2018	85		85/38 = 2,24

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	15	12	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	1	2	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	16	14	

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014	2015	2016	2017	2018	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	2	0	4

2	Sách giáo trình	1,5	1	0	2	0	1	6
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	2	1
	Tổng		1	0	2	2	3	11

Tổng số sách (quy đổi): 11

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,297

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	1	11	0	1
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	11	0	0

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014	2015	2016	2017	2018	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	1	0	0	2	4,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành		11	20	16	16	32	95

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014	2015	2016	2017	2018	
	trong nước	1,0						
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	3	0	1	0	5	4,5
	Tổng		14	21	17	16	39	104

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 104

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,81

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	4	13	3
Từ 6 đến 10 bài báo	0	3	1
Từ 11 đến 15 bài báo	0	1	0
Trên 15 bài báo	0	1	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	18	4

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo		Số lượng

		Hệ số**	2014	2015	2016	2017	2018	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	5	3	8
2	Hội thảo trong nước	0,5	5	15	2	0	4	13
3	Hội thảo cấp trường	0,25	1	6	6	6	30	12,25
	Tổng		6	21	8	11	37	33,25

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 33,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,899

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	10	21	30
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	2
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	10	21	32

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp:

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)

2013	Không có
2014	Không có
2015	Không có
2016	Không có
2017	Không có

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	118	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(*Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố*)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2014	2015	2016	2017	2018
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2014	2015	2016	2017	2018
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 65.073m², trong đó:

Diện tích khuôn viên đất thuê mướn: 2.500m²

Diện tích khuôn viên đất sở hữu: 62.473m²

Chi tiết như sau:

STT	Mã cơ sở	Địa chỉ khu đất	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	Q7	2/4 Trần Xuân Soạn, P. Tân Thuận Tây, Q. 7, TPHCM	9,160	
2	T1	306 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, Q. Tân Bình	445	
3	T2	343/4 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, Q. Tân Bình	148	
4	PN	778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận	13,144	
5	Q9	B2/1A Đường 385, P.Tăng Nhơn Phú A, Q.9, TP.HCM	39,576	
6	PQ	2C Phở Quang, Phường 2, Quận. Tân Bình	2,500	<i>Thuê mướn</i>

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (văn phòng khoa): 90m²

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 1,955m². Nơi học: 7.321 m² Nơi vui chơi giải trí: 2.219 m²

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²):

- Tổng diện tích phòng học: 28.217,3m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,56

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện:

- Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

CHUYÊN NGÀNH	SÁCH				CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP	LUẬN VĂN THẠC SĨ	TỔNG CỘNG TÀI LIỆU IN ÁN	
	Tiếng Việt		Ngoại văn				SỐ TỰA (a+c+e+f)	SỐ BẢN (b+d+e+f)
Quản trị kinh doanh tổng hợp CT CLC	1,007	4,624	512	1,257	117		1,636	5,998
Tài liệu Tham khảo chung (Dùng chung cho tất cả các chuyên ngành)	1,592	4,839	1,195	3,044			2,787	7,883
Tài liệu thuộc Kiến thức đại cương + cơ sở ngành (Dùng chung cho tất cả các chuyên ngành)	2,161	8,517	181	487			2,342	9,004

Tài liệu số:

- Bài trích báo – Tạp chí: 377 tựa
- Luận văn Thạc sĩ TCNH: 1,083 tựa; Thạc sĩ QTKD: 994 tựa
- Cơ sở dữ liệu: Proquest, Cục thông tin công nghệ và thư viện Quốc gia
- Tài liệu thuê quyền truy cập từ nhà xuất bản Tổng hợp: 300

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng khoa: 6
- Dùng cho người học học tập: 1.435

- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,08

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

- Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 37 người

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 97,37%

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 8,1%.

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 100%.

2. Người học:

- Tổng số người học chính quy năm 2018 (người): 283

- Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 7,65%

- Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 44,776%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

- Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 82,9

- Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 17,1

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

- Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 65,9

- Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 34,1

- Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 7-10 triệu

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

- Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):

51,4

- Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 48,6

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

- Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,392

- Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 2,24

- Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,297

- Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,81

- Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,899

7. Cơ sở vật chất:

- Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,08

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,56

- Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 0,51.

Phụ lục 2: Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 890./QĐ-ĐHTCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính-Hải quan vào Trường Đại học Tài chính-Marketing;

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Tài chính-Marketing giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Kế hoạch số 193/KH-ĐHTCM-KT&QLCL ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2018;

Căn cứ Kế hoạch số 563/KH-ĐHTCM-KT&QLCL ngày 23/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing về triển khai tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2018;

Xét đề nghị của Trường khoa Quản trị kinh doanh,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT chất lượng cao chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo; Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.
- Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá CTĐT chất lượng cao chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá CTĐT của Cục Khảo thí & Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng).
Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.
- Điều 3.** Các ông/bà Trường khoa Quản trị kinh doanh, Trưởng phòng Khảo thí-Quản lý chất lượng, Trưởng phòng Quản lý đào tạo và các ông/bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, K.QTKD, KT-QLCL.



TS. Hoàng Đức Long



DANH SÁCH

Thành viên Hội đồng tự đánh giá CTĐT chất lượng cao
chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học
(Kèm theo Quyết định số: 220./QĐ-DHTCM ngày 19 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Tài chính - Marketing)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Hoàng Đức Long	Tiến sĩ, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Văn Hiến	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	Huỳnh Thị Thu Sương	Tiến sĩ, Trưởng Khoa QTKD	Phó chủ tịch
4	Phạm Thế Vinh	Thạc sĩ, Trưởng phòng KT - QLCL	Thành viên, Thư ký HĐ
5	Trần Quốc Tuấn	Thạc sĩ, Phó Trưởng Khoa QTKD	Thành viên
6	Nguyễn Thanh Lâm	Thạc sĩ, Phó bộ môn QT Chuyên ngành tổng hợp	Thành viên
7	Nguyễn Thị Minh Trâm	Thạc sĩ, Phó Bộ môn QT cơ sở	Thành viên
8	Hứa Minh Tuấn	Thạc sĩ, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
9	Phạm Hữu Hồng Thái	PGS, Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
10	Lê Trung Đạo	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
11	Đặng Thị Ngọc Lan	Tiến sĩ, PHT - Trưởng phòng QLĐT	Thành viên
12	Nguyễn Tấn Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng TCHC	Thành viên
13	Bảo Trung	Tiến sĩ, Trưởng phòng QLKH	Thành viên
14	Nguyễn Hồng Thanh	Thạc sĩ, Trưởng phòng QTTB	Thành viên
15	Nguyễn Phan Tấn Minh	Sinh viên lớp CLC15DQT	Thành viên

Danh sách gồm có: 15 người

DANH SÁCH
Ban thực hiện Hội đồng tự đánh giá CTĐT chất lượng cao chuyên ngành
Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học
 (Kèm theo Quyết định số 890/QĐ-DHTCM ngày 19 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phạm Thế Vinh	Thạc sĩ, Trưởng phòng KT-QLCL	Trưởng ban
2	Đàm Đức Tuyên	Thạc sĩ, Phó Trưởng phòng KT-QLCL	Phó Trưởng ban
3	Lưu Khánh Linh	Thạc sĩ, cán sự phòng KT-QLCL	Thành viên
4	Phan Thị Hương	Thạc sĩ, chuyên viên P. KT-QLCL	Thành viên
5	Vũ Mạnh Thành	Thạc sĩ, chuyên viên P. KT-QLCL	Thành viên
6	Tạ Thị Thu Anh	Thạc sĩ, cán sự P. KT-QLCL	Thành viên
7	Thái Kim Phong	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
8	Huỳnh Nhật Nghĩa	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
9	Nguyễn Thị Hải Bình	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
10	Phạm Thị Ngọc Mai	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
11	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên

Danh sách gồm có: 11 người

DANH SÁCH
Nhóm công tác thuộc Hội đồng tự đánh giá CTĐT chất lượng cao chuyên ngành
Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học
 (Kèm theo Quyết định số 290/QĐ-ĐHTCM ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng
 Trường Đại học Tài chính-Marketing)

Nhóm 1:

- Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (3 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo (3 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (3 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học (3 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Huỳnh Thị Thu Sương	Tiến sĩ, Trưởng khoa QTKD	Trưởng nhóm
2	Trần Quốc Tuấn	Thạc sĩ, Phó Khoa QTKD	Thành viên, thư ký
3	Thái Kim Phong	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
4	Nguyễn Thị Hải Bình	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
5	Bảo Trung	Tiến sĩ, Trưởng phòng QLKH	Thành viên

Nhóm 2:

- Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học (5 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng (6 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thanh Lâm	Thạc sĩ, Phó bộ môn QT chuyên ngành tổng hợp	Trưởng nhóm
2	Huỳnh Nhật Nghĩa	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên, thư ký
3	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
4	Đặng Thị Ngọc Lan	Tiến sĩ, PHT-Trưởng P. QLĐT	Thành viên

5. *Ng. Phi Hoàng* ThS, gv Khoa QTKD

Nhóm 3:

- Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (7 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên (5 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thị Minh Trâm	Thạc sĩ, Phó bộ môn QT cơ sở	Thành viên
2	Phạm Thị Ngọc Mai	Tiến sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên, thư ký
3	Nguyễn Tân Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng TCHC	Trưởng nhóm
4	Nguyễn Hồng Thanh	Thạc sĩ, Trưởng phòng QTTB	Thành viên

Danh sách gồm có: 13 người

Phụ lục 3: Quyết định thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~1949~~ /QĐ-ĐHTCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính-Hải quan vào Trường Đại học Tài chính-Marketing;

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Tài chính-Marketing giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Kế hoạch số 193/KH-ĐHTCM-KT&QLCL ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2018;

Căn cứ Kế hoạch số 563/KH-ĐHTCM-KT&QLCL ngày 23/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing về triển khai tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 890/QĐ-ĐHTCM ngày 29/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing về thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trường khoa Quản trị kinh doanh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung ông Nguyễn Phi Hoàng là thành viên nhóm công tác thuộc Hội đồng tự đánh giá CTĐT chất lượng cao chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học.

Điều 2. Các ông/bà Trường khoa Quản trị kinh doanh, Trưởng phòng Khảo thí-Quản lý chất lượng, Trưởng phòng Quản lý đào tạo và các ông/bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.


Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, K.QTKD, KT-QLCL.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Đức Long


DANH SÁCH
Thành viên Hội đồng tự đánh giá CTĐT chất lượng cao chuyên ngành
Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học
(Kèm theo Quyết định số 1999/QĐ-ĐHTCM ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Hoàng Đức Long	Tiến sĩ, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Văn Hiến	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	Huỳnh Thị Thu Sương	Tiến sĩ, Trưởng khoa QTKD	Phó chủ tịch
4	Phạm Thế Vinh	Thạc sĩ, Trưởng phòng KT-QLCL	Thành viên, thư ký HĐ
5	Trần Quốc Tuấn	Thạc sĩ, Phó Khoa QTKD	Thành viên
6	Nguyễn Thanh Lâm	Thạc sĩ, Phó bộ môn QT chuyên ngành tổng hợp	Thành viên
7	Nguyễn Thị Minh Trâm	Thạc sĩ, Phó bộ môn QT cơ sở	Thành viên
8	Hứa Minh Tuấn	Thạc sĩ, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
9	Phạm Hữu Hồng Thái	Phó giáo sư, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
10	Lê Trung Đạo	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
11	Đặng Thị Ngọc Lan	Tiến sĩ, PHT-Trưởng P. QLĐT	Thành viên
12	Nguyễn Tân Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng TCHC	Thành viên
13	Bảo Trung	Tiến sĩ, Trưởng phòng QLKH	Thành viên
14	Nguyễn Hồng Thanh	Thạc sĩ, Trưởng phòng QTTB	Thành viên
15	Nguyễn Phan Tân Minh	Sinh viên lớp CLC15DQT	Thành viên

Danh sách gồm có: 15 người



DANH SÁCH
Hội đồng tự đánh giá CTĐT chất lượng cao chuyên ngành
Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học
(Kèm theo Quyết định số 1943/QĐ-ĐHTCM ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phạm Thế Vinh	Thạc sĩ, Trưởng phòng KT-QLCL	Trưởng ban
2	Đàm Đức Tuyên	Thạc sĩ, Phó Trưởng phòng KT-QLCL	Phó Trưởng ban
3	Lưu Khánh Linh	Thạc sĩ, cán sự phòng KT-QLCL	Thành viên
4	Phan Thị Hương	Thạc sĩ, chuyên viên P. KT-QLCL	Thành viên
5	Vũ Mạnh Thành	Thạc sĩ, chuyên viên P. KT-QLCL	Thành viên
6	Tạ Thị Thu Anh	Thạc sĩ, cán sự P. KT-QLCL	Thành viên
7	Thái Kim Phong	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
8	Huỳnh Nhật Nghĩa	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
9	Nguyễn Thị Hải Bình	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
10	Phạm Thị Ngọc Mai	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
11	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên

Danh sách gồm có: 11 người

DANH SÁCH
Nhóm công tác thuộc Hội đồng tự đánh giá CTĐT chất lượng cao chuyên ngành
Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học
(Kèm theo Quyết định số 1949/QĐ-DHTCM ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing)

Nhóm 1:

- Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (3 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo (3 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (3 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học (3 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Huỳnh Thị Thu Sương	Tiến sĩ, Trưởng khoa QTKD	Trưởng nhóm
2	Trần Quốc Tuấn	Thạc sĩ, Phó Khoa QTKD	Thành viên, thư ký
3	Thái Kim Phong	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
4	Nguyễn Thị Hải Bình	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
5	Bảo Trung	Tiến sĩ, Trưởng phòng QLKH	Thành viên

Nhóm 2:

- Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học (5 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng (6 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thanh Lâm	Thạc sĩ, Phó bộ môn QT chuyên ngành tổng hợp	Trưởng nhóm
2	Huỳnh Nhật Nghĩa	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên, thư ký
3	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
4	Đặng Thị Ngọc Lan	Tiến sĩ, PHT-Trưởng P. QLĐT	Thành viên
5	Nguyễn Phi Hoàng	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên

Nhóm 3:

- Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (7 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên (5 tiêu chí)
 Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thị Minh Trâm	Thạc sĩ, Phó bộ môn QT cơ sở	Thành viên
2	Phạm Thị Ngọc Mai	Tiến sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên, thư ký
3	Nguyễn Tấn Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng TCHC	Trưởng nhóm
4	Nguyễn Hồng Thanh	Thạc sĩ, Trưởng phòng QTTB	Thành viên

Danh sách gồm có: 14 người

K.T. QLCL

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 804../QĐ-ĐHTCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính-Hải quan vào Trường Đại học Tài chính-Marketing;

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Tài chính-Marketing giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 890/QĐ-ĐHTCM ngày 29/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chất lượng chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1949/QĐ-ĐHTCM ngày 22/10/18 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing về việc thay đổi bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trường khoa Quản trị kinh doanh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá và thành viên Ban thư ký thuộc Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học, cụ thể như sau:

- Bổ sung ông Nguyễn Thanh Hải - Trưởng phòng Công tác Sinh viên, là thành viên Hội đồng tự đánh giá.
- Bà Trần Thị Xuân Lan - chuyên viên phòng Khảo thí-QLCL thay bà Phan Thị Hương, là thành viên Ban thư ký thuộc Hội đồng tự đánh giá.
- Xóa tên ông Phạm Hữu Hồng Thái - Phó Hiệu trưởng, là thành viên Hội đồng tự đánh giá.
- Xóa tên ông Huỳnh Nhật Nghĩa – giảng viên khoa Quản trị kinh doanh, là thành viên Ban thư ký và nhóm công tác.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông/bà Trưởng khoa Quản trị kinh doanh, Trưởng phòng Khảo thí-Quản lý chất lượng, Hội đồng tự đánh giá và các ông/bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT.

TÀI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-MARKETING

HIỆU TRƯỞNG

*
TS Hoàng Đức Long

42

DANH SÁCH

Thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học
(Kèm theo Quyết định số 890/QĐ-ĐHTCM 29/5/18, Quyết định số 1949/QĐ-ĐHTCM ngày 22/10/18, Quyết định số ~~804~~ 804/QĐ-ĐHTCM ngày 25/4/19 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Hoàng Đức Long	Tiến sĩ, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Văn Hiến	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	Huỳnh Thị Thu Sương	Tiến sĩ, Trưởng khoa QTKD	Phó chủ tịch
4	Phạm Thế Vinh	Thạc sĩ, Trưởng phòng KT-QLCL	Thành viên, thư ký HĐ
5	Trần Quốc Tuấn	Thạc sĩ, Phó trưởng Khoa QTKD	Thành viên
6	Nguyễn Thanh Lâm	Thạc sĩ, Phó trưởng bộ môn QT chuyên ngành tổng hợp	Thành viên
7	Nguyễn Thị Minh Trâm	Thạc sĩ, Phó trưởng bộ môn QT cơ sở	Thành viên
8	Hứa Minh Tuấn	Thạc sĩ, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
9	Lê Trung Đạo	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
10	Đặng Thị Ngọc Lan	Tiến sĩ, PHT-Trưởng P. QLĐT	Thành viên
11	Nguyễn Thanh Hải	Thạc sĩ, Trưởng phòng CTSV	Thành viên
12	Nguyễn Tấn Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng TCHC	Thành viên
13	Bào Trung	Tiến sĩ, Trưởng phòng QLKH	Thành viên
14	Nguyễn Hồng Thanh	Thạc sĩ, Trưởng phòng QTTB	Thành viên
15	Nguyễn Phan Tấn Minh	Sinh viên lớp CLC15DQT	Thành viên

Danh sách gồm có: 15 người ✓

DANH SÁCH

Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học

(Kèm theo Quyết định số 890/QĐ-ĐHTCM 29/5/18, Quyết định số 1949/QĐ-ĐHTCM ngày 22/10/18, Quyết định số 884/QĐ-ĐHTCM ngày 25/11/19 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phạm Thế Vinh	Thạc sĩ, Trưởng phòng KT-QLCL	Trưởng ban
2	Đàm Đức Tuyên	Thạc sĩ, Phó Trưởng phòng KT-QLCL	Phó Trưởng ban
3	Lưu Khánh Linh	Thạc sĩ, cán sự phòng KT-QLCL	Thành viên
4	Trần Thị Xuân Lan	Cử nhân, chuyên viên P. KT-QLCL	Thành viên
5	Vũ Mạnh Thành	Thạc sĩ, chuyên viên P. KT-QLCL	Thành viên
6	Tạ Thị Thu Anh	Thạc sĩ, cán sự P. KT-QLCL	Thành viên
7	Thái Kim Phong	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
8	Nguyễn Thị Hải Bình	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
9	Phạm Thị Ngọc Mai	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
10	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên

Danh sách gồm có: 10 người ↓

DANH SÁCH

Nhóm công tác thuộc Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học
(Kèm theo Quyết định số 890/QĐ-ĐHTCM 29/5/18, Quyết định số 1949/QĐ-ĐHTCM ngày 22/10/18, Quyết định số 804/QĐ-ĐHTCM ngày 25/4/19 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing)

Nhóm 1:

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học (3 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Huỳnh Thị Thu Sương	Tiến sĩ, Trưởng khoa QTKD	Trưởng nhóm
2	Trần Quốc Tuấn	Thạc sĩ, Phó Khoa QTKD	Thành viên, thư ký
3	Thái Kim Phong	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
4	Nguyễn Thị Hải Bình	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
5	Bảo Trung	Tiến sĩ, Trưởng phòng QLKH	Thành viên

Nhóm 2:

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học (5 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng (6 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thanh Lâm	Thạc sĩ, Phó bộ môn QT chuyên ngành tổng hợp	Trưởng nhóm
2	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên, thư ký
3	Đặng Thị Ngọc Lan	Tiến sĩ, PHT-Trưởng P. QLĐT	Thành viên
4	Nguyễn Phi Hoàng	Thạc sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên
5	Nguyễn Thanh Hải	Thạc sĩ, Trưởng phòng CTSV	Thành viên

Nhóm 3:

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (7 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên (5 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị (5 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thị Minh Trâm	Thạc sĩ, Phó bộ môn QT cơ sở	Thành viên
2	Phạm Thị Ngọc Mai	Tiến sĩ, giảng viên khoa QTKD	Thành viên, thư ký
3	Nguyễn Tấn Hưng	Tiến sĩ, Trưởng phòng TCHC	Trưởng nhóm
4	Nguyễn Hồng Thanh	Thạc sĩ, Trưởng phòng QTTB	Thành viên

Danh sách gồm có: 14 người ✓

Phụ lục 4: Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~744~~/KH-ĐHTCM-HĐTĐG-CTĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ~~29~~ tháng 5 năm 2018

KẾ HOẠCH

Tự đánh giá chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và để đăng ký kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của khoa theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

3. Công cụ tự đánh giá

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của BGDĐT ban hành Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- Công văn số 1704/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2017 của Cục Khảo thí-Kiểm định chất lượng giáo dục, hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.

- Công văn số 1705/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2017 của Cục Khảo thí- Kiểm định chất lượng giáo dục về hướng dẫn tự đánh giá (TĐG) CTĐT.

- Công văn số 1706/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2017 của Cục Khảo thí- Kiểm định chất lượng giáo dục về hướng dẫn đánh giá ngoài CTĐT.

- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của BGDĐT ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ KĐCL CTĐT của các trường ĐH, CĐ, TCCN.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng TĐG

Hội đồng TĐG CTĐT chất lượng cao chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp trình độ đại học được thành lập theo Quyết định số ~~890~~/QĐ-ĐHTCM ngày ~~29~~.5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing. Hội đồng gồm có 15 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập các văn bản minh chứng để viết sơ bộ báo cáo tự đánh giá (SAR)	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5	Nhóm 1	Đến 20/6/2018	Có thể sớm hơn
2	Tiêu chuẩn 8, 10, 11	Nhóm 2	Đến 20/6/2018	
3	Tiêu chuẩn 6, 7, 9	Nhóm 3	Đến 20/6/2018	

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Để chuẩn bị cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài, Hội đồng tự đánh giá cần huy động và sử dụng các nguồn lực sau:

TT	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Mục đích	Thời gian	Ghi chú
1	Toàn thể các bộ, giảng viên, chuyên viên trong khoa	- Tham gia cung cấp thông tin, thu thập minh chứng. - Góp ý, phản biện báo cáo tự đánh giá. - Trả lời phỏng vấn của Đoàn ĐGN (nếu có).	Đến 29/9/18	(Từ giai đoạn triển khai đến giai đoạn hoàn thành báo cáo TĐG và ĐGN nếu có)
2	Các văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành, kế hoạch, hướng dẫn, báo cáo tổng kết, giáo trình, bài giảng, hợp đồng giảng dạy, hồ sơ giảng viên, hồ sơ quản lý công việc, hồ sơ quản lý sinh viên, quản lý kết quả học tập...	Cung cấp thông tin để làm minh chứng viết báo cáo TĐG	Đến 29/9/18	
3	30 sinh viên đại diện cho các khóa	Tham gia trả lời phỏng vấn của Đoàn ĐGN	Theo kế hoạch ĐGN	
4	30 cựu sinh viên đại diện cho các khóa	Tham gia trả lời phỏng vấn của Đoàn ĐGN		
5	30 nhà tuyển dụng	Tham gia trả lời phỏng vấn của Đoàn ĐGN		
6	Cơ sở vật chất: các giảng đường, máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo	Làm minh chứng cho báo cáo TĐG và Đoàn ĐGN kiểm tra quan sát		
7	Kinh phí	- Hỗ trợ thù lao cho các nhóm thu thập minh chứng, viết báo cáo. - Hợp Hội đồng TĐG. - Photo văn bản hồ sơ minh chứng, đóng cuốn báo cáo TĐG.	Có dự trù kinh phí riêng	

		- Chuyên gia ngoài phản biện báo cáo TĐG - Đăng ký kiểm định - Các chi phí phát sinh khác nếu có		
--	--	--	--	--

6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài Trường và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu cần)

6.1. Khảo sát các bên liên quan

TT	Nội dung thông tin	Hình thức	Số lượng	Sản phẩm	Nguồn cung cấp thông tin	Tiến độ
1	Đánh giá hằng năm của sinh viên năm cuối về CTĐT. (năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017)	Bảng hỏi hoặc phỏng vấn	≥ 80%	- Dữ liệu gốc, quy trình, công cụ, kết quả xử lý số liệu. Dữ liệu thứ cấp. Biểu đồ - Biên bản phỏng vấn	P.KT-QLCL	Đến 31/5/18
2	Đánh giá của cựu sinh viên trong giai đoạn tự đánh giá. (năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017)	Bảng hỏi hoặc phỏng vấn	≥ 80%	- Dữ liệu gốc, quy trình, công cụ, kết quả xử lý số liệu. Dữ liệu thứ cấp. Biểu đồ - Biên bản phỏng vấn	Khoa phối hợp với Ban liên lạc cựu sinh viên	Đến 31/5/18
3	Đánh giá của giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT.	Bảng hỏi hoặc phỏng vấn	100%	- Dữ liệu gốc, quy trình, công cụ, kết quả xử lý số liệu. Dữ liệu thứ cấp. Biểu đồ - Biên bản phỏng vấn	Khoa	Đến 31/5/18
4	Đánh giá hằng năm của nhà tuyển dụng về chất lượng người tốt nghiệp. (năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017)	Bảng hỏi hoặc phỏng vấn	≥ 80%	- Dữ liệu gốc, quy trình, công cụ, kết quả xử lý số liệu. Dữ liệu thứ cấp. Biểu đồ. - Biên bản phỏng vấn	Khoa phối hợp trực tiếp với P.KT-QLCL	Đến 31/5/18
5	Đánh giá hằng năm của sinh viên về các hoạt động hỗ trợ người học. (năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017)	Bảng hỏi hoặc phỏng vấn	≥ 80%	- Dữ liệu gốc, quy trình, công cụ, kết quả xử lý số liệu. Dữ liệu thứ cấp. Biểu đồ	Khoa phối hợp trực tiếp với P.CTSV, KT-QLCL, Đoàn TN	Đến 31/5/18

				- Biên bản phỏng vấn		
6	Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp hằng năm. (năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017)	Bảng hỏi hoặc phỏng vấn	≥ 80%	- Dữ liệu gốc, quy trình, công cụ, kết quả xử lý số liệu. Dữ liệu thứ cấp. Biểu đồ - Biên bản phỏng vấn	Khoa phối hợp trực tiếp P.KT-QLCL	Đến 31/5/18
7	Mức độ đáp ứng của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ khác so với yêu cầu của giảng viên và người học	Bảng hỏi hoặc phỏng vấn	≥ 80%	- Dữ liệu gốc, quy trình, công cụ, kết quả xử lý số liệu. Dữ liệu thứ cấp. Biểu đồ - Biên bản phỏng vấn	Khoa phối hợp trực tiếp với Thư viện	Đến 31/5/18

6.2. Thông tin và các chỉ số đảm bảo chất lượng

TT	Nội dung thông tin	Hình thức	Sản phẩm	Nguồn cung cấp thông tin	Tiến độ
1	Thông tin và cơ sở dữ liệu chung của Trường	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	P.TCHC, QLĐT, QLKH, CTSV, KT-QLCL, QTTB và các đơn vị liên quan	Đến 31/5/18
2	Thông tin và cơ sở dữ liệu riêng của khoa	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Khoa và các đơn vị liên quan	Đến 31/5/18
3	Các chỉ số về giảng viên	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	P.TCHC	Đến 31/5/18
4	Các chỉ số về người học	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Khoa, P. QLĐT, CTSV, QLKH. KT-QLCL và các đơn vị liên quan	Đến 31/5/18
5	Các chỉ số liên quan đến nhà tuyển dụng	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Khoa, KT-QLCL và các đơn vị liên quan	Đến 31/5/18
6	Các chỉ số liên quan đến nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	P.QLKH	Đến 31/5/18
7	Các chỉ số liên quan đến cơ sở vật chất	Thu thập, tính toán số liệu theo yêu cầu	Bảng cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	P.QTTB, Thư viện	Đến 31/5/18

7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)

	- Lấy ý kiến rộng rãi bản dự thảo báo cáo TĐG trong toàn Trường, khoa; - Chính sửa hoàn thiện báo cáo TĐG.		
Từ 24/9 – 29/9/18 (1 tuần)	Hội đồng TĐG họp thông qua báo cáo TĐG chính thức và trình Hiệu trưởng ký báo cáo TĐG	- Hội đồng TĐG - Nhóm công tác - Ban thư ký HĐ	Ban Giám hiệu

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác báo cáo Ban Giám hiệu qua phòng Khảo thí-Quản lý chất lượng để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận: ✓

- BGH;
- HĐTĐG CTĐT;
- Lưu: VT, KT-QLCL, K.QTKD. ✓

HIỆU TRƯỞNG ✓



TS. Hoàng Đức Long

